

BỘ CÔNG THƯƠNG

SỔ TAY

**MỘT SỐ THÔNG TIN CẦN BIẾT
KHI XUẤT KHẨU NÔNG THỦY SẢN
SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC**



NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	5
1. ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NÔNG THỦY SẢN TRUNG QUỐC	9
1.1. Số liệu ngoại thương của Trung Quốc và hợp tác thương mại với Việt Nam	9
1.1.1. Kết quả xuất nhập khẩu nông thủy sản của Trung Quốc	9
1.1.2. Kết quả xuất khẩu nông thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc	11
1.2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu nông thủy sản của thị trường Trung Quốc	13
1.2.1. Tình hình sản xuất một số loại nông thủy sản quan trọng	13
1.2.2. Nhu cầu nhập khẩu một số loại nông thủy sản của Trung Quốc	21
1.2.3. Chuỗi cung ứng một số loại nông sản tại thị trường Trung Quốc	31
2. QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VỀ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN SANG TRUNG QUỐC	36
2.1. Các loại nông sản đã được phép xuất khẩu:	36
2.1.1. Số liệu thống kê, thị phần và đối thủ cạnh tranh chính của các nông sản chính Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc	36
2.1.2. Tình hình sản xuất trong nước	40
2.2. Quy định của Việt Nam về xuất khẩu nông thủy sản sang Trung Quốc	45
2.2.1. Chính sách thuế, lệ phí đối với hàng hóa xuất khẩu	45
2.2.2. Thực thi các quy định theo thỏa thuận hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc	46

2.2.3. Quy định về thương mại biên giới	57
2.3. Một số vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu nông thủy sản vào thị trường Trung Quốc	58
2.3.1. Lưu ý chung	58
2.3.2. Các khâu cơ bản cần triển khai khi xuất khẩu	61
3. QUY ĐỊNH VỀ NHẬP KHẨU NÔNG SẢN CỦA TRUNG QUỐC	69
3.1. Quy định chung	69
3.1.1. Về phương thức quản lý	69
3.1.2. Về hình thức xuất khẩu	70
3.2. Về thủ tục hải quan	71
3.3. Về quy định nhãn mác, bao bì đóng gói sản phẩm	71
3.4. Về quản lý chứng nhận sản phẩm, quy trình kiểm dịch và dán nhãn	72
3.4.1. Chứng nhận sản phẩm Tổng cục Kiểm dịch, Đo lường và Quản lý chất lượng Trung Quốc (AQSIQ, từ tháng 10/2018 chuyển về Tổng cục Hải quan Trung Quốc) quản lý việc chứng nhận sản phẩm và các quy trình kiểm dịch	72
3.4.2. Dán nhãn	72
3.4.3. Bao gói	77
3.5. Quy định vệ sinh ATTP đối với một số nông sản quan trọng	77
3.5.1. Mặt hàng gạo	80
3.5.2. Mặt hàng thủy sản	83
3.5.3. Mặt hàng rau quả tươi	85

3.5.4. Mặt hàng sắn và các sản phẩm từ sắn	87
3.5.5. Mặt hàng thực phẩm đóng bao gói sắn	88
3.6. Một số quy định cụ thể đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam	90
3.6.1. Thương mại quốc tế thông thường	90
3.6.2. Thương mại biên mậu	91
3.6.3. Một số thông tin về quy định của các địa phương có chung biên giới với Việt Nam	92
Phụ lục số 1: Danh sách các tổ chức cấp C/O mẫu E	101
Phụ lục số 2: Danh sách các tổ chức, doanh nghiệp xử lý xông hơi khử trùng	105
Phụ lục số 3: Danh mục các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu chính biên giới Việt Nam - Trung Quốc	109
Phụ lục số 4: Quy cách nhãn mác in trên bao bì hàng thủy sản	111
Phụ lục số 5: Danh sách một số doanh nghiệp nhập khẩu nông thủy sản của Trung Quốc	114

LỜI NÓI ĐẦU

Trong nhiều năm gần đây, Trung Quốc giữ vị trí là đối tác thương mại lớn nhất và cũng là thị trường nhập khẩu, nhập siêu lớn nhất của Việt Nam, đồng thời là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam, sau Hoa Kỳ. Hiện nay, Việt Nam là đối tác thương mại lớn nhất của Trung Quốc trong các nước ASEAN, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 6 và là thị trường nhập khẩu lớn thứ 11 của Trung Quốc.

Đối với nhóm hàng nông thủy sản, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, bình quân chiếm 27% tổng kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản của cả nước và chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa các loại sang thị trường này. Hiện Trung Quốc còn là thị trường đứng thứ 1 về cao su, rau quả và sản các loại; đứng thứ 3 về gỗ và các sản phẩm gỗ; đứng thứ 4 về chè; đứng thứ 5 về thủy sản; đứng thứ 9 về cà phê..., đồng thời vẫn đang là thị trường tiềm năng đối với một số mặt hàng nông sản khác.

Với dân số hơn 1,4 tỷ người, chiếm 18,7% tổng dân số toàn thế giới, nhu cầu nhập khẩu các sản phẩm nông thủy sản của thị trường Trung Quốc phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội địa cũng như sản xuất chế biến hàng xuất khẩu là rất lớn và đa dạng, phong phú. 32 tỉnh, thành phố của Trung Quốc đều có nhu cầu khác nhau đối với từng loại sản phẩm cụ thể, trong đó nhiều tỉnh, thành phố với dân số lớn đã có thể coi là một thị trường hấp dẫn.

Bên cạnh đó, Việt Nam và Trung Quốc đã tham gia ký kết Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA), có hiệu lực từ năm

2010, với mức thuế quan giảm về 0% đối với 8.000 dòng sản phẩm. Có thể thấy rằng, hàng hóa nông thủy sản của ta vẫn còn tiềm năng, dư địa tăng trưởng xuất khẩu sang Trung Quốc, khi đáp ứng tốt các yêu cầu ngày càng khắt khe hơn về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu của thị trường này.

Thời gian vừa qua, Trung Quốc đã tăng cường hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát về chất lượng hàng hóa nhập khẩu thông qua việc ban hành các quy định, yêu cầu, tiêu chuẩn về kiểm dịch động thực vật, truy xuất nguồn gốc, quy cách đóng gói, nhãn mác, bao bì... Điều này đã phần nào tác động đến tiến độ xuất khẩu nông thủy sản của ta sang thị trường này, bên cạnh yếu tố về cung cầu thị trường cũng như một số biến động khác đang phát sinh đối với nền kinh tế nước bạn.

Trước tình hình này, Bộ Công Thương cùng với các Bộ, ngành khác đã phối hợp chặt chẽ tổ chức nhiều hoạt động tuyên truyền, phổ biến kịp thời những thông tin về quy định của Trung Quốc đối với các mặt hàng nông thủy sản nhập khẩu tới nhiều địa phương, hiệp hội ngành hàng và doanh nghiệp xuất khẩu liên quan. Mặc dù vậy, hiện vẫn còn không ít doanh nghiệp trong nước chưa kịp thời cập nhật hoặc tuy đã biết thông tin nhưng chưa thực sự quan tâm, thay đổi phương thức tổ chức sản xuất, xuất khẩu cũng như cách thức tiếp cận thị trường phù hợp với các quy định và xu thế phát triển của thị trường Trung Quốc, dẫn đến việc chưa tận dụng được tối đa các lợi thế từ Hiệp định ACFTA mang lại, thậm chí còn gây nên tình trạng hàng hóa không thể thông quan và ứ ứ tại cảng, cửa khẩu.

Trong bối cảnh đó, việc tổng hợp và hệ thống hóa các thông tin về tiềm năng, dung lượng, thị hiếu tiêu dùng... của thị trường Trung Quốc đối với các sản phẩm nông thủy sản; về các quy định, tiêu chuẩn cụ thể liên quan đến kiểm dịch động thực vật, vệ sinh an toàn thực phẩm của Việt

Nam đối với nông thủy sản xuất khẩu cũng như của Trung Quốc đối với nông thủy sản nhập khẩu; về tập quán kinh doanh và các lưu ý khác khi xuất khẩu sang thị trường này phù hợp với tình hình thực tiễn hiện nay là hết sức cần thiết.

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương) đã tổng hợp các thông tin liên quan như đã nêu trên và biên soạn, xuất bản cuốn Sổ tay ***“Một số thông tin cần biết khi xuất khẩu nông thủy sản sang thị trường Trung Quốc”*** với mong muốn cung cấp một số thông tin cơ bản, hữu ích cho các doanh nghiệp xuất khẩu, các nhà quản lý và các tổ chức, cá nhân quan tâm, góp phần định hướng và xây dựng chủ động kế hoạch xuất khẩu nông thủy sản sang Trung Quốc trong thời gian tới, đáp ứng đúng yêu cầu của thị trường.

Cục Xuất nhập khẩu xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành tới Vụ Thị trường Châu Á - Châu Phi (Bộ Công Thương), Thương vụ Việt Nam tại Bắc Kinh, Chi nhánh Thương vụ Việt Nam tại Nam Ninh, Côn Minh và Quảng Châu cũng như các đơn vị chức năng của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cục Bảo vệ thực vật, Cục Thú y, Cục Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản) đã đóng góp tích cực trong việc soạn thảo, biên tập và có những góp ý quý báu cho cuốn Sổ tay này.

Sổ tay đề cập đến nhiều vấn đề tương đối rộng, cập nhật nhiều thông tin, tài liệu mới mang tính kỹ thuật, do đó, không tránh khỏi có những khiếm khuyết, sai sót. Cục Xuất nhập khẩu mong nhận được các ý kiến đóng góp, phản hồi của các độc giả để cuốn Sổ tay được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản tiếp theo.

Trong quá trình tham khảo, nếu có vướng mắc cần trao đổi, đề nghị các độc giả liên hệ với Cục Xuất nhập khẩu và các cơ quan, đơn vị chức năng liên quan đã được đề cập trong cuốn Sổ tay này để được hướng dẫn cụ thể hoặc cập nhật các nội dung, thông tin mang tính thời sự hơn.



1. ĐẶC ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NÔNG THỦY SẢN TRUNG QUỐC

1.1. Số liệu ngoại thương của Trung Quốc và hợp tác thương mại với Việt Nam

1.1.1. Kết quả xuất nhập khẩu nông thủy sản của Trung Quốc

Mặc dù có xảy ra căng thẳng thương mại với Hoa Kỳ, hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Trung Quốc vẫn có mức tăng trưởng kim ngạch thương mại khá cao trong năm 2018. Theo thống kê của Hải quan Trung Quốc, kim ngạch ngoại thương cả năm 2018 của Trung Quốc đạt 4.620 tỷ USD tăng 12,6%, trong đó kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc đạt 2.480 tỷ USD tăng 9,9%, kim ngạch nhập khẩu đạt 2.140 tỷ USD tăng 15,8%, xuất siêu đạt mức 351,8 tỷ USD giảm 16,2%.

10 thị trường xuất nhập khẩu lớn nhất của Trung Quốc năm 2018

TT	Thị trường	Kim ngạch (Tỷ USD)	Tăng trưởng (%)
10 thị trường xuất khẩu lớn nhất của Trung Quốc năm 2018			
1	Hoa Kỳ	478	11,3
2	Hồng Kông	302	8,2
3	Nhật Bản	147	7,2
4	Hàn Quốc	108,7	5,9
5	Việt Nam	83,8	17,2
6	Đức	77,5	9,0
7	Ấn Độ	76,7	12,7

8	Hà Lan	72,8	8,5
9	Anh	56,5	-0,3
10	Singapore	49,1	9,2

10 thị trường nhập khẩu lớn nhất của Trung Quốc năm 2018

1	Hàn Quốc	204,6	15,3
2	Nhật Bản	180,5	8,9
3	Đài Loan	177,5	13,9
4	Hoa Kỳ	155	0,7
5	Đức	106,3	9,7
6	Úc	105,4	11
7	Braxin	77,5	31,7
8	Việt Nam	63,9	27
9	Malaysia	63,2	16,2
10	Thái Lan	44,6	7,3

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

Theo thông tin từ Bộ Nông nghiệp, Nông thôn Trung Quốc, năm 2018, kim ngạch xuất nhập khẩu các mặt hàng nông thủy sản của Trung Quốc¹ đạt 216,8 tỷ USD, chiếm 5% tổng kim ngạch ngoại thương của Trung Quốc, trong đó xuất khẩu đạt 79,7 tỷ USD và nhập khẩu đạt

¹ Bao gồm ngũ cốc, rau quả, sản phẩm gia súc, thủy sản, dầu ăn, bông, đường, thủy sản...

1.371 tỷ USD, nhập siêu trong lĩnh vực này đạt 57,4 tỷ USD. Tính đến tháng 6 năm 2019, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu các mặt hàng nông thủy sản đạt 108,6 tỷ USD, tăng 1,4% so với cùng kỳ năm 2018, trong đó, xuất khẩu đạt 36,8 tỷ USD, giảm 2,5% và nhập khẩu đạt 71,8 tỷ USD, tăng 3,5%.

Các mặt hàng ngũ cốc (tiểu mạch, đại mạch, ngô, gạo, sắn) có kim ngạch nhập khẩu đạt 2,81 tỷ USD, giảm 27,2%; xuất khẩu đạt 660 triệu USD, tăng 38,9%, trong đó gạo nhập khẩu đạt 1,27 triệu tấn, giảm 28,7%; xuất khẩu đạt 1,47 triệu tấn, tăng 92,1%; sắn (chủ yếu là sắn khô) nhập khẩu đạt 1,99 triệu tấn, giảm 38,3%. Rau các loại xuất khẩu đạt 7,22 tỷ USD, giảm 1,3%; nhập khẩu đạt 470 triệu USD, tăng 16,2%. Trái cây các loại xuất khẩu đạt 2,47 tỷ USD, giảm 21,3%; nhập khẩu đạt 5,98 tỷ USD, tăng 27,4%. Thủy sản xuất khẩu đạt 10,08 tỷ USD, giảm 2,9%; nhập khẩu đạt 8,72 tỷ USD, tăng 29,8%.

Hiện nay, Trung Quốc là nền kinh tế lớn thứ 2 trên thế giới và cũng là quốc gia đông dân nhất thế giới với khoảng 400 triệu dân có mức thu nhập trung bình trở lên, do vậy dự báo đây vẫn sẽ là thị trường có dung lượng tiêu thụ lớn và ngày càng có những yêu cầu khắt khe hơn đối với chất lượng các mặt hàng nông thủy sản nhập khẩu².

1.1.2. Kết quả xuất khẩu nông thủy sản của Việt Nam sang Trung Quốc

Trong năm 2018, tổng kim ngạch thương mại 2 chiều giữa Việt Nam và Trung Quốc đạt trên 106 tỷ USD, tăng 14% so với năm 2017³ trong đó,

² Bình quân đầu người trên GDP ngày càng cao như Bắc Kinh 21.188 USD, Thượng Hải 20.421 USD, Thiên Tân 18.021 USD, Giang Tô 17.445 USD, Chiết Giang 14.907 USD, Phúc Kiến 13.838 USD...

³ Trung Quốc là đối tác thương mại đầu tiên của Việt Nam lập được kỷ lục hơn 100 tỷ USD.

kim ngạch xuất khẩu hàng hóa từ Việt Nam sang Trung Quốc đạt trên 41 tỷ USD, tăng 16% so với năm 2017. Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc chuyển biến theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng hàng công nghiệp chế tạo và hàng nông, lâm, thủy sản; giảm dần tỷ trọng xuất khẩu nguyên liệu, nhiên liệu và khoáng sản.

Đối với nhóm hàng nông thủy sản, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam, bình quân chiếm 27% tổng kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản của cả nước và chiếm 30% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa các loại của nước ta sang thị trường này. Hiện Trung Quốc còn là thị trường đứng thứ nhất về cao su, rau quả và sản phẩm; đứng thứ 3 về gỗ và các sản phẩm gỗ; đứng thứ 4 về chè; đứng thứ 5 về thủy sản; đứng thứ 9 về cà phê..., đồng thời vẫn đang là thị trường tiềm năng đối với một số mặt hàng nông sản khác.

Hiện nay, ta đang xuất khẩu sang Trung Quốc 8 mặt hàng nông thủy sản, trong đó: 5 mặt hàng chiếm tỷ trọng cao trong tổng xuất khẩu của cả nước, gồm: (i) sản phẩm và các sản phẩm từ sản chiếm 89%, tốc độ tăng trưởng bình quân xuất khẩu giai đoạn từ năm 2011 - 2018 đạt 8,5%/năm; (ii) rau quả chiếm 76%, tốc độ tăng trưởng đạt 66,4%/năm; (iii) cao su chiếm 64%, tốc độ tăng trưởng đạt 0,2%/năm; (iv) gạo chiếm 39%, tốc độ tăng trưởng đạt 32,1%/năm; 2 mặt hàng chiếm tỷ trọng (thủy sản, hạt điều) chỉ chiếm tỷ trọng 13%, tuy nhiên có mức tăng trưởng rất cao trong các năm gần đây (thủy sản tốc độ tăng trưởng đạt 31,2%/năm⁴, hạt điều tốc độ tăng trưởng đạt 14,9%/năm); các mặt hàng còn lại (hạt tiêu, chè, cà phê) chiếm tỷ trọng không cao, tốc độ tăng trưởng đạt gần 13%/năm⁵.

⁴ Tính toán từ nguồn số liệu do Tổng cục Hải quan Việt Nam công bố.

⁵ Hiện Trung Quốc đã vượt EU, Hoa Kỳ trở thành thị trường xuất khẩu cá tra lớn nhất, đang là thị trường xuất khẩu tôm sú lớn thứ 3 của Việt Nam, sau EU và Nhật Bản.

Tuy nhiên, sau một thời gian tăng trưởng xuất khẩu tích cực, từ cuối năm 2018 đến nay, tăng trưởng xuất khẩu nông thủy sản của ta sang thị trường Trung Quốc đã sụt giảm đáng kể. Sau khi giảm 5,5% trong năm 2018, kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản trong 6 tháng đầu năm 2019 lại tiếp tục giảm 10,5%. Ngoại trừ một số mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng như cao su (0,8%), chè (45,5%) và điều (24,8%), hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực đều giảm, cụ thể thủy sản giảm 1,3%, rau quả giảm 1,7%, gạo giảm mạnh 69,4% và sắn giảm 14,7%.

1.2. Tình hình sản xuất và nhập khẩu nông thủy sản của thị trường Trung Quốc

1.2.1. Tình hình sản xuất một số loại nông thủy sản quan trọng

a) Mặt hàng thủy sản

Năm 2018, Trung Quốc tiếp tục là nhà sản xuất thủy sản lớn nhất thế giới, với 64,5 triệu tấn gần như không thay đổi so với 64,4 triệu tấn được sản xuất trong năm 2017. Trong năm 2017, sản lượng thủy sản nuôi của Trung Quốc ở mức 49,1 triệu tấn, sản lượng khai thác đạt 15,4 triệu tấn. Đây là mức tăng thấp nhất trong giai đoạn từ năm 2008 - 2018 của ngành thủy sản Trung Quốc. Năm 2018, sản lượng đánh bắt tự nhiên giảm 0,5 triệu tấn, trong khi sản xuất thủy sản nuôi tăng 0,6 triệu tấn so với năm 2017 vẫn duy trì cơ cấu khoảng ba phần tư sản xuất được nuôi cấy, trong khi một phần tư là đánh bắt tự nhiên. Sang năm 2019, dự kiến mức tăng sản xuất thủy sản của Trung Quốc vẫn thấp do các hạn chế về tài nguyên đất nuôi trồng thủy sản (dùng mở rộng diện tích từ năm 2016) cũng như các hạn chế về khả năng đánh bắt. Điều này bắt nguồn từ những lo ngại về môi trường và sự giám sát của chính phủ Trung Quốc hạn chế việc khai thác nước tài nguyên và phát triển ven biển.

Hoạt động đánh bắt hải sản tự nhiên ngày càng bị thách thức bởi sản lượng khai thác hạn chế ở Trung Quốc và các vùng biển khác. Ngoài ra, do chính quyền Trung ương Trung Quốc và các địa phương Trung Quốc đã duy trì phần lớn, và trong một số trường hợp mở rộng, lệnh cấm đánh bắt theo mùa trong đại dương và nước ngọt góp phần làm giảm tổng sản lượng đánh bắt tự nhiên.

Dựa trên Kế hoạch phát triển đánh bắt cá đại dương (trong giai đoạn từ năm 2016 - 2020), Trung Quốc sẽ duy trì đội tàu khai thác gồm 3.000 tàu ở các vùng lãnh hải khác vào năm 2020. Số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp, Nông thôn Trung Quốc cho biết, có 2.571 tàu đánh bắt đại dương cho đến cuối của năm 2017. Theo kế hoạch, đây là một nỗ lực để bảo vệ các đại dương toàn cầu và thúc đẩy phát triển bền vững, Bộ Nông nghiệp, Nông thôn Trung Quốc cũng khuyến khích nâng cấp các tàu đánh cá đại dương và thực hiện việc không tăng sản lượng đánh bắt tại các vùng biển Trung Quốc từ năm 2016. Sản lượng khai thác đại dương ở các vùng lãnh hải khác được đặt ở mức 2,34 triệu tấn, trong đó ước tính 65% được dành cho tiêu dùng nội địa.

Bộ Nông nghiệp, Nông thôn Trung Quốc cũng tăng cường giám sát đánh bắt cá trong năm 2017, đình chỉ hoạt động của hơn 4.000 tàu đánh cá và phá hủy hơn 30.000 thiết bị đánh cá bất hợp pháp như lưới. Năm 2018, lệnh cấm đánh bắt cá mùa hè ở các vùng biển Trung Quốc mở rộng từ giai đoạn 2 đến 3 tháng (tùy theo khu vực) sang giai đoạn 3 đến 4 tháng (từ ngày 1 tháng 5 đến giữa tháng 8 hoặc đầu tháng 9, tùy theo khu vực). Bộ Nông nghiệp, Nông thôn Trung Quốc có kế hoạch giảm sản lượng đánh bắt tự nhiên vùng biển trong nước đến 10 triệu tấn vào năm 2020 từ mức 11,12 triệu tấn năm 2017. Trong những năm gần đây, sản lượng khai thác thủy sản nước ngọt Trung Quốc ở mức khoảng 2 triệu tấn/năm⁶.

⁶ Năm 2017 đến nay, sản lượng tăng nhẹ lên 2,18-2,2 triệu tấn.

Trung Quốc vẫn là nhà sản xuất thủy hải sản nuôi lớn nhất thế giới, bình quân chiếm 2/3 sản lượng toàn cầu, vào khoảng đạt mức 48 - 49 triệu tấn/năm⁷. Dự đoán nhu cầu trong nước của Trung Quốc ngày càng tăng đối với các sản phẩm thủy sản, trong khi sản lượng khai thác thấp hơn, sản lượng nuôi trồng tăng ổn định từ sau năm 2018, thông qua việc đổi mới kỹ thuật thay vì mở rộng sử dụng tài nguyên nước như thời gian trước.

b) Mặt hàng gạo

Lúa gạo là cây lương thực truyền thống của Trung Quốc với diện tích gieo trồng lớn nhất trong số các loại cây lương thực, được sản xuất và tiêu thụ quan trọng hàng đầu trong đời sống sinh hoạt của người Trung Quốc. Khoảng 60% dân số Trung Quốc (tương đương 780 triệu người) sử dụng gạo là thức ăn hàng ngày.

Lúa gạo được trồng khắp 22/23 tỉnh, thành, khu tự trị tại Trung Quốc (trừ tỉnh Thanh Hải). Dự báo trong vòng 10 năm tới diện tích quy hoạch gieo trồng cây lúa gạo của Trung Quốc sẽ ổn định và có xu hướng giảm dần⁸, chiếm khoảng 25% tổng diện tích các cây lương thực được trồng tại Trung Quốc, tương đương còn khoảng 29.482 nghìn ha vào năm 2020 và 29.442 nghìn ha vào năm 2025 (tức giảm khoảng 0,3% tổng diện tích trong vòng 10 năm). Tuy nhiên, mặc dù diện tích gieo trồng có xu hướng thu hẹp dần song vẫn đảm bảo duy trì sản lượng ở mức 143,6 triệu tấn gạo vào năm 2020 và 144,2 triệu tấn gạo vào năm 2025.

Trong hai năm 2017 và 2018, tổng lượng gạo do Trung Quốc tự sản xuất cơ bản ổn định, theo đó, tổng lượng gạo năm 2017 đạt 208,6 triệu tấn; năm 2018 đạt 212,1 triệu tấn, dự báo năm 2019 tổng sản lượng gạo của

⁷ Theo số liệu ước tính của FAO.

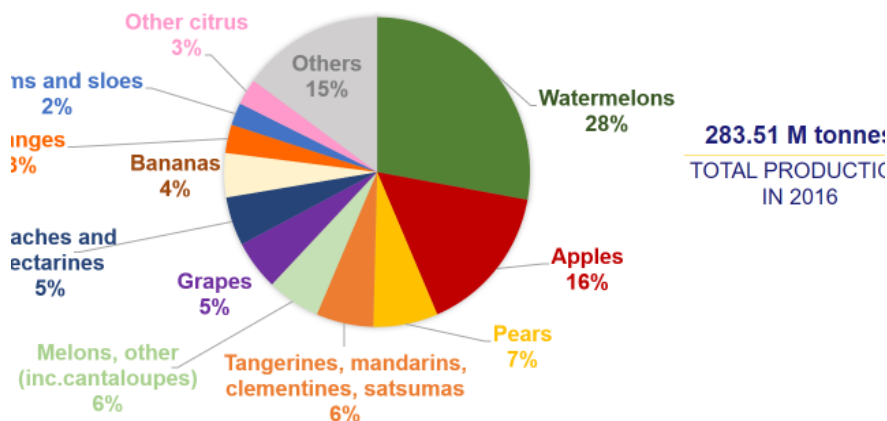
⁸ Theo “Báo cáo Triển vọng Nông nghiệp Trung Quốc 2016 - 2025”.

Trung Quốc tự sản xuất sẽ vào khoảng trên 200 triệu tấn, về cơ bản đáp ứng được nhu cầu về sử dụng lương thực của Trung Quốc.

c) Mặt hàng trái cây tươi

Trung Quốc hiện đã củng cố vị thế là nhà sản xuất rau quả lớn nhất thế giới, vượt qua Ấn Độ và Hoa Kỳ. Sản lượng rau quả tươi của Trung Quốc đạt hơn 725 triệu tấn/năm, chiếm 39% sản lượng rau quả của thế giới (tiếp theo là Ấn Độ 10% và Hoa Kỳ 4%. Trong đó sản lượng rau đạt 480 triệu tấn/năm (khoai tây, cà chua và cải bắp là những sản phẩm quan trọng nhất), sản lượng trái cây đạt 290 triệu tấn/năm (dưa hấu, táo và lê là những sản phẩm hàng đầu)⁹.

China fruit production 2016



Source: FAOSTAT (Feb, 2018) and China National Bureau of Statistics

⁹ Theo số liệu thông kê của FAO và Tổng cục Thống kê quốc gia Trung Quốc.

Tình hình sản xuất một số loại trái cây của Trung Quốc¹⁰ như sau:

* **Thanh long:** Tổng diện tích gieo trồng thanh long của Trung Quốc hiện ước tính đạt gần 40.000 ha, trong đó, Quảng Tây là vùng trồng lớn nhất¹¹, tiếp đến là các tỉnh Quảng Đông, Quý Châu, Hải Nam, Vân Nam, Phúc Kiến và còn đang tiếp tục mở rộng sang các địa phương khác như Trùng Khánh, Tứ Xuyên, Hồ Nam, Sơn Tây, Chiết Giang, Sơn Đông... Quả thanh long đã được một số địa phương như Quảng Tây, Hải Nam đưa vào Danh mục hoa quả trọng điểm phát triển trong Kế hoạch 5 năm lần thứ 13. Dự kiến diện tích gieo trồng và sản lượng thanh long của Trung Quốc trong một số năm tới đây sẽ còn tiếp tục tăng.

Về thời gian thu hoạch, thanh long nội địa Trung Quốc bắt đầu thu hoạch từ tháng 5 đến khoảng tháng 11 hàng năm, rải rác trong khắp các địa phương trồng thanh long, không chênh lệch nhiều so với mùa vụ của Việt Nam (chính vụ từ tháng 4 đến tháng 8 hàng năm).

Về giá cả, tại các vùng trồng thanh long quy mô lớn có giá ổn định, giá thu mua tại vườn hiện bình quân từ 6 - 8 NDT/kg và khi đến tay người tiêu dùng Bắc Kinh giá thấp nhất là khoảng 21 NDT/kg. Giá thanh long thường cao vào thời điểm cuối năm trước và đầu năm sau (thời điểm không phải vào vụ thu hoạch thanh long nội địa Trung Quốc). Khi nguồn cung nội địa tăng vào đầu mùa hè, thông thường giá thanh long trên thị trường có xu hướng chững lại, thậm chí giảm. Bên cạnh đó, cùng với thanh long, thời điểm đầu tháng 5 trở đi là thời điểm bước vào vụ thu hoạch của nhiều loại trái cây tại Trung Quốc như táo, đào, lê, dưa hấu, vải, anh đào..., do đó, không chỉ riêng thanh long, giá trái cây

¹⁰ Việt Nam cũng có thể mạnh xuất khẩu các loại trái cây này tại thị trường Trung Quốc

¹¹ Diện tích đạt gần 15.300 ha, chiếm gần 40% tổng diện tích trồng thanh long toàn Trung Quốc.

nói chung tại thị trường này đều có xu hướng giảm mặc dù nhu cầu tiêu thụ vẫn tăng nhất định.

Về nhập khẩu, tổng lượng thanh long mà Trung Quốc phải nhập khẩu từ nước ngoài bình quân khoảng 530 - 550 nghìn tấn/năm, trong đó chủ yếu là từ Việt Nam với tỷ trọng chiếm tới 98%. Nhìn chung, nguồn cung thanh long cho thị trường Trung Quốc hiện cơ bản từ 2 nguồn là nội địa và nhập khẩu từ Việt Nam. Địa bàn chính tiêu thụ thanh long Việt Nam là các địa phương như Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam.

*** Dưa hấu:** Với diện tích trồng hơn 2 triệu ha, chiếm tỷ trọng 10% tổng diện tích trồng cây ăn quả, rau màu của cả Trung Quốc, sản lượng bình quân khoảng 73 - 75 triệu tấn/năm với giá trị hơn 2 nghìn tỷ nhân dân tệ (khoảng 290,8 tỷ USD), hiện Trung Quốc đứng đầu thế giới về cả sản xuất và tiêu thụ dưa hấu. Năm 2018, sản lượng dưa hấu của Trung Quốc đạt hơn 79 triệu tấn, trong khi nhập khẩu và xuất khẩu loại trái cây này lần lượt ở mức 234.724 tấn và 30.968 tấn. Dự báo đến năm 2020, sản lượng dưa hấu của Trung Quốc sẽ đạt khoảng 81,8 triệu tấn¹².

Có 22/23 tỉnh, thành phố của Trung Quốc có diện tích canh tác dưa hấu. Dưa hấu tại Trung Quốc được trồng nhiều tại hai khu vực: Đồng bằng châu thổ của sông Dương Tử - Hoa Đông (bao gồm các địa phương Thượng Hải, Giang Tô và Chiết Giang, Sơn Đông, An Huy, Giang Tây, và Phúc Kiến) và khu vực các tỉnh miền Trung, Nam Trung Quốc (gồm Hà Nam, Chiết Giang, Giang Tô, Hồ Bắc, Hồ Nam, Quảng Tây, Quảng Đông và Hải Nam). Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp, Nông thôn Trung Quốc, hiện diện tích trồng của hai khu vực này chiếm tới 70% diện tích trồng của Trung Quốc.

Hải Nam là địa phương vào vụ dưa sớm nhất, tiếp đó là Quảng Tây, Chiết Giang, Giang Tô, Sơn Đông. Do đó, thị trường Trung Quốc có xu hướng

¹² Theo dự đoán của Công ty Tư vấn thị trường Askci Consulting.

tăng cường nhập khẩu dưa hấu trong giai đoạn từ tháng 11 năm trước đến tháng 4 năm sau. Lượng nhập khẩu dưa hấu của Trung Quốc từ năm 2014 đến năm 2018 bình quân đạt khoảng trên 200 nghìn tấn/năm với kim ngạch 30 triệu USD/năm, song đang có xu hướng giảm dần. Hiện nay, ngoài Việt Nam, Trung Quốc còn nhập khẩu dưa hấu từ Malaysia và Myanmar.

Về tập quán tiêu dùng, dưa hấu tươi tại Trung Quốc thường được dùng làm món ăn tráng miệng của người Trung Quốc trong các bữa ăn, hoặc ép làm nước quả trong mùa hè để thanh nhiệt giải độc. Tuy nhiên, do điều kiện sinh hoạt ngày càng được nâng cao, nhu cầu của người Trung Quốc, đặc biệt là người miền Bắc ngày càng đa dạng và có xu hướng thích sử dụng dưa hấu vào dịp Tết Nguyên đán¹³. Người tiêu dùng Trung Quốc cũng thường lựa chọn trái dưa nhỏ, vừa phải với trọng lượng khoảng 3 - 4 kg/quả, chủng loại được ưa dùng là Hắc mỹ nhân.

Để đáp ứng nhu cầu thị hiếu này và nhằm tối ưu hóa lợi nhuận, một số năm trở lại đây các hộ nông dân, các doanh nghiệp Trung Quốc có xu hướng trồng dưa trái vụ và đồng loạt xuống giống với diện tích lớn, mục tiêu nhằm vào thời điểm cận và sau Tết Nguyên đán hoặc đầu tư thuê đất trống, hợp tác cung cấp giống, vốn, kỹ thuật cho nông dân một số nước láng giềng phía Nam - nơi có khí hậu phù hợp trồng dưa hấu cung ứng như Myanmar, Lào để trồng dưa hấu xuất khẩu vào Trung Quốc.

*** Vải thiều:** Tổng sản lượng vải thiều của Trung Quốc năm 2018 đạt 2,88 triệu tấn, tăng 48,2% so với sản lượng năm 2017 là 1,94 triệu tấn. Điều đáng chú ý là Quảng Tây và Quảng Đông chiếm hơn 80% tổng diện tích trồng vải thiều ở Trung Quốc. Khối lượng sản xuất của hai tỉnh này tương đương nhau và chiếm hơn 80% khối lượng sản xuất vải thiều của Trung Quốc.

¹³ Dưa hấu có màu đỏ, tượng trưng cho sự may mắn theo quan niệm của người Trung Quốc.

* **Xoài:** Đến nay, Trung Quốc là nhà sản xuất xoài lớn thứ hai trên thế giới sau Ấn Độ, với sản lượng chiếm 10% sản lượng toàn cầu. Hàng năm, Trung Quốc duy trì sản xuất ở mức 4,7 triệu tấn với diện tích trồng khoảng 460 nghìn ha.

* **Mít:** Cho đến nay, phần lớn mít trên thị trường Trung Quốc vẫn chủ yếu đến từ hai nguồn là Thái Lan và Việt Nam. Mít thương phẩm sản xuất tại Trung Quốc chưa được thống kê hoặc với lượng rất nhỏ, không đáng kể.

* **Chôm chôm:** Sản xuất thương mại ở Trung Quốc, mặc dù đã tăng nhanh kể từ đầu những năm 1990, nhưng chỉ giới hạn ở một vài địa phương có khí hậu nhiệt đới của Trung Quốc, tức là phía nam Hải Nam và Xishuangbanna của tỉnh Vân Nam. Diện tích chôm chôm thương phẩm hiện đang duy trì ở mức 2.000 ha.

* **Nhãn:** Sản lượng nhãn của Trung Quốc bình quân đạt mức 1,8 triệu tấn, dẫn đầu thế giới và chiếm 50% sản lượng toàn cầu¹⁴. Diện tích trồng nhãn chính của Trung Quốc tập trung tại 3 tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây và Phúc Kiến, chiếm 90% sản lượng của toàn Trung Quốc.

d) Mật hàng sắn khô và tinh bột sắn

Sắn là loại cây trồng nhiệt đới trọng yếu của miền Nam Trung Quốc, do điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu hạn chế nên Trung Quốc thiếu hụt mạnh về nguyên liệu sắn, có nhu cầu nhập khẩu sắn lớn nhất thế giới, lượng nhập khẩu chiếm trên 70% kim ngạch ngoại thương.

Nhằm đẩy mạnh điều chỉnh cơ cấu nông nghiệp, nâng cao chất lượng sản phẩm nông nghiệp, có giá trị hàng hóa cao, Trung Quốc đã mở rộng diện tích trồng, sản xuất sắn trên toàn quốc với tổng diện tích

¹⁴ Theo số liệu ước tính của FAO.

hơn 400.000 ha, sản lượng hơn 900 vạn tấn, sản xuất chủ yếu ở các địa phương như Quảng Tây, Hải Nam, Vân Nam, Quảng Đông, Phúc Kiến, Giang Tây, trong đó Quảng Tây là vùng trồng sản chiếm diện tích lớn nhất toàn quốc, khoảng 60% tổng diện tích. Sản lượng tinh bột sắn trên toàn quốc là hơn 80 vạn tấn, trong đó Quảng Tây chiếm 70%. Hàng năm, nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc vào khoảng 150-200 vạn tấn sắn các loại, chủ yếu từ Việt Nam và Thái Lan (khoảng 80 vạn tấn). Dự báo, nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc đến năm 2020 là trên 300 vạn tấn¹⁵.

1.2.2. Nhu cầu nhập khẩu một số loại nông thủy sản của Trung Quốc

Trung Quốc là thị trường nông thủy sản lớn với nhu cầu phong phú, đa dạng và khác nhau giữa các vùng miền. *Các tỉnh Đông Bắc và khu vực miền Trung* Trung Quốc có nhu cầu thường xuyên về rau quả nhiệt đới, thực phẩm đồ uống chế biến từ nguyên liệu hoa quả nhiệt đới; *miền Tây Nam Trung Quốc* có nhu cầu thường xuyên về thủy hải sản do không có biển; với địa hình miền núi hiểm trở, *miền Đông* có nhiều thành phố lớn và đặc khu kinh tế, có nhu cầu lớn nhiều loại sản phẩm cao cấp từ các nước láng giềng phía Nam như đồ gỗ cao cấp, thủy hải sản tươi sống cao cấp, hoa quả nhiệt đới cao cấp; *các tỉnh phía Nam và giáp biên* thường xuyên có nhu cầu về than, khoáng sản do vận chuyển từ phía Bắc xuống không hiệu quả.

Bên cạnh đó, do tốc độ phát triển kinh tế không đồng đều, các tầng lớp dân cư thu nhập khác nhau dẫn đến nhu cầu tiêu thụ hàng hóa khác nhau (có nơi cao như các nước phát triển 18.000 - 20.000 USD/người/năm, có nơi thấp 350 - 400 USD/người/năm). Theo dự báo của HSBC, từ năm 2016 đến nay, Trung Quốc đã chuyển dịch cơ cấu kinh tế của mình

¹⁵ Theo số liệu ước tính của Công ty Tư vấn thị trường Askci Consulting.

đi từ đầu tư, hướng tới một mô hình tăng trưởng tiêu dùng dẫn đầu và di chuyển lên chuỗi giá trị, dẫn đến cơ cấu nhập khẩu sẽ thay đổi theo.

Năm 2018, theo Bộ Thương mại Trung Quốc, kim ngạch nhập khẩu các mặt hàng nông thủy sản nói chung của Trung Quốc đạt 137,15 tỷ USD, tăng 10% so với 2017. Tính đến hết tháng 7 năm 2019, kết quả nhập khẩu nông thủy sản của Trung Quốc từ thế giới và từ Việt Nam chi tiết như bảng sau:

TT	Tên sản phẩm	Mã HS	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam	
			Lượng (tấn)	KNNK (triệu USD)	Lượng (tấn)	KNNK (triệu USD)
1	Thủy sản các loại					
	Tôm	0306	424.396	3.700	14.999	138
		03061490		134		
	Cá tra, Cá basa	0303				
		030324	14.592	28	14.312	28
	Mực, bạch tuộc	160529				3
2	Trái cây các loại					
	Chuối	0803		1.700		
		08039000		692		
	Xoài	08045020	13.155	22	80	0,04
	Thanh Long	08109092	271.350	225	271.220	225
	Dưa hấu	08071100	247.445	39	207.645	37
	Vải	08109020	66.474	30	65.541	29

	Nhãn	08109010	249.613	230	125.930	70
	Chôm Chôm	08109040	1.189	3	61	0,04
3	Hạt điều	08013200	10.679	78	10.360	75
4	Cà phê					
	Cà phê chưa rang	090111	29.911	78	13.246	21
	Chiết xuất uống liền	210112	16.424	67	4.394	18
5	Sắn và các sản phẩm sắn					
	Sắn lát khô	07141011	2.200.000	494	132.756	29
	Tinh bột sắn	11081400	1.400.000	623	411.660	175
6	Gạo		1.400.000	718	313.319	158
		10063020	969.300	552	236.016	122
		10064020	285.000	111		

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

a) Mặt hàng thủy sản

Với dân số chiếm 1/5 thế giới lại đa dạng về nhu cầu nên lượng tiêu thụ thủy sản của Trung Quốc đang có xu hướng tăng trong thời gian gần đây, đặc biệt khi sản xuất trong nước đang vướng phải vấn đề môi trường. Theo dự báo của FAO, Trung Quốc sẽ trở thành nước nhập khẩu thủy sản lớn nhất thế giới với kim ngạch nhập khẩu khoảng 2,2 - 2,5 tỷ USD; tiêu thụ bình quân đầu người cũng gia tăng (từ 33,1kg/người năm 2010 lên 35,9kg/người năm 2020), trong đó tiêu thụ thủy sản tươi (cá, tôm, mực và bạch tuộc) dự kiến tăng bình quân 4,8%/năm đến 2020.

Nhập khẩu thủy sản Trung Quốc đạt kim ngạch nhập khẩu cao nhất vào năm 2018, khi chủ yếu nhập khẩu các sản phẩm có giá trị gia tăng với kim ngạch cao hơn các sản phẩm thông thường như mọi năm. Năm 2018, nhập khẩu thủy sản đạt mức 3,3 triệu tấn, với kim ngạch 14,8 tỷ USD, tăng 13% về lượng và 31% về kim ngạch so với năm 2017. Tính đến hết tháng 7 năm 2019, kết quả nhập khẩu thủy sản của Trung Quốc từ thế giới và từ Việt Nam chi tiết như bảng sau:

Tên sản phẩm	Mã HS	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam	
		Số lượng (tấn)	Kim ngạch (triệu USD)	Số lượng (tấn)	Kim ngạch (triệu USD)
Thủy sản các loại					
Tôm	0306	424.396	3.700	14.999	138
	03061490		134		
Cá tra, Cá basa	0303				
	030324	14.592	28	14.312	28
Mực, bạch tuộc	160529				3

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

Chủng loại sản phẩm thủy sản Việt Nam hiện được xuất khẩu sang Trung Quốc chủ yếu là tôm đông lạnh, cá tra, cá basa, cua, ghẹ, bạch tuộc... Riêng khu vực Tây Nam, Trung Quốc (Trùng Khánh, Tứ Xuyên) có nhu cầu lớn với cá hổ. Về hình thức vận chuyển, ta xuất khẩu sang các thị trường khu vực miền Đông bằng hình thức như Thượng Hải (đường

hàng không), Chiết Giang (đường biển) và Quảng Tây (đường bộ). Ngoài ra, Vân Nam cũng là địa phương có nhu cầu nhập khẩu các mặt hàng thủy sản lớn, tuy nhiên do khó khăn về khâu vận chuyển và thời gian thông quan nên Việt Nam chưa khai thác được hiệu quả thị trường này.

b) Mặt hàng gạo

Các thị trường xuất khẩu gạo chính vào Trung Quốc năm 2018 gồm:

1. Việt Nam: 739,2 triệu USD (chiếm thị phần 46,2% tại Trung Quốc)
2. Thái Lan: 508,4 triệu USD (chiếm 31,8%)
3. Pakistan: 145,4 triệu USD (chiếm 9,1%)
4. Cambodia: 122,8 triệu USD (chiếm 7,7%)
5. Lào: 38 triệu USD (chiếm 2,4%)
6. Myanmar (Burma): 31,5 triệu USD (chiếm 2%)
7. Đài Loan: 11,9 triệu USD (chiếm 0,8%)
8. Nhật: 1,9 triệu USD (chiếm 0,1%)

Tính đến hết tháng 7 năm 2019, kết quả nhập khẩu gạo của Trung Quốc từ thế giới và từ Việt Nam chi tiết như bảng sau:

Tên sản phẩm	Mã HS	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam	
		Lượng (tấn)	KNNK (triệu USD)	Lượng (tấn)	KNNK (triệu USD)
Gạo		1.400.000	718	313.319	158
	10063020	969.300	552	236.016	122
	10064020	285.000	111		

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

Số liệu thời gian gần đây cho thấy, nhu cầu nhập khẩu gạo của Trung Quốc đang giảm dần, đáng lo ngại là trong các tháng đầu năm 2019 trị giá nhập khẩu gạo của Trung Quốc chỉ ở mức thấp, trong khi xuất khẩu đạt gần bằng lượng nhập khẩu¹⁶. Nguyên nhân là tồn kho gạo của Trung Quốc đã tăng từ 76 triệu tấn mùa vụ năm 2014/2015 lên 113 triệu tấn mùa vụ 2018/2019, kéo theo tỷ lệ tồn kho/sử dụng tăng từ 54% niên vụ 2014/2015 đến 79% niên vụ 2018/2019. Để giảm bớt tồn kho này, Trung Quốc đang xuất khẩu một lượng lớn gạo cũ sang thị trường châu Phi. Việc này đã được Trung Quốc thực hiện trong năm 2018, tuy nhiên đến những tháng đầu năm 2019, xuất khẩu của nước này mới tăng mạnh, trong khi đó, nhập khẩu gạo giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước.

Về thị hiếu và tập quán tiêu dùng, trước đây, phần lớn sản phẩm gạo Trung Quốc nhập khẩu từ Việt Nam đều là các loại gạo phẩm cấp thấp, trung bình để phục vụ chế biến hoặc nấu trộn với các chủng loại gạo của Trung Quốc. Tuy nhiên, nhận thức của người tiêu dùng Trung Quốc về gạo Việt Nam hiện đã được thay đổi, theo đó một số chủng loại gạo trắng cao cấp, gạo thơm của Việt Nam đã được Trung Quốc nhập khẩu nhiều. Đa số người dân Trung Quốc đều cư trú ở các khu nhà cao tầng, đặc biệt là các thành phố lớn với tầng lớp dân cư trẻ nên có nhu cầu đối với các chủng loại gạo cao cấp, chất lượng tốt và ổn định dưới dạng đóng gói nhỏ/vừa, hút chân không, khoảng từ 5 - 25kg, in tiếng Trung Quốc có ghi rõ nguồn gốc xuất xứ, màu sắc đặc sắc và bắt mắt. Việc mua hàng chủ yếu là trực tiếp tại hệ thống siêu thị/cửa hàng tiện ích hoặc thông qua thương mại điện tử. Các tỉnh, thành phố có tiềm năng tiêu thụ gạo của Trung Quốc có thể kể đến là Quảng Đông, Quảng Tây, Vân Nam, Bắc Kinh, Trùng Khánh, Chiết Giang, Phúc Khánh, Hồ Nam...

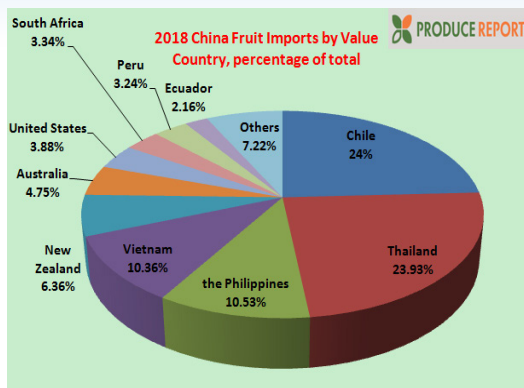
¹⁶ Nhập khẩu gạo của Trung Quốc trong 4 tháng đầu năm 2019 đạt 850 nghìn tấn, giảm 24,4% so với cùng kỳ, trong khi xuất khẩu đạt gần bằng lượng nhập khẩu, đạt 829,9 nghìn tấn, tăng 112,4%.

c) Mặt hàng trái cây tươi

Trong thời gian qua, mặc dù sản lượng trái cây ôn đới Trung Quốc sản xuất vẫn không ngừng gia tăng như táo, lê, cam... nhưng các loại trái cây nhiệt đới như thanh long, nhãn, vải, sầu riêng... vẫn được Trung Quốc nhập khẩu đáng kể để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tiêu dùng. Với biến động thời tiết bất lợi trong 2 năm 2015 - 2016 làm nguồn cung nội địa đối với một số loại trái cây bị ảnh hưởng, nhu cầu nhập khẩu của Trung Quốc đã không ngừng gia tăng, bình quân đạt 5,5 - 6,0 tỷ USD/năm trong giai đoạn 2015 - 2018, chiếm 15,1% tổng tiêu thụ của thế giới, cao hơn so với Nhật Bản, EU và Hoa Kỳ; tiêu thụ bình quân đầu người của Trung Quốc đối với trái cây các loại bình quân là 2,3 - 2,6 tỷ USD/năm, trong đó chuối là 650 - 700 nghìn USD/năm, thanh long là 615 - 660 nghìn USD/năm, nho là 610 - 630 nghìn USD/năm, nhãn là 300 - 340 nghìn USD/năm, măng cụt là 200 - 230 nghìn USD/năm...

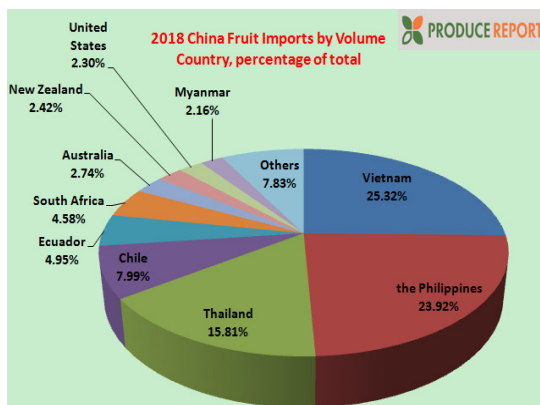
Theo số liệu của Hải quan Trung Quốc, năm 2018, Trung Quốc nhập khẩu khoảng 4,86 triệu tấn trái cây, với giá trị 6,95 tỷ USD tăng lần lượt 25,91% và 36,48% so với năm 2017. Mặc dù tăng trưởng kinh tế đã chậm lại ở Trung Quốc, dữ liệu nhập khẩu cho thấy đây vẫn là một trong những thị trường năng động nhất cho trái cây tươi.

5 nước cung cấp trái cây hàng đầu cho Trung Quốc năm 2018 theo giá trị xuất khẩu là Chile (1,68 tỷ USD, tăng 68,40% so với cùng kỳ), Thái Lan (1,67 tỷ USD, tăng 66,95% so với cùng kỳ), Philippines (0,73 tỷ USD, tăng 41,95% so với cùng kỳ), Việt Nam (0,72 tỷ USD, tăng 12,32% so với cùng kỳ) và New Zealand (0,44 tỷ USD, tăng 25,14% so với cùng kỳ). Năm 2017, Chile và Thái Lan chiếm lần lượt 24,23% và 23,93% tổng giá trị nhập khẩu.



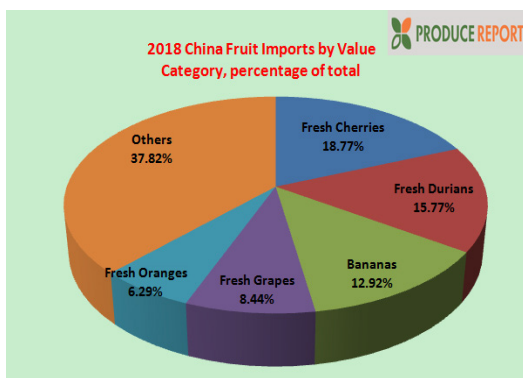
Nguồn: FAOSTAT

Do ảnh hưởng cuộc xung đột thương mại giữa hai nền kinh tế lớn nhất thế giới, Trung Quốc nhập khẩu trái cây từ Hoa Kỳ chỉ đạt 269 triệu USD, giảm 31,09% so với năm trước. Thị phần của Hoa Kỳ trong thị trường trái cây nhập khẩu của Trung Quốc cũng giảm mạnh từ 7,68% năm 2017 xuống còn 3,88% vào năm 2018.



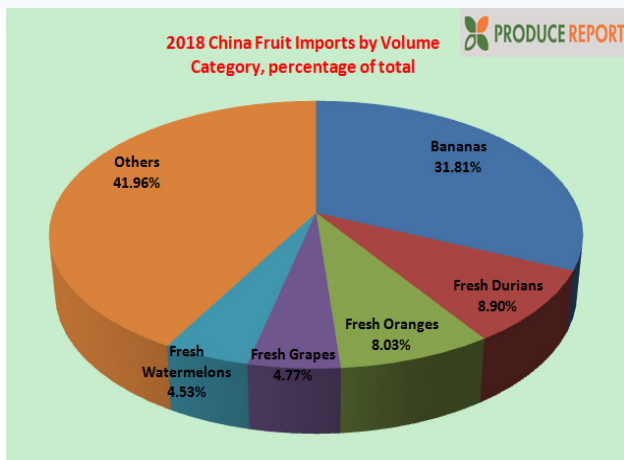
Nguồn: FAOSTAT

Năm 2018, Việt Nam vẫn là nhà xuất khẩu trái cây hàng đầu sang Trung Quốc (đạt 1,23 triệu tấn, tăng 9,72% so với cùng kỳ), tiếp theo là Philippines (1,16 triệu tấn, tăng 37,61% so với cùng kỳ), Thái Lan (0,77 triệu tấn, tăng 49,55% so với cùng kỳ), Chile (0,39 triệu tấn, tăng 52,43% so với cùng kỳ) và Ecuador (0,24 triệu tấn, tăng 44,42% so với cùng kỳ). Gần một nửa nguồn cung trái cây nhập khẩu của Trung Quốc trong năm 2018 có nguồn gốc từ Việt Nam và Philippines, chiếm 25,32% và 23,92% tổng khối lượng nhập khẩu trái cây của Trung Quốc.



Nguồn: FAOSTAT

Từ góc độ của các loại trái cây, các loại xếp thứ hạng cao theo thứ tự về kim ngạch nhập khẩu gồm anh đào tươi (1,30 tỷ USD, tăng 69,42% so với cùng kỳ), sầu riềng tươi (1,10 tỷ USD, tăng 98,35%), chuối (0,90 tỷ USD, tăng 54,84% so với cùng kỳ), bưởi (0,59 tỷ USD, giảm 0,31% so với cùng kỳ) và cam tươi (0,44 tỷ USD, tăng 14,39% so với cùng kỳ); xếp thứ hạng cao theo thứ tự về sản lượng gồm chuối (1,54 triệu tấn, tăng 48,65% so với cùng kỳ), sầu riềng tươi (0,43 triệu tấn, tăng 92,50% so với cùng kỳ), cam tươi (0,39 triệu tấn, tăng 8,96% so với cùng kỳ) tấn, giảm 0,97% so với cùng kỳ) và dưa hấu tươi (0,22 triệu tấn, tăng 16,79% so với cùng kỳ).



Nguồn: FAOSTAT

Tính đến hết tháng 7 năm 2019, kết quả nhập khẩu một số loại trái cây của Trung Quốc từ thế giới và từ Việt Nam chi tiết như bảng sau:

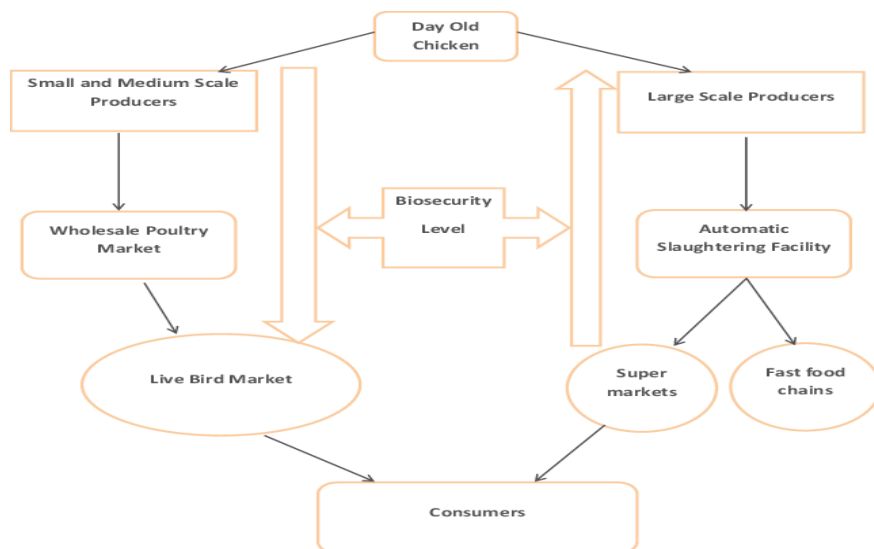
Tên sản phẩm	Mã HS	Nhập khẩu từ thế giới		Nhập khẩu từ Việt Nam	
		Lượng (tấn)	KNNK (triệu USD)	Lượng (tấn)	KNNK (triệu USD)
Chuối	0803		1.700		
	08039000		692		
Xoài	08045020	13.155	22	80	0,04
Thanh Long	08109092	271.350	225	271.220	225

Dưa hấu	08071100	247.445	39	207.645	37
Vải	08109020	66.474	30	65.541	29
Nhãn	08109010	249.613	230	125.930	70
Chôm Chôm	08109040	1.189	3	61	0,04

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc

1.2.3. Chuỗi cung ứng một số loại nông sản tại thị trường Trung Quốc

a) Mặt hàng thịt gia cầm



Nguồn: FAOSTAT

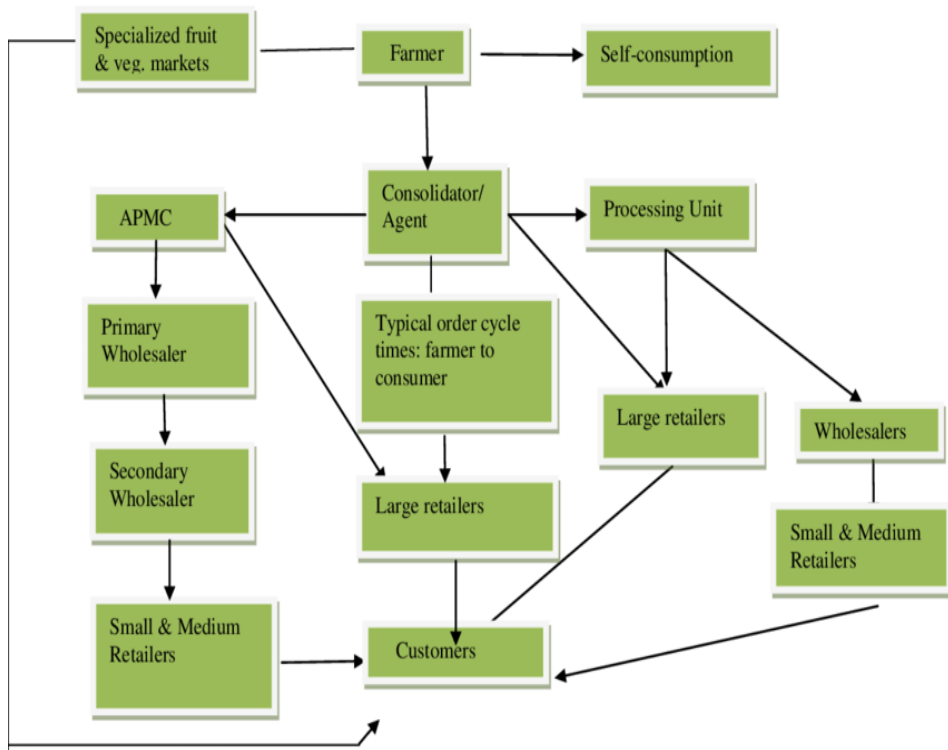
b) Mặt hàng rau quả

Một số trái cây tươi ở Trung Quốc theo cùng thời vụ với các loại trái cây xuất khẩu của Việt Nam, khiến sản xuất trái cây địa phương trở thành đối thủ cạnh tranh chính của các nhà xuất khẩu trái cây Việt Nam.

Ngoài ra, cũng có những yêu cầu kỹ thuật từ chính quyền Trung Quốc để xuất khẩu trái cây sang Trung Quốc. Đầu tiên, Trung Quốc cần ký thỏa thuận song phương (giao thức xuất khẩu) với nước xuất khẩu, trong đó quy định cụ thể các loài trái cây và các yêu cầu xuất khẩu khác. Sau khi thỏa thuận này được ký kết, các công ty cần được phê duyệt và đăng ký hàng năm và tuân theo các yêu cầu về giao thức và Hải quan Trung Quốc để xuất khẩu sang Trung Quốc.

Khi trái cây đến Trung Quốc, nó cần được phân phối để đến tay người tiêu dùng cuối cùng. Phần lớn trái cây nhập khẩu đi qua các chợ bán buôn cho các nhà phân phối địa phương và sau đó bán lẻ, mặc dù một số nền tảng lớn hoặc đại siêu thị chăm sóc hàng nhập khẩu và trái cây của họ đi trực tiếp từ cảng đến kệ của họ. Cửa hàng trái cây, nền tảng thương mại điện tử và cửa hàng tiện lợi là những kênh bán hàng phát triển nhanh nhất cho trái cây, Thương mại điện tử có ưu đãi lớn nhất về trái cây nhập khẩu.

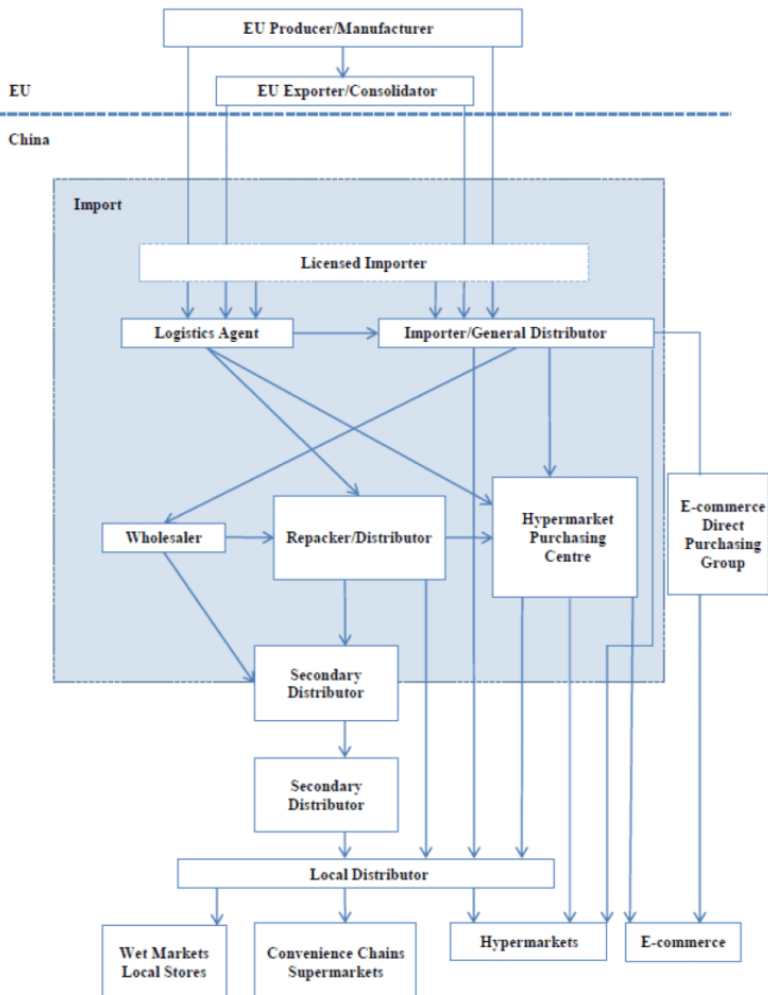
Các đặc điểm thu hút đối với sản phẩm trái cây ở thị trường Trung Quốc là ngoại hình, hương vị và giá cả mặc dù nước xuất xứ và bao bì cũng ảnh hưởng đến quyết định mua hàng của người tiêu dùng.



Nguồn: FAOSTAT

c) Mặt hàng thực phẩm và đồ uống

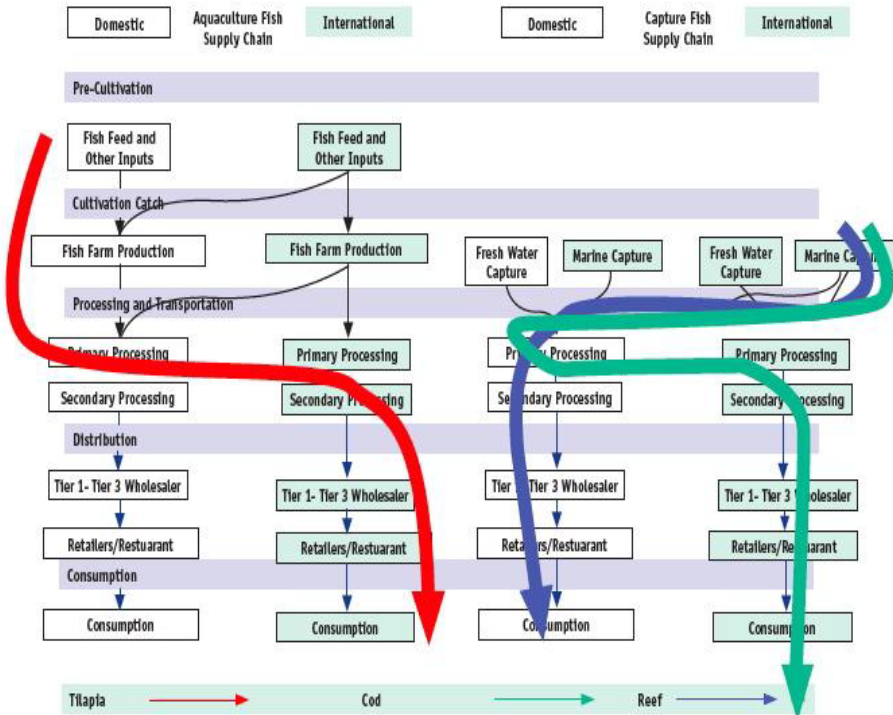
Chart 5 Distribution channels. Source: Adapted from USDA China Retail Report 2014⁴²



Nguồn: FAOSTAT

d) Mặt hàng thủy sản

FIGURE 1: THREE MARKET SUPPLY CHAINS



Nguồn: FAOSTAT

2. QUY ĐỊNH CỦA VIỆT NAM VỀ XUẤT KHẨU NÔNG SẢN SANG TRUNG QUỐC

2.1. Các loại nông sản đã được phép xuất khẩu:

2.1.1. Số liệu thống kê, thị phần và đối thủ cạnh tranh chính của các nông sản chính Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc được thể hiện trong bảng dưới đây:

TT	Nông sản	Mã HS	Thị phần của VN (%)	Đối thủ cạnh tranh chính
I	THỦY SẢN			
1	Tôm	0306.17	24	Argentina (29,2%), Ecuador (22,7%), Ấn Độ (14,6%), Thái Lan (14,6%)
		0306.27	21	Thái Lan (61,1%)
		0306.29	0.2	Indonesia (68,2%), Myanmar (11,3%)
		1605.29	30.2	Thái Lan (38,8%), Indonesia (11,9%)
2	Cá tra-basa	0303.24	98.9	Na Uy (0,6%), Đài Loan (0,5%)
		0307.49	0.2	Indonesia (24,9%), Triều Tiên (24,7%), Mỹ (14,6%)

TT	Nông sản	Mã HS	Thị phần của VN (%)	Đối thủ cạnh tranh chính
3	Mực-bạch tuộc	1605.54	0.1	Peru (94,9%)
4	Cua, ghẹ	1605.10	0.8	Triều Tiên (27%), Nga (22,2%), Mỹ (14,1%), Canada (11,3%)
II	RAU QUẢ			
1	Rau, củ	0709	67.2	New Zealand (21,4%)
		0710	0.2	Mỹ (55%), New Zealand (39,5%)
		0711	2.2	Triều Tiên (29,5%), Đài Loan (23,3%), Nga (22,9%)
		0712	2.3	Ấn Độ (22,1%), Triều tiên (15,7%), Mexico (12,8%)
		0714	17.1	Thái Lan (82,4%)
2	Chuối	0803	4.2	Philippines (70,9%), Ecuador (17,1%)
3	Xoài	0804.50	0.1	Thái Lan (90%)
4	Thanh long, Vải, Nhãn, Chôm Chôm	0810.90	65.8	Thái Lan (28,9%)

TT	Nông sản	Mã HS	Thị phần của VN (%)	Đối thủ cạnh tranh chính
III	HẠT ĐIỀU			
1	Đã bóc vỏ	0801.32	98.5	Ấn Độ (0,8%)
2	Đã chế biến	2008.19	18.6	Mỹ (30,2%), Thổ Nhĩ Kỳ (23,2%), Hàn Quốc (7,2%)
IV	CÀ PHÊ			
1	Chưa rang	0901.11	16.3	Indonesia (36,2%), Brazil (9,5%)
2	Rang	0901.21	2.4	Malaysia (27,4%), Trung Quốc (tái nhập - 23,6%) Ý (18,8%)
3	Chiết xuất uống liền	2101.11	11.1	Colombia (17,7%), Mỹ (12,8%), Malaysia (10,4%), Đức (10,3%)
		2101.12	26.1	Malaysia (29,7%), Trung Quốc (tái nhập - 16,6%)
V	CHÈ			
1	Chè xanh	0902.20	8.5	Đài Loan (52%), Nhật Bản (12,2%), Hàn Quốc (8,4%)
2	Chè đen	0902.30	0.2	Đài Loan (44,6%), Sri Lanka (29,8%)
3	Đã chế biến	2101.20	0.2	Trung Quốc (tái nhập - 38,5%), Mỹ (19,3%), Malaysia (13,7%)

TT	Nông sản	Mã HS	Thị phần của VN (%)	Đối thủ cạnh tranh chính
VI	HẠT TIÊU			
1	Trắng/Đen chưa xay	0904.11	5.3	Malaysia (62,3%), Indonesia (13,3%)
2	Trắng/Đen đã xay	0904.12	18.0	Ấn Độ (39,1%), Singapore (15,1%)
VII	SẮN VÀ SP SẮN			
1	Sắn lát khô, củ, viên, khác	0714.10	17,1	Thái Lan (82,4%)
2	Các loại bột sắn	1106.20	0.5	Lào (91,9%), Đài Loan (4,7%)
3	Tinh bột sắn	1108.14	28.5	Thái Lan (69,2%)
VIII	CAO SU			
1	Tự nhiên	4001	3.9	Thái Lan (58,9%), Indonesia (16,5%), Malaysia (11,1%)
2	Tổng hợp	4002	14.9	Thái Lan (25,7%), Malaysia (12,2%)
3	Tái sinh dạng tấm/dài	4003	3.3	Ấn Độ (31,3%), Thái Lan (21,1%)
4	Hỗn hợp	4005	3.3	Thái Lan (16,9%), Đài Loan (16,1%), Nhật Bản (14,7%)

Nguồn: Tính toán từ nguồn số liệu của Tổng cục Hải quan Việt Nam và ITC

2.1.2. Tình hình sản xuất trong nước

a) Mặt hàng thủy sản

Năm 2018, tổng sản lượng thủy sản đạt 7,757 nghìn tấn, tăng 6,1% so với năm 2017; giá trị sản xuất toàn ngành thủy sản ước đạt khoảng 228.14 nghìn tỷ đồng, tăng 7,7%. Trong đó, tổng sản lượng nuôi trồng là 4.154 nghìn tấn (tăng 6,7%), khai thác là 3.603 nghìn tấn (tăng 5,3%).

Đối với thủy sản: Khai thác nội địa khoảng 210 nghìn tấn, khai thác biển khoảng 3.393 nghìn tấn.

Đối với nuôi trồng: Cá tra khoảng 1.418 nghìn tấn, tôm nước lợ 766 nghìn tấn, nuôi trồng khác 1.970 nghìn tấn. Trong đó, sản lượng cá tra năm 2018 ước tính đạt 1,418 nghìn tấn (tăng 10,4%), sản lượng tôm nước lợ cả nước ước đạt 766 nghìn tấn. Trong đó, sản lượng tôm sú ước đạt 274.3 nghìn tấn (tăng 5,5%) và sản lượng tôm thẻ ước đạt 492.3 nghìn tấn (tăng 10%).

b) Mặt hàng trái cây tươi

Diện tích cây ăn quả liên tục tăng trong những năm gần đây, tuy nhiên tốc độ tăng trưởng khác nhau giữa các vùng, địa phương và các thời kỳ. Năm 2018, tại các tỉnh phía Nam diện tích cây ăn quả ước đạt 596.331 ha (chiếm 60% diện tích cây ăn quả cả nước); tổng sản lượng quả đạt hơn 6,6 triệu tấn (chiếm khoảng 67% sản lượng quả cả nước), tăng trên 61% so năm 2010 (2,5 triệu tấn). Hiện nay, có 14 loại quả có diện tích lớn (trên 10 nghìn ha/loại), trong đó: xoài (80 nghìn ha), tiếp đến là chuối (78 nghìn ha), thanh long (53 nghìn ha), cam (44 nghìn ha), bưởi (44 nghìn ha), nhãn (35 nghìn ha), sầu riêng (47 nghìn ha), dứa (33 nghìn ha), chanh (27 nghìn ha), chôm chôm (25 nghìn ha), mít (20 nghìn ha), quýt (15 nghìn ha), bơ (14 nghìn ha), na (11 nghìn ha).

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) là vùng trồng cây ăn quả chủ lực (chiếm khoảng 58% diện tích cây ăn quả toàn miền Nam), tiếp đến là vùng Đông Nam bộ (17%), vùng Duyên hải Nam trung bộ (15%) và vùng Tây Nguyên (10%).

Tình hình sản xuất một số loại cây ăn quả đã được phép xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc như sau:

*** Thanh long**

Hiện nay, có 60/63 tỉnh thành có trồng thanh long, diện tích, sản lượng thanh long cả nước tăng lên rất nhanh, năm 1995, có 2,25 nghìn ha, sản lượng 22,83 nghìn tấn; đến năm 2018, diện tích 53,899 nghìn ha, trong đó diện tích thu hoạch 45,324 nghìn ha, sản lượng 1.061,117 nghìn tấn, tăng 24 lần về diện tích và tăng 46,5 lần về sản lượng. Khoảng 80 – 85% sản lượng thanh long của cả nước dành cho xuất khẩu.

Thanh Long được trồng tập trung chủ yếu tại 03 tỉnh Bình Thuận, Long An và Tiền Giang. Diện tích trồng Thanh Long tại tỉnh Bình Thuận chiếm hơn 60% diện tích trồng Thanh Long của cả nước (khoảng 29.272 nghìn ha, sản lượng khoảng 591.965 nghìn tấn), tiếp đó là Long An (khoảng 11.275 nghìn ha, sản lượng khoảng 263.286 nghìn tấn). Thứ 3 là Tiền Giang (khoảng 7.913 nghìn ha, sản lượng khoảng 161.522 nghìn tấn).

*** Chuối**

Chuối được trồng tại hầu hết các địa phương trên cả nước, tuy nhiên, chủ yếu chuối trồng tại địa phương Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ hoạt động xuất khẩu, còn lại phục vụ nhu cầu tiêu dùng trong nước. Năm 2018, diện tích trồng chuối tại Đông Nam Bộ khoảng 12.672 ha, đồng bằng sông Cửu long khoảng 40.361 ha. Việt Nam có nhiều giống chuối đặc sản quý và giá trị sử dụng cao, được đánh giá vị ngọt hơn, thơm hơn và có màu sắc đẹp hơn so với các nước.

*** Xoài**

Việt Nam thuộc nhóm 11 nước có diện tích thu hoạch và sản lượng xoài lớn nhất thế giới, đứng thứ 4 Đông Nam Á sau Thái Lan, Phi-líp-pin và In-đô-nê-xia. Từ năm 2010 đến nay, diện tích xoài ổn định khoảng trên 70 nghìn ha, sản lượng trên 600 nghìn tấn/năm. Năm 2018, ước diện tích canh tác xoài 79,7 nghìn ha, sản lượng 721,6 nghìn tấn (tăng 3,3% về diện tích và 6,4% về sản lượng so năm 2017).

Miền Nam là vùng trồng xoài trọng điểm của Việt Nam, chiếm 81% diện tích và 92% sản lượng của cả nước. Tiếp đến là Duyên hải Nam Trung Bộ (chiếm 17% diện tích), Đông Nam Bộ (chiếm 22% diện tích) và Tây Nguyên (chiếm 4% diện tích). Tỉnh Đồng Nai là địa phương có diện tích trồng xoài lớn nhất (khoảng 12.385 ha), sau đó là An Giang (10.247 ha) và Đồng Tháp (10.169 ha). Các giống xoài nổi tiếng gắn liền với vùng sản xuất như Xoài Cát Chu (Đồng Tháp), xoài Cát Hòa Lộc (Tiền Giang), xoài Xiêm Núi (Vĩnh Long), xoài Úc - Khánh Hòa (Khánh Hòa), xoài Tượng Xanh hay xoài Ba Màu (An Giang).

Một số giống xoài đặc sản đã và đang xuất khẩu như xoài cát Hoà Lộc, xoài Cát Chu, xoài Xiêm Núi, xoài Úc- Khánh Hòa, xoài Tượng Xanh.

*** Nhãn**

Nhãn được trồng tại nhiều vùng ở Việt Nam, tuy nhiên, hiện nhãn phục vụ xuất khẩu chủ yếu từ các tỉnh phía Nam. Tại Miền Nam, nhãn chiếm 44% về diện tích, 55% về sản lượng so với cả nước và được trồng tập trung chủ yếu ở ĐBSCL (chiếm 72% so toàn miền). Địa phương có diện tích trồng nhãn lớn nhất là Vĩnh Long (6.455 ha), Đồng Tháp (4.894 ha), Tiền Giang (3.267 ha). Các giống chủ yếu là Tiêu da bò, Edor, Xuồng com vàng.

*** Chôm chôm**

Trong 10 năm từ 2008 đến năm 2018, diện tích chôm chôm tăng với tốc độ chậm, từ 23 nghìn ha lên 24,6 nghìn ha; tuy nhiên sản lượng tăng khá, từ 226 nghìn tấn lên 339 nghìn tấn) do năng suất được cải thiện rõ rệt từ 107,9 lên đến 149 tạ/ha. Tỉnh có diện tích chôm chôm lớn là Đồng Nai (10.711 ha), Bến Tre (5.330 ha), Vĩnh Long (2.574 ha).

*** Dưa hấu**

Hàng năm, diện tích trồng dưa hấu của cả nước khoảng 55.000 ha, trong đó: Các tỉnh phía Bắc: chiếm 25% diện tích (khoảng 15.000 ha), tập trung tại các tỉnh: Hải Dương, Bắc Giang, Nghệ An, Hòa Bình... Các tỉnh Duyên hải Nam Trung bộ: chiếm 25% diện tích (khoảng 15.000 ha), tập trung chủ yếu tại các địa phương: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Gia Lai, Lâm Đồng ... Các tỉnh miền Nam: chiếm 50% diện tích (khoảng 25.000 ha) tập trung tại các tỉnh Long An, Tiền Giang, Hậu Giang, Cần Thơ.

*** Vải**

Vải Việt Nam được trồng tập trung tại hai tỉnh Bắc Giang và Hải Dương. Năm 2018, sản lượng vải đạt khoảng 310.000 tấn, trong đó, sản lượng tại Bắc Giang chiếm 52% (khoảng 186.000 tấn) và Hải Dương chiếm 12% (khoảng 43,4 nghìn tấn).

Về giống vải: chủ yếu hai giống như sau: Vải thiều (vải chính vụ) chiếm 70% diện tích vải của cả nước, thu hoạch tập trung vào tháng 6 hàng năm. Vải chín sớm chiếm 25% diện tích vải thu hoạch từ tháng 4 đến tháng 6 hàng năm. Vải chín muộn chiếm 5% diện tích thu hoạch cuối tháng 6 đầu tháng 7 hàng năm.

c) Mặt hàng lúa gạo

Việt Nam là nước có tiềm năng và lợi thế rất lớn về sản xuất lúa gạo. Diện tích luân canh giảm khoảng từ 7.000 - 8.000 ha, năng suất lúa hàng năm tăng nên tổng không ngừng tăng lên. Sản lượng lúa cả nước đạt trên 44 - 45 triệu tấn/năm. Sản xuất lúa gạo nước ta được phân bố chủ yếu trên 6 vùng kinh tế cơ bản, trong đó, 3 vùng lúa quan trọng là Đồng bằng sông Hồng (chiếm 17,6% sản lượng); khu vực Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung (16,1% sản lượng; và Đồng bằng sông Cửu Long (chiếm 52,8% sản lượng).

Về thời vụ, sản xuất lúa được phân bố đều 3 vụ trong năm, gồm: (i) Vụ Đông Xuân (thu hoạch từ tháng 2 đến tháng 4) là vụ chính có quy mô lớn nhất và chất lượng lúa tốt nhất trong năm, sản lượng khoảng 9,62 triệu tấn; (ii) Vụ Hè Thu (thu hoạch từ tháng 7 đến tháng 9) có quy mô lớn thứ 2 nhưng do thu hoạch vào giữa mùa mưa nên chất lượng không bằng vụ Đông Xuân, sản lượng khoảng 9,04 triệu tấn; (iii) Vụ Thu - Đông (thu hoạch từ tháng 9 đến tháng 11) có chất lượng lúa tốt tương đương vụ Đông Xuân nhưng quy mô nhỏ, sản lượng khoảng 9,62 triệu tấn.

Các giống chủ lực hiện nay: (i) Các giống lúa chất lượng cao: OM 5451, OM 6976, OM 4900...; (ii) Các giống gạo thơm: Jasmine, ST các loại, KDM, DDT8...; (iii) Các giống đặc sản: Nàng Hoa, nếp cái Hoa Vàng, Nàng thơm Chợ Đào, tám Điện Biên...; (iv) Giống lúa thường: IR 50404; (v) Giống khác: Japonica, nếp ...

d) Mặt hàng sắn

Cây sắn được trồng từ Bắc tới Nam, tập trung chủ yếu tại 4 vùng : i) Vùng Bắc Trung Bộ - Duyên hải miền Trung (diện tích 163 nghìn ha, chiếm 31,35% tổng diện tích trồng sắn của cả nước) ; ii) Trung du miền núi phía Bắc (diện tích khoảng 111,69 nghìn ha, chiếm 21,48% tổng diện

tích trồng sắn của cả nước) ; iii) miền Trung – Tây Nguyên (diện tích 155 nghìn ha, chiếm 29,81% tổng diện tích trồng sắn của cả nước) ; iv) Đông Nam Bộ - Tây Ninh (diện tích 90,31 nghìn ha, chiếm 17,37% tổng diện tích trồng sắn của cả nước).

Về sản xuất, theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tổng diện tích trồng sắn của cả nước năm 2018 đạt khoảng 515,3 nghìn ha, giảm 3,2% (tương đương 17,3 nghìn ha); năng suất đạt 192,9 tạ/ha, tương đương năm 2017; sản lượng đạt 9,94 triệu tấn, giảm 3,2% (tương đương 0,33 triệu tấn).

2.2. Quy định của Việt Nam về xuất khẩu nông thủy sản sang Trung Quốc

2.2.1. Chính sách thuế, lệ phí đối với hàng hóa xuất khẩu

- **Thuế xuất khẩu:** Thực hiện theo Nghị định số 122/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Bộ Tài Chính, theo đó thuế xuất khẩu ưu đãi đối với hầu hết các mặt hàng thuộc nhóm nông thủy sản (gạo, trái cây, thủy sản) là 0%.

- **Thuế giá trị gia tăng (VAT):** Thực hiện theo Thông tư số 14/VBHN-BTC ngày 09/5/2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng. Theo đó, hàng hóa xuất khẩu được áp dụng mức thuế suất VAT là 0%.

- **Lệ phí Hải quan:** Thực hiện theo Thông tư số 274/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí trong hải quan.

2.2.2. Thực thi các quy định theo thỏa thuận hợp tác giữa Việt Nam và Trung Quốc

Việc xuất khẩu hàng nông thủy sản sang Trung Quốc phải thực hiện theo Bản thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam và Tổng cục Giám sát chất lượng, kiểm dịch thực vật Trung Quốc (nay là Tổng cục Hải quan Trung Quốc) về các lĩnh vực: (i) An toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật; An toàn thực phẩm, sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc; (ii) Kiểm soát an toàn Nông sản, thực phẩm xuất nhập khẩu giữa hai nước; (iii) Nghị định thư về kiểm dịch gạo xuất khẩu; (iv) Kiểm dịch động vật, an toàn thực phẩm sản phẩm bột cá và mỡ cá làm thức ăn chăn nuôi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc; (v) Kiểm dịch thực vật và an toàn thực phẩm cám gạo làm thức ăn chăn nuôi xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc.

Trong đó, một số quy định chung đối với hàng nông thủy sản xuất khẩu như sau:

2.2.2.1. Quy định về kiểm dịch, kiểm nghiệm

Quy định về kiểm dịch, kiểm nghiệm được quy định tại Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Quy trình kiểm dịch thực vật gạo xuất khẩu được thực hiện như sau:

(i) Chứng nhận xông hơi khử trùng:

Chứng nhận xông hơi khử trùng do các tổ chức hành nghề xông hơi khử trùng cấp. Các tổ chức này đã được Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông

ngiệp và Phát triển nông thôn cấp Giấy chứng nhận hành nghề xông hơi khử trùng.

Quy trình thực hiện:

Bước 1: Doanh nghiệp liên hệ với công ty khử trùng

Bước 2: Công ty khử trùng cử cán bộ đã được cấp chứng chỉ hành nghề xông hơi khử trùng xuống tiến hành khử trùng lô hàng.

Bước 3: Sau khi khử trùng lô hàng, công ty khử trùng sẽ cấp Chứng thư xông hơi khử trùng cho doanh nghiệp, trong đó thông tin cụ thể về khối lượng, chủng loại, địa điểm thực hiện, thời gian thực hiện, thuốc sử dụng...

(ii) Kiểm dịch thực vật:

Chứng thư kiểm dịch thực vật do các chi cục kiểm dịch thực vật vùng, các trạm kiểm dịch thực vật tại cửa khẩu. Hiện nay, có 9 chi cục kiểm dịch thực vật vùng trực thuộc quản lý của Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Quy trình kiểm dịch thực vật như sau:

Bước 1: Doanh nghiệp gửi hồ sơ đăng ký kiểm dịch thực vật gồm:

Mẫu giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu (Phụ lục IV Thông tư số 34/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014.

Bước 2: Doanh nghiệp nộp trực tiếp cho cơ quan kiểm dịch thực vật nơi gần nhất.

Bước 3: Cơ quan kiểm dịch thực vật có trách nhiệm tiếp nhận và kiểm tra ngay tính hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp không hợp lệ báo cho doanh nghiệp bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

Bước 4: Thực hiện kiểm tra lô hàng.

Căn cứ kết quả kiểm tra hồ sơ, cơ quan kiểm dịch thực vật quyết định địa điểm kiểm dịch tại cơ sở sản xuất, nơi xuất phát, nơi bảo quản ở sâu trong nội địa hoặc cửa khẩu xuất và bố trí công chức kiểm tra ngay lô hàng. Trình tự kiểm tra như sau:

Kiểm tra sơ bộ: Kiểm tra bên ngoài lô hàng, bao bì đóng gói, phương tiện chuyên chở, khe, kẽ và những nơi vật gây hại có thể ẩn nấp; thu thập côn trùng bay, bọ hoặc bám bên ngoài lô vật thể.

Kiểm tra chi tiết: Kiểm tra bên trong và lấy mẫu lô hàng theo quy định tại QCVN 01-141:2013/BNNT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phương pháp lấy mẫu kiểm dịch thực vật; thu thập các vật thể mang triệu chứng gây hại và sinh vật gây hại; phân tích giám định mẫu vật thể, sinh vật gây hại đã thu thập được.

Bước 5: Cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật.

Cơ quan kiểm dịch thực vật cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật cho lô vật thể trong vòng 24 giờ kể từ khi bắt đầu kiểm dịch đối với vật thể đáp ứng yêu cầu kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu.

Trường hợp kéo dài hơn 24 giờ do yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật thì cơ quan kiểm dịch thực vật phải thông báo hoặc trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do cho chủ vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật biết. Trường hợp không đáp ứng yêu cầu về kiểm dịch thực vật của nước nhập khẩu thì Cơ quan kiểm dịch thực vật không cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đồng thời phải thông báo cho doanh nghiệp biết.

2.2.2.2. Quy định về an toàn thực phẩm đối với sản phẩm xuất khẩu

Quy định về an toàn thực phẩm đối với hàng nông thủy sản được thực hiện theo quy định tại Luật An toàn thực phẩm và các văn bản hướng dẫn, cụ thể:

- Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.
- Thông tư số 44/2018/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu.
- Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu.
- Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT.
- Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT ngày 29 tháng 10 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu, Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT.

2.2.2.3. Quy định đối với từng mặt hàng cụ thể

a) Mặt hàng thủy sản

- Quy định về kiểm tra, chứng nhận an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu: Thực hiện theo Thông tư số 48/2013/TT-BNNPTNT ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thông tư số 02/2017/TT-BNNPTNT và Thông tư số 16/2018/TT-BNNPTNT.

Nội dung thẩm định điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm (ATTP) tại cơ sở: (i) Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị, nguồn nhân lực; (ii) Chương trình quản lý chất lượng theo HACCP; (iii) Thủ tục truy xuất và thu hồi sản phẩm; (iv) Lấy mẫu phân tích đánh giá hiệu quả kiểm soát vệ sinh.

Xếp hạng cơ sở như sau: (i) Hạng 1 (rất tốt), tần suất thẩm định: 18 tháng/1 lần; (ii) Hạng 2 (tốt), tần suất thẩm định: 18 tháng/1 lần; (iii) Hạng 3 (đạt), tần suất thẩm định: 12 tháng/1 lần; (iv) Hạng 4 (không đạt), thời gian thẩm định lại theo thời hạn khắc phục nhưng không quá 03 tháng. Cơ sở có kết quả thẩm định đạt yêu cầu được cấp mã số mới (cơ sở mới), Cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nafiqad) đăng ký với Cục An toàn thực phẩm Xuất nhập khẩu - Tổng cục Hải quan Trung Quốc bổ sung danh sách được phép xuất khẩu thủy sản vào thị trường Trung Quốc.

Cấp chứng thư cho lô hàng xuất khẩu: Thực hiện theo quy định của Trung Quốc và Quyết định số 2864/QĐ-BNN-QLCL, Quyết định số 1471/QĐ-BNN-QLCL của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các văn bản thông báo cập nhật của Nafiqad.

- Kiểm soát an toàn thực phẩm thủy sản xuất khẩu: Thực hiện theo bản Thỏa thuận hợp tác giữa Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt

Nam và Tổng cục Giám sát Chất lượng, kiểm tra và kiểm dịch Trung Quốc (nay là Tổng cục Hải quan Trung Quốc) về kiểm soát ATTP đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu. Theo đó: (i) Định kỳ hàng quý, Nafiqad cập nhật thông tin (tên, địa chỉ, mã số) doanh nghiệp đăng ký xuất khẩu sang Trung Quốc¹⁷; (ii) Các lô hàng thủy sản xuất khẩu vào nước đối tác đầu tư cơ sở chế biến có tên trong danh sách và kèm theo chứng thư do Nafiqad cấp.

Đầu mối liên hệ Cục Quản lý chất lượng nông, lâm sản và thủy sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Nafiqad):

- Địa chỉ: số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
- Tel: (024) 3771 4195
- Fax: (024) 3831 7221
- Email: nafiqad@mard.gov.vn

b) Mặt hàng gạo

Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật, đáp ứng điều kiện theo quy định của Nghị định số 107/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo được quyền kinh doanh xuất khẩu gạo.

Điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo: (i) Có ít nhất 01 kho chuyên dùng để chứa thóc, gạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kho chứa và cơ sở xay, xát, chế biến thóc, gạo do cơ quan có thẩm

¹⁷ Hiện nay, Trung Quốc đã công nhận Danh sách 680 cơ sở chế biến thủy sản được sản xuất xuất khẩu vào thị trường này. Danh sách này đã được đăng tải trên website <http://nafiqad.gov.vn>

quyền ban hành theo quy định của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; (ii) Có ít nhất 01 cơ sở xay, xát, chế biến thóc, gạo phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về kho chứa và cơ sở xay, xát, chế biến thóc, gạo do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo bao gồm: (i) Đơn Đề nghị theo Mẫu số 01 Nghị định số 107/2018/NĐ-CP của Chính phủ; (ii) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đầu tư: 01 bản sao, có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân; (iii) Hợp đồng thuê kho chứa, cơ sở xay, xát, chế biến thóc, gạo (đối với trường hợp thương nhân thuê kho chứa, cơ sở xay, xát, chế biến) hoặc giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu kho chứa, cơ sở xay, xát, chế biến (đối với trường hợp kho chứa, cơ sở xay, xát, chế biến thuộc sở hữu của thương nhân): 01 bản sao, có xác nhận và đóng dấu sao y bản chính của thương nhân.

Đầu mối cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo Bộ Công Thương:

- Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Tel: (024) 2220 2108
- Fax: (024) 2220 5525

Đầu mối tiếp nhận, xử lý hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh xuất khẩu gạo là Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương (Địa chỉ: 54 Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Tel: 024. 222 05 310. Fax: 024. 222 05 520).

Ngoài các điều kiện trên, doanh nghiệp xuất khẩu gạo vào thị trường Trung Quốc cần phải:

- Đáp ứng quy định về An toàn thực phẩm và kiểm dịch thực vật của Việt Nam. Theo quy định của Nghị định thư về kiểm dịch thực vật đối với gạo xuất khẩu sang Trung Quốc năm 2016, gạo xuất khẩu của Việt Nam qua Trung Quốc phải thực hiện kiểm dịch thực vật và xông hơi khử trùng để diệt trừ động vật gây hại. Giấy chứng thư xông hơi khử trùng đi kèm với chứng thư kiểm dịch thực vật trong bộ chứng từ xuất khẩu.
- Doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc phải nằm trong danh sách các doanh nghiệp được xuất khẩu gạo sang Trung Quốc. Danh sách này do Cục Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) cung cấp cho Tổng cục Hải quan Trung Quốc¹⁸.

Doanh nghiệp thực hiện đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Tổng cục Hải quan Trung Quốc căn cứ trên danh sách doanh nghiệp do Cục Bảo vệ thực vật cung cấp, sẽ cử đoàn chuyên gia đi kiểm tra thực tế đối với các doanh nghiệp trước khi công bố danh sách này. Đối với mỗi doanh nghiệp, Đoàn Trung Quốc có 11 nội dung kiểm tra lớn (khả năng quản lý của doanh nghiệp; hiểu biết pháp luật Việt Nam và Trung Quốc đối với xuất nhập khẩu gạo; đối với quy trình sản xuất, kiểm soát chất lượng sản phẩm; cơ sở vật chất; năng lực xuất khẩu; hồ sơ về vùng nguyên liệu, về xuất khẩu để chứng minh gạo xuất khẩu đảm bảo yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng khi xuất khẩu đi Trung Quốc và có thể truy xuất nguồn gốc sản phẩm đến người trồng nếu cần...).

¹⁸ Hiện nay, Việt Nam có 22 doanh nghiệp được phép xuất khẩu gạo vào thị trường Trung Quốc, tuy nhiên, có 02 doanh nghiệp đang tạm ngừng xuất khẩu do năng lực xuất khẩu vượt quá năng lực sản xuất. Danh sách này đã được công bố trên website của Hải quan Trung Quốc.

Đầu mối đăng ký danh sách doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc là Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, Hà Nội
- Tel: (024) 38519 451
- Fax: (024) 3533 0043
- Email: contact@ppd.gov.vn

c) Mặt hàng sắn và tinh bột sắn

- Đáp ứng quy định về kỹ thuật và an toàn thực phẩm theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Đáp ứng quy định về kiểm dịch thực vật của Việt Nam. Quy trình kiểm dịch thực vật xuất khẩu được thực hiện theo quy định của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

- Không bắt buộc phải đăng ký kiểm tra (Trung Quốc coi sắn lát và tinh bột sắn là sản phẩm truyền thống xuất khẩu từ Việt Nam sang Trung Quốc).

- Đối tác nhập khẩu xin cấp phép tại Cục giám sát và kiểm dịch động thực vật các tỉnh (CIQ) - Tổng cục Hải quan của Trung Quốc.

- Sản phẩm đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo điều kiện vệ sinh, không nhiễm nấm mốc, côn trùng gây hại.

- Thiết lập hệ thống quản lý sản xuất, chế biến, lưu trữ hồ sơ, thiết bị, nhân viên, đảm bảo vệ sinh và an toàn thực phẩm (lương thực) và nguyên liệu thức ăn chăn nuôi.

Lưu ý doanh nghiệp muốn xuất khẩu sản lát và tinh bột sản sang thị trường Trung Quốc phải nằm trong danh sách doanh nghiệp sản xuất, xuất khẩu sản lát và tinh bột sản của Việt Nam đã cung cấp cho Tổng cục Hải quan Trung Quốc¹⁹. Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam) là đơn vị chủ trì, tổng hợp danh sách đăng ký của các doanh nghiệp để cung cấp cho Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

Đầu mối liên hệ Cục Chế biến và Phát triển thị trường nông sản - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Địa chỉ: số 10, Nguyễn Công Hoan, Ba Đình, Hà Nội
- Tel: (024) 3771 1118
- Fax: (024) 3771 1125
- Email: agrotrade@mard.gov.vn

d) Đối với trái cây tươi

- Đáp ứng quy định về kỹ thuật và an toàn thực phẩm theo quy định tại Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm.

- Đáp ứng quy định về kiểm dịch thực vật của Việt Nam. Quy trình kiểm dịch thực vật xuất khẩu được thực hiện theo quy định của Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nông nghiệp

¹⁹ Danh sách này đã được công bố trên website của Tổng cục Hải quan Trung Quốc.

và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.

Việt Nam đã có 9 loại trái cây được xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc, gồm: Thanh long, dưa hấu, vải, nhãn, chuối, xoài, mít, chôm chôm và măng cụt, trong đó, đối với măng cụt, ngày 26/4/2019, hai nước đã ký Nghị định thư về mở cửa thị trường cho trái măng cụt, tuy nhiên hiện đang trong quá xây dựng nội luật hướng dẫn thực hiện nên xuất khẩu măng cụt chưa chính thức được thực hiện.

Theo Biên bản cuộc hội đàm về kiểm nghiệm kiểm dịch thực vật giữa Tổng cục Giám sát chất lượng kiểm nghiệm kiểm dịch quốc gia nước CHND Trung Hoa (nay là Tổng cục Hải quan Trung Quốc) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam cung cấp mã số vùng trồng trọt và mã số cơ sở đóng gói đối với quả tươi của Việt Nam cho cơ quan thẩm quyền của Trung Quốc để truy xuất nguồn gốc đối với sản phẩm xuất khẩu.

Hàng tháng, Cục Bảo vệ thực vật sẽ cập nhật thông tin về vùng trồng và cơ sở đóng gói từ các tỉnh và gửi sang phía Trung Quốc. Ngay sau khi được phía Trung Quốc chấp thuận, Cục Bảo vệ thực vật cập nhật trên website. Cục Bảo vệ thực vật đã tổng hợp và đã được phía Trung Quốc chấp thuận đối với hơn 1.200 mã số vùng trồng cho 8 loại trái cây (thanh long, xoài, chôm chôm, mít, chuối, vải, nhãn và dưa hấu) tại 42 tỉnh thành trên cả nước, cùng 608 mã số cơ sở đóng gói tại 31 tỉnh, thành²⁰.

²⁰ Chi tiết tại: http://ppd.gov.vn/FileUpload/Documents/Ki%E1%BB%83m%20d%E1%BB%8Bch%20TV/19.08.06_Danh%20sach%20co%20so%20dong%20goi%20cua%20Trung%20Quoc.pdf

Đầu mối là Cục Bảo vệ thực vật - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

- Địa chỉ: 149 Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, Hà Nội
- Tel: (024) 3851 9451
- Fax: (024) 3533 0043
- Email: contact@ppd.gov.vn

2.2.3. Quy định về thương mại biên giới

Đến nay, Việt Nam đã ban hành 22 văn bản quy phạm pháp luật gồm Luật, Nghị định, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư, Quyết định của các Bộ, liên Bộ liên quan đến hoạt động thương mại biên giới.

Trước yêu cầu hội nhập, trách nhiệm thực thi các cam kết quốc tế, sự thay đổi của hệ thống pháp luật trong nước, Bộ Công Thương đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 14/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 Quy định chi tiết về hoạt động thương mại biên giới hướng dẫn Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 được Quốc hội Khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 03 ngày 12 tháng 6 năm 2017, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018. Nghị định này bãi bỏ Quyết định số 52/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 về quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới đã tạo hành lang pháp lý, hỗ trợ phát triển thương mại biên giới. Các quy định trên cơ bản xác định:

- Hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới gồm: hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới; buôn bán tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong Khu kinh tế cửa khẩu; hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới theo các phương thức thông lệ buôn bán quốc tế đã được thỏa thuận trong các Hiệp định thương mại song phương giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới.

- Hàng hóa thương mại biên giới được thanh toán bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi hoặc bằng đồng Việt Nam và đồng tiền của nước có chung biên giới. Phương thức thanh toán do các bên mua, bán thỏa thuận phù hợp các quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam trên cơ sở Hiệp định về thanh toán được ký kết giữa Việt Nam và các nước có chung biên giới.
- Hàng hóa thương mại biên giới phải được nộp thuế và các lệ phí khác theo quy định và được hưởng các ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hàng hóa qua biên giới theo các thỏa thuận song phương. Riêng hàng hóa do cư dân nước có chung biên giới sản xuất nhập khẩu vào Việt Nam dưới hình thức mua, bán, trao đổi của cư dân biên giới được miễn thuế nhập khẩu nếu giá trị hàng hóa đó không quá 2.000.000 đồng/người/ngày và không quá 4 lần/tháng²¹.
- Các quy định về mua bán, trao đổi hàng hóa của cư dân biên giới, xuất nhập khẩu hàng hóa qua biên giới (chủ thể, địa điểm), mua bán hàng hóa tại chợ biên giới, chợ cửa khẩu và chợ trong khu kinh tế cửa khẩu, xuất nhập cảnh người và phương tiện...

2.3. Một số vấn đề cần lưu ý khi xuất khẩu nông thủy sản vào thị trường Trung Quốc

2.3.1. Lưu ý chung

- Khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, các doanh nghiệp Việt Nam cần: (i) Xác minh thực lực và uy tín của các doanh nghiệp Trung Quốc nhất là các đối tác được tìm kiếm qua hình thức internet; (ii) Mọi giao dịch đều phải thực hiện bằng hình thức hợp đồng theo thông lệ của thương mại quốc tế với các điều khoản về giao dịch và giải quyết tranh

²¹ Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi cư dân biên giới được quy định tại Thông tư 02/2018/TT-BCT ngày 27 tháng 02 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương.

chấp được thống nhất chặt chẽ và có tính ràng buộc cao; (iii) Nên có sự tìm hiểu về các quy định xuất nhập khẩu của Chính phủ Trung Quốc đối với các hàng hóa mà doanh nghiệp có kế hoạch hợp tác, giao dịch với đối tác Trung Quốc nhất là những sản phẩm như thực phẩm, nông sản, thủy sản vì đây là những sản phẩm chịu sự kiểm soát ngặt nghèo về vấn đề kiểm dịch.

Trong trường hợp đối tác Trung Quốc là đối tác thông thường, lần đầu tiếp xúc qua hội chợ triển lãm hoặc qua các kênh hội thảo, diễn đàn... thì cần đề nghị đối tác cung cấp giấy phép kinh doanh do Cục Quản lý hành chính công thương tại tỉnh/thành phố Trung Quốc mà doanh nghiệp đó có trụ sở.

Giấy phép kinh doanh nếu là bản sao phải có công chứng. Tuyệt đối không tin vào giấy phép kinh doanh mà trên đó có in hàng chữ “Chỉ có giá trị tham khảo”. Nếu là đối tác đứng đắn và có nguyện vọng làm ăn nghiêm túc, lâu dài với Việt Nam thì doanh nghiệp Trung Quốc đó sẽ không thoái thác yêu cầu này của doanh nghiệp Việt Nam. Khi kiểm tra giấy phép kinh doanh cần lưu ý các khoản mục sau: (i) Tên, địa chỉ công ty; (ii) Ngày cấp giấy phép; (iii) Thời hạn hết hiệu lực; (iv) Phạm vi kinh doanh; (v) Vốn đăng ký.

- Đối với các doanh nghiệp Trung Quốc, dù là nhà nhập khẩu hay xuất khẩu, sau khi đã kiểm tra theo giấy phép kinh doanh như trên và đã giao dịch trực tiếp thì trước khi ký kết hợp đồng thương mại đầu tiên, doanh nghiệp Việt Nam nên chủ động dành kinh phí cử đoàn nhỏ (khoảng 2 - 3 người) sang trực tiếp thăm định văn phòng, hệ thống nhà xưởng, kho tàng, hệ thống phân phối... Thực tế đã có nhiều doanh nghiệp Việt Nam làm như vậy nhưng vẫn bị lừa do phía đối tác Trung Quốc thuê mượn lại văn phòng, cơ sở vật chất kho tàng để khuếch trương với đoàn. Đến khi xảy ra lừa đảo thương mại, phía doanh nghiệp Việt Nam mới bị bất ngờ

trước thực tế đối tác là doanh nghiệp ma, không có trụ sở, kho tàng, nhà xưởng. Tất cả đều thuê mượn và nguy trang để lừa đảo.

Nhằm tránh rủi ro và yên tâm khi thâm nhập và làm ăn lâu dài trên thị trường Trung Quốc, Thương vụ Việt Nam tại Trung Quốc đã khuyến nghị các doanh nghiệp Việt Nam một số điều liên quan tới cách thức tìm hiểu lý lịch thương nhân Trung Quốc như sau: Theo quy định của Bộ Thương mại Trung Quốc, chỉ có một số doanh nghiệp đặc biệt do Bộ Thương mại Trung Quốc chỉ định và cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực thẩm tra lý lịch thương nhân và khả năng kinh doanh, tài chính của doanh nghiệp Trung Quốc. Phía doanh nghiệp nước ngoài có nhu cầu thẩm tra đối tác Trung Quốc đều phải thông qua các doanh nghiệp này và phải trả chi phí theo yêu cầu thẩm tra cụ thể.

Đối với các đối tác giao dịch gián tiếp qua mạng, những đối tác được giới thiệu qua trung gian hoặc đối tác lớn cần kiểm tra kỹ lý lịch thương nhân để quyết định hợp tác lâu dài hay trước khi ký kết những hợp đồng giao dịch lớn, các doanh nghiệp Việt Nam nên dành một khoản chi phí ủy thác doanh nghiệp Trung Quốc hoạt động trong lĩnh vực trên trợ giúp.

- Đối với Hợp đồng thương mại hai bên sẽ ký kết cần lưu ý những điểm sau:

(i) Không nên sử dụng các mẫu hợp đồng của phía đối tác Trung Quốc vì các điều khoản chế tài thường có lợi cho phía họ. Cơ quan trọng tài cần ghi vào Hợp đồng là trọng tài kinh tế phía Việt Nam hoặc nước thứ 3 vì việc xét xử tranh chấp thương mại theo cơ quan trọng tài Trung Quốc thường tốn kém, phức tạp về thủ tục và ngôn ngữ.

(ii) Điều khoản thanh toán là rất quan trọng: Đối với hợp đồng nhập khẩu từ Trung Quốc, cần thuyết phục phía đối tác Trung Quốc thanh

toán bằng L/C trả chậm 30-60 ngày kể từ ngày giao hàng, hoặc 20% giá trị hợp đồng bằng "T.T Reimbursement". Giá trị còn lại sẽ thanh toán sau 30 ngày kể từ ngày nhận được hàng. Điều này sẽ ngăn chặn được nhiều trường hợp đã từng xảy ra là có những doanh nghiệp Trung Quốc giao hàng không đúng quy cách, chất lượng theo như hợp đồng quy định, nhưng lại nhanh tay và bằng các thủ đoạn lừa đảo (kể cả việc lập giấy chứng nhận phẩm chất, giấy chứng nhận kiểm dịch động thực vật giả) để hoàn tất bộ chứng từ hợp lệ thanh toán qua ngân hàng theo phương thức "L/C at sight" và biến mất. Đối với hợp đồng xuất khẩu, cần yêu cầu doanh nghiệp Trung Quốc thanh toán ngay 30% giá trị hợp đồng bằng "T.T reimbursement". Số còn lại thanh toán theo "L/C at sight". Vì để phòng doanh nghiệp ký hợp đồng, nhưng không mở L/C, trong khi doanh nghiệp Việt Nam đã ứng tiền mua nguyên liệu hoặc đã sản xuất một phần hàng thuộc hợp đồng. Không nên thoả thuận điều khoản thanh toán L/C trả chậm hoặc D/A, D/P vì đã có nhiều doanh nghiệp Trung Quốc lấy lý do quy cách, chất lượng không đúng hợp đồng, từ đó ép cấp ép giá, buộc doanh nghiệp Việt Nam phải giảm giá hoặc chịu tổn thất rủi ro vì hàng nằm ở cảng đến.

2.3.2. Các khâu cơ bản cần triển khai khi xuất khẩu

a) Chuẩn bị nguồn hàng

Trước khi ký kết hợp đồng xuất khẩu hàng hóa sang thị trường nói chung, doanh nghiệp cần chuẩn bị về số lượng, chất lượng, bảo quản, bao bì, nhãn mác... đối với hàng hóa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của hợp đồng. Đối với quy định sản phẩm từ vùng trồng, doanh nghiệp chỉ thu mua từ vùng đã được cấp mã số vùng trồng, vùng sản xuất, chuẩn bị đầy đủ tài liệu, chứng từ đảm bảo hàng hóa đúng nơi sản xuất.

b) Đàm phán ký kết hợp đồng xuất khẩu

Để ký hợp đồng xuất khẩu, chủ thể hợp đồng phía Việt Nam (bên bán) là thương nhân, bao gồm pháp nhân (tổ chức kinh tế được thành lập hợp pháp) hoặc cá nhân hoạt động thương mại một cách độc lập, thường xuyên và có đăng ký kinh doanh. Chủ thể hợp đồng phía Trung Quốc (bên mua) là tổ chức, cá nhân Trung Quốc có năng lực pháp lý và năng lực hành vi dân sự.

Nội dung chính của hợp đồng xuất khẩu bao gồm:

PHẦN GIỚI THIỆU

- Số hợp đồng
- Địa điểm ký hợp đồng
- Thông tin của bên bán, bên mua: Tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail, người đại diện có thẩm quyền ký hợp đồng
- Các định nghĩa, thuật ngữ
- Cơ sở ký kết hợp đồng
- Thỏa thuận tự nguyện giữa các bên

CÁC ĐIỀU KHOẢN, ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG

- Hàng hóa: Tên hàng, chất lượng, số lượng, bao bì, đóng gói
- Điều kiện tài chính: Giá cả (đồng tiền tính giá, mức giá, phương thức định giá), thanh toán (đồng tiền thanh toán, thời hạn thanh toán, hình thức thanh toán, bộ chứng từ thanh toán (Hối phiếu, hóa đơn thương mại, chứng thư bảo hiểm, giấy chứng nhận

chất lượng hàng hóa, giấy chứng nhận số lượng, trọng lượng, giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa, phiếu đóng gói hàng hóa.

- Điều kiện vận tải: thời gian, địa điểm giao hàng, số lần giao hàng, phương thức giao hàng, phương tiện vận tải.
- Bảo hiểm, bảo đảm: Ai là người mua bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm cần mua, loại chứng thư bảo hiểm cần lấy.
- Điều khoản pháp lý: khiếu nại, trọng tài, trường hợp bất khả kháng

PHẦN KẾT

- Số bản hợp đồng và số lượng hợp đồng giữ lại của mỗi bên
- Ngôn ngữ hợp đồng: tiếng Việt, tiếng Trung. Nếu hợp đồng được thể hiện bằng nhiều ngôn ngữ cần ghi rõ những ngôn ngữ đó có giá trị pháp lý ngang nhau,
- Thời hạn hiệu lực của hợp đồng
- Quy định về sửa đổi, bổ sung hợp đồng

c) Vận chuyển và giao hàng

Xuất khẩu hàng nông sản được thực hiện qua đường biển hoặc đường bộ, gửi hàng bằng ô tô hoặc container. Về phương tiện vận tải có thể do bên bán (đơn vị xuất khẩu) hoặc bên mua (đơn vị nhập khẩu) tiến hành.

Bên bán tiến hành thuê phương tiện vận tải để vận chuyển nếu hợp đồng quy định. Phương thức này được thể hiện trong điều kiện cơ sở giao hàng của hợp đồng xuất khẩu là CPT, CIP, DAT, DAP, DDP.

Bên mua sẽ tiến hành thuê phương tiện vận tải chuyên chở nếu hợp đồng quy định.

d) Thanh toán

Thanh toán là nghĩa vụ chủ yếu của người mua trong quá trình mua bán. Tùy từng phương thức mà thanh toán sẽ khác nhau. Trường hợp thanh toán bằng L/C (thư tín dụng), khi nhận toàn bộ chứng từ do bên bán chuyển tới, ngân hàng mở L/C sẽ kiểm tra. Trường hợp chứng từ bảo đảm, ngân hàng thanh toán, thông báo cho người mua, mời người mua lên thanh toán lại cho ngân hàng.

e) Làm thủ tục xuất khẩu

*** Thủ tục xin C/O mẫu E:**

Thủ tục xin C/O mẫu E được quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BCT ngày 30/7/2019 của Bộ Công Thương, cụ thể như sau:

C/O mẫu E phải được kê khai bằng tiếng Anh và đánh máy. Nội dung kê khai phải phù hợp với Tờ khai hải quan đã hoàn thành thủ tục hải quan và các chứng từ khác như vận đơn, hóa đơn thương mại và biên bản kiểm tra xuất xứ hàng hóa (trong trường hợp có yêu cầu kiểm tra). Nội dung kê khai C/O mẫu E cụ thể như sau:

1. Ô trên cùng bên phải "Reference No." ghi số tham chiếu (do cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi). Số tham chiếu gồm 13 ký tự, chia làm 5 nhóm, với cách ghi cụ thể như sau:

a) Nhóm 1: Tên viết tắt của Nước thành viên xuất khẩu là Việt Nam, gồm 02 ký tự là "VN";

b) Nhóm 2: Tên viết tắt của Nước thành viên nhập khẩu, gồm 02 ký tự như sau:

CN: Trung Quốc	TH: Thái Lan
BN: Bờ-ru-nây	LA: Lào
KH: Cam-pu-chia	ID: In-đô-nê-xi-a
MY: Ma-lai-xi-a	MM: Mi-an-ma
PH: Phi-líp-pin	SG: Xinh-ga-po

c) Nhóm 3: Năm cấp C/O, gồm 02 ký tự. Ví dụ cấp năm 2019 ghi là “19”;

d) Nhóm 4: Mã số của cơ quan, tổ chức cấp C/O, gồm 02 ký tự. Danh mục các cơ quan, tổ chức cấp C/O được quy định cụ thể tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này. Danh mục này được cập nhật tại Hệ thống quản lý và cấp chứng nhận xuất xứ điện tử của Bộ Công Thương tại địa chỉ www.ecosys.gov.vn khi có sự thay đổi;

đ) Nhóm 5: Số thứ tự của C/O, gồm 5 ký tự;

e) Giữa nhóm 1 và nhóm 2 có gạch ngang “-”; Giữa nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 có dấu gạch chéo “/”.

Ví dụ: Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thành phố Hồ Chí Minh cấp C/O mang số thứ 2 cho một lô hàng xuất khẩu sang Trung Quốc trong năm 2019 thì cách ghi số tham chiếu của C/O này là: “VN-CN 19/02/00008”.

2. Ô số 1: Ghi tên giao dịch của nhà xuất khẩu, địa chỉ, tên Nước thành viên xuất khẩu (Việt Nam).

3. Ô số 2: Ghi tên người nhận hàng, địa chỉ, tên Nước thành viên nhập khẩu.

4. Ô số 3: Ngày khởi hành, tên phương tiện vận tải (nếu gửi hàng bằng máy bay thì ghi “By air”, nếu gửi bằng đường biển thì ghi tên tàu) và tên cảng bốc dỡ hàng.

5. Ô số 4: Để trống.
6. Ô số 5: Số thứ tự các mặt hàng.
7. Ô số 6: Ký hiệu, số kiện hàng.
8. Ô số 7: Số kiện hàng, loại kiện hàng, mô tả hàng hóa (bao gồm số lượng và mã HS ở cấp độ 6 số).
9. Ô số 8: Ghi tiêu chí xuất xứ của hàng hóa:

Hàng hóa được sản xuất tại nước có tên đầu tiên ở Ô số 11 của C/O	Điền vào Ô số 8
a) Hàng hóa có xuất xứ thuần túy hoặc được sản xuất toàn bộ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này	WO
b) Hàng hóa được sản xuất tại một Nước thành viên chỉ từ nguyên liệu có xuất xứ từ một hay nhiều Nước thành viên theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này	PE
c) Hàng hóa được sản xuất từ nguyên liệu không có xuất xứ tại một Nước thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư này	
- Hàm lượng giá trị khu vực (RVC)	Ghi tỉ lệ phần trăm thực tế hàm lượng giá trị khu vực ACFTA, ví dụ "RVC 50%"
- Chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp độ 4 số	CTH
d) Hàng hóa đáp ứng Quy tắc cụ thể mặt hàng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này	PSR

10. Ô số 9: Ghi trọng lượng cả bao bì hoặc trọng lượng tịnh hoặc đơn vị đo lường khác và trị giá FOB chỉ ghi trong trường hợp áp dụng tiêu chí RVC.

11. Ô số 10: Số và ngày của hóa đơn thương mại được phát cho lô hàng nhập khẩu vào Nước thành viên nhập khẩu.

12. Ô số 11:

- Dòng thứ nhất ghi tên nước xuất xứ của hàng hóa, nơi diễn ra công đoạn sản xuất cuối cùng ra hàng hóa;

- Dòng thứ hai ghi tên Nước thành viên nhập khẩu;

- Dòng thứ ba ghi địa điểm, ngày tháng năm đề nghị cấp C/O, họ tên, chữ ký của người ký đơn đề nghị cấp C/O.

13. Ô số 12: Dành cho cơ quan, tổ chức cấp C/O ghi: địa điểm, ngày tháng năm cấp C/O, chữ ký và họ tên của người có thẩm quyền ký cấp C/O, con dấu của cơ quan, tổ chức cấp C/O.

14. Ô số 13:

a) Trường hợp cấp sau thì đánh dấu vào Ô "Issued Retroactively" bằng điện tử hay đánh máy với thông tin khác trên C/O mẫu E. Trường hợp không thể đánh dấu bằng điện tử hay đánh máy thì đóng dấu với dòng chữ "ISSUED RETROACTIVELY";

b) Trường hợp sản phẩm được gửi từ Nước thành viên xuất khẩu để tham gia triển lãm tại một Nước thành viên khác và được bán trong hoặc sau thời gian triển lãm nhằm nhập khẩu vào một Nước thành viên thì đánh dấu vào Ô "Exhibition". Tên và địa chỉ nơi diễn ra triển lãm ghi tại Ô số 2;

c) Trường hợp sản phẩm được cấp C/O giáp lưng thì đánh dấu vào Ô “Movement Certificate”. Trị giá trên Ô số 9 là trị giá hóa đơn của sản phẩm được xuất khẩu từ Nước thành viên trung gian. Trị giá trên Ô số 9 chỉ cần ghi nếu áp dụng tiêu chí RVC. Tên cơ quan, tổ chức cấp C/O mẫu E của Nước thành viên xuất khẩu đầu tiên, ngày cấp và số tham chiếu của C/O mẫu E gốc ghi tại Ô số 7;

d) Trường hợp hóa đơn được phát hành bởi một nước thứ ba thì đánh dấu vào Ô “Third Party Invoicing”. Số hóa đơn được ghi tại Ô số 10. Tên và nước của công ty phát hành hóa đơn bên thứ ba ghi tại Ô số 7.

*** Thủ tục hải quan:** Quy trình thủ tục hải quan được hướng dẫn cụ thể và chi tiết tại các văn bản quy phạm pháp luật sau:

- Luật Hải quan 2014.
- Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.
- Nghị định số 59/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi Nghị định 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.
- Thông tư số 38/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 quy định về xác định xuất xứ hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành chính thức có hiệu lực ngày 05 tháng 6 năm 2018.
- Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 4 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư 38/2015/T-BTC ngày 25 tháng

3 năm 2015 quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

3. QUY ĐỊNH VỀ NHẬP KHẨU NÔNG SẢN CỦA TRUNG QUỐC

3.1. Quy định chung

3.1.1. Về phương thức quản lý

Về nguyên tắc, các mặt hàng nông thủy sản của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc phải tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật theo Luật An toàn thực phẩm 2015, Luật Kiểm dịch động thực vật xuất nhập khẩu của Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và các văn bản hướng dẫn thực hiện 2 Luật này.

Doanh nghiệp xuất khẩu phải có đủ điều kiện máy móc, trang thiết bị sản xuất, kiểm nghiệm các chỉ tiêu chất lượng cơ bản đối với sản phẩm mình sản xuất, nhà xưởng, kho tàng và yêu cầu kỹ thuật có liên quan nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm (hồ sơ kỹ thuật, nhật ký sản xuất...). Cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam sẽ tiến hành kiểm tra, nếu đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Việt Nam và sau đó của Trung Quốc thì mới được cấp mã số doanh nghiệp xuất khẩu sang Trung Quốc. Cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc có thể tiến hành thanh kiểm tra khi cần thiết. Việc cấp mã số doanh nghiệp xuất khẩu sang Trung Quốc cần đáp ứng các yêu cầu, quy định của cơ quan quản lý hai nước và cần được đăng ký với phía Trung Quốc thông qua Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

3.1.2. Về hình thức xuất khẩu

- Thương mại quốc tế thông thường: Các mặt hàng nông thủy sản của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc sẽ được hưởng mức thuế suất nhập khẩu ưu đãi thực hiện theo Hiệp định mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc (hiện nay phần lớn các mặt hàng nông thủy sản xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc áp dụng mức thuế nhập khẩu là 0% nếu hoàn tất thủ tục hồ sơ, trong đó có Giấy Chứng nhận xuất xứ theo mẫu quy định - C/O mẫu E.

- Thương mại biên giới: đây là **chính sách đặc thù của cả hai nước Việt Nam - Trung Quốc** nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội các địa phương biên giới và nâng cao đời sống cư dân biên giới. Chính phủ Trung Quốc công nhận hoạt động thương mại biên mậu tại các cửa khẩu biên giới trên đất liền giữa các doanh nghiệp khu vực biên giới được phép kinh doanh thương mại với doanh nghiệp biên giới hoặc các tổ chức thương mại khác của nước láng giềng. Nếu xuất khẩu sang Trung Quốc theo hình thức này qua các cửa khẩu của địa phương (thuộc các tỉnh giáp biên Trung Quốc, không phải là cửa khẩu quốc tế), tỉnh sẽ được áp dụng cơ chế riêng, doanh nghiệp nhập khẩu không phải nộp thuế VAT mà chỉ đóng phí theo quy định của địa phương và phần phí này sẽ giữ lại cho ngân sách của tỉnh. Chính phủ Trung Quốc quy định, xuất khẩu theo hình thức này vẫn phải thông qua các bước kiểm dịch kiểm nghiệm, kiểm tra hải quan... như thương mại quốc tế thông thường.

Ngoài ra, phía Trung Quốc còn thực hiện chính sách trao đổi Cư dân biên giới: theo đó, cư dân sống trong phạm vi cách đường biên giới phía Trung Quốc 20 km được miễn thuế nhập khẩu, thuế VAT khi tiến hành trao đổi hàng hóa theo quy định và không vượt quá số tiền (8.000 NDT/người/ngày, tương đương khoảng 28 triệu VNĐ), số lượng quy định tại

các cặp chợ biên giới hoặc lối mở biên giới được công nhận. Cư dân biên giới phía Trung Quốc khi trao đổi hàng hóa theo hình thức trao đổi cư dân phải chấp hành sự kiểm tra và giám sát của hải quan sở tại; đồng thời điền tờ khai hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu cư dân biên giới.

3.2. Về thủ tục hải quan

Hải quan Trung Quốc hiện vẫn tập trung đẩy mạnh công tác phòng chống buôn lậu qua biên giới và việc khai gian thuế hải quan tại các khu vực cửa khẩu đường bộ. Cơ quan kiểm định chất lượng Trung Quốc chỉ đạo triển khai giám sát chặt chẽ việc các doanh nghiệp xuất nhập khẩu (đặc biệt là mặt hàng gạo) có nằm trong danh mục doanh nghiệp đủ tiêu chuẩn được phép xuất khẩu gạo sang Trung Quốc, nếu không nằm trong danh sách sẽ không cho hàng cập cảng.

Lưu ý doanh nghiệp trong giao dịch với đối tác cần ký kết Hợp đồng chặt chẽ để tránh bị tổn thất do đối tác khai báo gian dối thuế hải quan, điển hình vào năm 2017, như Công ty Nam Điều ký kết với đối tác Công ty Thương mại Quế Phong Phòng Thành Cảng, hai bên thỏa thuận sau khi cập cảng mới thanh toán tiền (Công ty Việt Nam xuất 500 tấn gạo), tuy nhiên do đối tác Trung Quốc khai báo không trung thực trong khi làm thủ tục thuế Hải quan, do vậy lô hàng đã bị Hải quan bắt giữ điều tra, khởi tố, như vậy doanh nghiệp của ta sẽ tổn thất rất lớn.

3.3. Về quy định nhãn mác, bao bì đóng gói sản phẩm

Chính phủ Trung Quốc đưa ra các quy định cụ thể về chứng nhận sản phẩm, dán nhãn và bao gói cho các sản phẩm nhập khẩu. Điều quan trọng là sản phẩm cần phải tuân theo các quy định của chính phủ Trung Quốc, để không gặp khó khăn khi nhập khẩu vào thị trường này.

3.4. Về quản lý chứng nhận sản phẩm, quy trình kiểm dịch và dán nhãn

3.4.1. Chứng nhận sản phẩm Tổng cục Kiểm dịch, Đo lường và Quản lý chất lượng Trung Quốc (AQSIQ, từ tháng 10/2018 chuyển về Tổng cục Hải quan Trung Quốc) quản lý việc chứng nhận sản phẩm và các quy trình kiểm dịch

Một vài quy định chính về chứng nhận sản phẩm như sau: Đối với thực vật và các sản phẩm từ thực vật nhập khẩu vào Trung Quốc, cần có giấy chứng nhận vệ sinh thực vật. Theo luật Trung Quốc về những tiêu chuẩn an toàn và chất lượng sản phẩm, một số mặt hàng nhập khẩu yêu cầu phải được giám định và chứng nhận phù hợp với những tiêu chuẩn bắt buộc của quốc gia, những tiêu chuẩn mậu dịch trong nước và những tiêu chuẩn quy định trong hợp đồng. Một sản phẩm nếu được cấp giấy chứng nhận chất lượng sẽ được dán nhãn an toàn sản phẩm. Mọi hàng hóa lưu thông trên thị trường Trung Quốc đều phải có mác kèm theo các thông tin liên quan bằng tiếng Trung Quốc. Cơ quan Kiểm dịch Chất lượng và Y tế quốc gia yêu cầu hàng thực phẩm nhập khẩu như: kẹo, rượu, quả hạch, thực phẩm đóng hộp và pho mát phải được dán tem và chứng nhận an toàn sản phẩm trước khi cho xuất khẩu và nhập khẩu. Nhà nhập khẩu phải chịu phí dán nhãn có hình, và nhãn dính có hình chỉ được dính vào sản phẩm khi có sự đồng ý của Cơ quan SACI (Cơ quan Kiểm dịch hàng xuất nhập khẩu Nhà nước).

3.4.2. Dán nhãn

Cục Quản lý nhà nước về kiểm tra kiểm dịch hàng hóa xuất nhập khẩu Trung Quốc (CIQ) đưa ra các quy định về dán nhãn đối với một số hàng hóa nhập khẩu nhất định, chủ yếu là hàng tiêu dùng. Các loại nhãn mác sử dụng tiếng Trung Quốc cần đáp ứng các luật, quy định và tiêu chuẩn

bắt buộc của Trung Quốc. Việc kiểm tra nhãn mác tiếng Trung Quốc do CIQ thực hiện khi kiểm tra kiểm dịch hàng hóa.

Các yêu cầu về nhãn mác của Trung Quốc rất đa dạng phụ thuộc vào loại hàng hóa nhập khẩu. Tất cả các sản phẩm đều phải sử dụng nhãn mác bằng tiếng Trung Quốc (tiếng Trung Quốc giản thể). Một vài sản phẩm yêu cầu có cả nhãn mác tiếng Trung Quốc và tiếng Anh. Một yêu cầu bắt buộc là nhãn mác tiếng Trung Quốc phải được in và dán trên kiện hàng trước khi đến cảng đến của Trung Quốc. Do những khó khăn trong việc dịch và cập nhật các thông tin về quy định nhãn mác của Trung Quốc cũng như những thay đổi thường xuyên về chính sách của CIQ, nhà xuất khẩu Việt Nam nên kiểm tra các quy định về nhãn mác với đối tác nhập khẩu hoặc đại lý trước khi xuất khẩu hàng hóa.

*** Thời gian xử lý**

Bắt đầu từ 01/4/2006, các quy định về kiểm tra trước và chứng nhận trước nhãn mác đã được xóa bỏ. Các nhãn mác tiếng Trung Quốc phải được in trên bao bì thực phẩm và mỹ phẩm trước khi kiện hàng rời cảng đi. Cơ quan kiểm tra kiểm dịch tại cảng đến phía Trung Quốc sẽ xác nhận nhãn mác trong quá trình kiểm tra kiểm dịch. Nếu không có nhãn mác bằng tiếng Trung Quốc hoặc nhãn mác bằng tiếng Trung Quốc không đáp ứng các luật, quy định và tiêu chuẩn cần thiết, kiện hàng sẽ bị coi là không đảm bảo tiêu chuẩn và sẽ được gửi tới một kho ngoại quan được chỉ định dưới sự giám sát của các phòng ban để sửa nhãn mác.

*** Chi phí**

Tại Trung Quốc, chi phí liên quan đến việc thực hiện một nhãn mác tiếng Trung Quốc rất đa dạng. Thực tế là các quy định của Trung Quốc thay đổi rất thường xuyên và một số chi phí do cơ quan hải quan của Trung Quốc thu được tính theo tỷ lệ giá trị của hàng hóa nhập khẩu. Các loại

phí do những cơ quan này thu bao gồm kiểm tra kiểm dịch sản phẩm và kiểm tra nhãn mác hàng hóa.

*** Dán nhãn hàng thực phẩm**

Quy định về tiêu chuẩn dán nhãn hàng thực phẩm của Trung Quốc đã có hiệu lực từ 01/10/1995. Quy định này yêu cầu tất cả hàng thực phẩm đóng gói (ngoại trừ hàng rời) phải được đánh nhãn bằng tiếng Trung Quốc ghi rõ loại sản phẩm, tên nhãn hiệu, tên thương mại, tên và địa chỉ của nhà sản xuất, nước xuất xứ, thành phần cấu thành, ngày sản xuất và hạn sử dụng. Quy định này áp dụng cho hàng nhập khẩu cũng như hàng nội địa đóng gói. Dấu chứng nhận bắt buộc Chính phủ Trung Quốc đã áp dụng hệ thống chứng nhận an toàn mới, áp dụng cho 132 mặt hàng. Với hệ thống này, các nhà sản xuất muốn xuất khẩu hoặc bán hàng ở Trung Quốc phải có được dấu CCC. Hệ thống bắt đầu được áp dụng vào 1/5/2002 và hoàn toàn có hiệu lực vào 1/5/2003. Dấu CCC là viết tắt của từ "China Compulsory Certification" (Chứng nhận bắt buộc của Trung Quốc). Đây là dấu an toàn và chất lượng mới nhất của Trung Quốc. Từ năm 1989, Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã có hệ thống chứng chỉ an toàn gồm dấu CCIB cho sản phẩm của 47 loại hàng và CCEE "Great Wall" cho các mặt hàng điện với 7 loại. Do hệ thống chứng nhận phát triển nhanh trong những năm 1990, nhiều nước xuất khẩu đến Trung Quốc tỏ ra lúng túng với hai hệ thống chứng nhận như vậy, do việc thử nghiệm thừa và cách đối xử khác nhau giữa hàng trong nước và hàng nhập khẩu. Vì lý do đó, dấu CCC ra đời là sự hợp nhất của hai dấu trên và kế thừa rất nhiều yêu cầu của các hệ thống chứng nhận trước đó. Cục Công nhận và Chứng nhận Trung Quốc (CNCA) chịu trách nhiệm quản lý hệ thống tiêu chuẩn mới vốn được phát triển để đáp ứng được những yêu cầu đặt ra cho việc Trung Quốc gia nhập WTO.

Trung tâm Chứng nhận Chất lượng Trung Quốc (CQC) được chỉ định bởi CNCA để xử lý việc cấp dấu CCC. Những sản phẩm phải có dấu CCC: Có 132 loại sản phẩm cần có dấu CCC. Danh sách chi tiết các mặt hàng này có thể tìm thấy ở: <http://www.cqc.com.cn/cqc/catalogueeng.pdf>

Quá trình xin cấp CCC có thể: (i) kéo dài 60 đến 90 ngày hoặc lâu hơn; (ii) yêu cầu thử nghiệm tại một phòng thí nghiệm được công nhận ở Trung Quốc; (iii) thông thường không chấp nhận hình thức tự chứng nhận hoặc kết quả thử nghiệm của bên thứ 3; (iv) yêu cầu trình rất nhiều tài liệu kỹ thuật; (v) yêu cầu gửi một sản phẩm mẫu đến phòng thí nghiệm ở Trung Quốc; yêu cầu có sự giám sát công ty của các chuyên viên Trung Quốc với chi phí do công ty xin cấp tự trả; (vi) yêu cầu có kiểm tra định kỳ sau đó khoảng 12 đến 18 tháng một lần; (vii) chi phí có thể đến vài nghìn USD.

Các bước để xin cấp dấu CCC:

Bước 1: Xác định xem sản phẩm của mình có cần dấu CCC không. Hãy kiểm tra Danh mục của CNCA xem sản phẩm của bạn, hay bộ phận trong thành phẩm có yêu cầu phải có dấu CCC không. Danh mục gồm có 12 loại hàng với tất cả các sản phẩm cần có dấu CCC.

Nếu những mô tả ngắn gọn trong danh mục không đủ để giúp bạn xác định được rằng sản phẩm của mình có cần CCC hay không thì bạn có hai lựa chọn khác:

- Xem “Nguyên tắc thi hành” (Implementation Rules) của CNCA được nêu trong bước 2. 47 nguyên tắc nhỏ này sẽ cung cấp những phạm vi ứng dụng, trong trường hợp nào đó có thể mô tả chi tiết hơn về sản phẩm cần có CCC.

- Xem “Thông báo 60” (Announcement 60), với bảng có kết nối đến Mã HS cho sản phẩm (tham khảo www.cnca.gov.cn/board/bianmabiao.htm). Phần này chỉ có bằng tiếng Trung Quốc, nhưng bạn có thể xác định mã HS cho sản phẩm của công ty bạn.

Bước 2: Nắm bắt các quy định thi hành CNCA đã ban hành 47 “Nguyên tắc Thi hành cho Chứng nhận Bắt buộc”. Các nguyên tắc có thể tìm thấy bằng tiếng Anh tại trang web: www.cnca.gov.cn/download/english.html. Các nguyên tắc này nêu ra rất nhiều tiêu chuẩn GB là Tiêu chuẩn quốc gia bắt buộc áp dụng của Trung Quốc.

Bước 3: Cân nhắc trước khi nộp đơn xin Một số công ty để các đại lý hoặc cố vấn thực hiện việc xin cấp dấu CCC, một số khác thì tự làm hoặc nhờ nhà nhập khẩu hoặc phân phối làm. Hãy tham khảo các đối tác, các nhà phân phối người Trung Quốc hay người quản lý xuất khẩu của bạn, họ có thể có kinh nghiệm với dấu CCC và sẽ chỉ cho bạn đến những nguồn khác.

Bước 4: Nộp đơn nếu chọn tự xử lý việc xin cấp dấu, hãy vào trang Web của Trung tâm chứng nhận chất lượng Trung Quốc (CQC) để xem hướng dẫn về việc nộp đơn xin cấp dấu CCC. Việc nộp đơn gồm 5 bước:

- Nộp đơn: Gồm đơn xin và các tài liệu hỗ trợ như hướng dẫn sử dụng, báo cáo CB, báo cáo về EMC, nhãn quy định và các thông tin khác.
- Thử nghiệm loại: Một phòng thử nghiệm được CNCA chỉ định sẽ thử sản phẩm mẫu.
- Kiểm tra nhà máy: CQC sẽ cử đại diện đến kiểm tra các phương tiện sản xuất sản phẩm của bạn. Giả sử bạn có sản phẩm A được sản xuất từ 5 nhà máy khác nhau, bạn sẽ bị kiểm tra cả ở 5 nhà máy đó.
- Đánh giá kết quả chứng nhận, theo sau đó là công nhận hoặc không công nhận hoặc thử lại.

- Kiểm tra tiếp theo: Cứ 12-18 tháng thì đại diện của Trung Quốc sẽ kiểm tra nhà máy sản xuất sản phẩm đó. Ghi chú những yêu cầu chứng nhận khác ở Trung Quốc: Giống như nhiều nước khác, Trung Quốc có nhiều sơ đồ chứng nhận khác nhau. Cho dù dấu CCC là yêu cầu chứng nhận phổ biến rộng khắp nhất nhưng sản phẩm của bạn vẫn có thể phải chịu nhiều yêu cầu khác, tùy sản phẩm, ví dụ như một số thiết bị y tế, thiết bị viễn thông. Nên tìm hiểu kỹ vấn đề này từ các đối tác Trung Quốc.

3.4.3. Bao gói

Tất cả các vật liệu bao gói bằng gỗ đều được xử lý và chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế đã được công nhận ISPM.

3.5. Quy định vệ sinh ATTP đối với một số nông sản quan trọng

Nhập khẩu các loại động vật, sản phẩm từ động vật, hạt giống và cây giống thực vật cùng những vật liệu gây giống khác, phải xin phép trước và làm thủ tục xét duyệt kiểm dịch. Trường hợp nhập khẩu động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác bằng hình thức thông qua mậu dịch, hợp tác khoa học kỹ thuật, trao đổi biểu tặng, viện trợ... phải ghi rõ trong hợp đồng những yêu cầu kiểm dịch về luật định của Trung Quốc, và phải kèm theo giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan kiểm dịch động thực vật của chính phủ nước hoặc lãnh thổ cho xuất cảnh. Trước khi nhập cảnh hoặc khi nhập cảnh các loại động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, chủ hàng hoặc người đại lý cho chủ hàng phải kiểm dịch với cơ quan kiểm dịch động thực vật tại cửa khẩu nhập cảnh bằng giấy chứng nhận kiểm dịch của nước hoặc lãnh thổ xuất cảnh, hợp đồng thương mại...

Khi các phương tiện chuyên chở động vật đến cửa khẩu, cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa

ngay hiện trường, tiến hành xử lý phòng ngừa dịch bệnh và triệt khuẩn đối với những người lên xuống phương tiện vận tải hoặc tiếp xúc với các động vật, các phương tiện vận tải chuyên chở động vật và những nơi bị nhiễm bẩn. Nhập khẩu các loại động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và các vật kiểm dịch khác, phải kiểm dịch tại cửa khẩu nhập cảnh. Chưa được sự đồng ý của cơ quan kiểm dịch cửa khẩu, không được bốc dỡ khỏi phương tiện vận tải. Những động thực vật nhập khẩu, cần kiểm dịch cách ly, được kiểm dịch tại nơi cách ly do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu chỉ định.

Do nguyên nhân hạn chế về điều chỉnh của cửa khẩu, có thể do cơ quan kiểm dịch động thực vật Nhà nước quyết định vận chuyển những động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác đến nơi chỉ định để kiểm dịch. Trong quá trình vận chuyển và bốc xếp, chủ hàng hoặc người đại lý của chủ hàng phải áp dụng các biện pháp phòng ngừa dịch bệnh. Những nơi chỉ định để gửi, chế biến và nuôi cách ly hoặc trồng cách ly phải phù hợp với quy định kiểm dịch động thực vật và phòng ngừa dịch bệnh. Những loại động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác được nhập khẩu, qua kiểm dịch đạt tiêu chuẩn, cho phép nhập cảnh; Hải quan kiểm nghiệm và cho thông quan bằng giấy chứng nhận hoặc đóng dấu trên giấy báo thông quan của cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu. Những loại động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, cần di chuyển khỏi khu giám quản của hải quan để kiểm dịch, hải quan xét nghiệm và cho thông quan bằng “giấy thông báo di chuyển kiểm dịch” do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu cấp.

Những loại động vật nhập khẩu, qua kiểm dịch không đạt chuẩn, do cơ quan kiểm dịch động thực vật ký “giấy thông báo xử lý kiểm dịch”, thông báo cho chủ hàng hoặc người đại lý chủ hàng xử lý như sau:

- Kiểm tra ra các động vật mang bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng loại I, trả về toàn bộ động vật cùng đàn hoặc giết toàn bộ đàn động vật và tiêu hủy thi thể.

- Kiểm tra ra các động vật mang bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng loại II, trả về hoặc giết chết, các động vật cùng đàn khác được theo dõi cách ly tại bãi cách ly hoặc địa điểm chỉ định khác. Trường hợp nhập khẩu các sản phẩm từ động vật và những vật kiểm dịch khác qua kiểm dịch không đạt tiêu chuẩn, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu ký và phát “giấy thông báo xử lý về kiểm dịch”, thông báo cho chủ hàng hoặc người đại lý chủ hàng xử lý theo triết tiêu độc hại, trả về hoặc tiêu hủy. Qua xử lý triết tiêu độc hại đạt chuẩn, cho phép nhập cảnh.

Trường hợp nhập những thực vật, sản phẩm từ thực vật và những vật kiểm dịch khác, qua kiểm dịch phát hiện có bệnh, sâu, cỏ dại mang tính nguy hiểm của thực vật, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu ký và phát “giấy thông báo xử lý kiểm dịch”, thông báo cho chủ hàng hoặc người đại lý chủ hàng xử lý theo triết tiêu độc hại, trả về hoặc tiêu hủy. Qua xử lý triết tiêu độc hại đạt chuẩn, cho phép nhập cảnh. Danh mục bệnh truyền nhiễm, bệnh ký sinh trùng động vật loại I, loại II và Danh mục các bệnh, sâu, cỏ dại mang tính nguy hiểm của thực vật, do ngành chủ quản hành chính nông nghiệp của Quốc vụ viện ấn định và công bố. Nhập các động thực vật, sản phẩm từ động thực vật và những vật kiểm dịch khác, qua kiểm dịch phát hiện có trường hợp có các sâu bệnh tác hại nghiêm trọng đến nông lâm nghiệp, chăn nuôi và ngư nghiệp, do cơ quan kiểm dịch động thực vật cửa khẩu thông báo cho chủ hàng hoặc đại lý chủ hàng xử lý theo triết tiêu độc hại, trả về hoặc tiêu hủy theo quy định của ngành chủ quản hành chính nông nghiệp Quốc vụ viện. Qua triết tiêu độc hại đạt chuẩn, cho phép nhập cảnh.

3.5.1. Mặt hàng gạo

a) Quy định về hạn ngạch nhập khẩu

Theo cam kết khi gia nhập WTO, hiện Trung Quốc quản lý nhập khẩu gạo bằng hạn ngạch và số lượng hạn ngạch do Ủy ban Phát triển Cải cách quốc gia Trung Quốc cấp cho các doanh nghiệp nhập khẩu nước này không thay đổi trong những năm gần đây (tổng lượng hạn ngạch cấp cho doanh nghiệp nhập khẩu gạo là 5,32 triệu tấn, trong đó gạo hạt dài 2,66 triệu tấn và gạo hạt tròn 2,66 triệu tấn; lượng hạn ngạch cấp cho doanh nghiệp nhà nước và tư nhân là 50:50). Về thuế suất, thuế nhập khẩu, Trung Quốc áp dụng thuế suất 1% đối với gạo nhập khẩu có hạn ngạch và 65% đối với doanh nghiệp nhập khẩu không có hạn ngạch.

b) Quy định về kiểm nghiệm, kiểm dịch

Vấn đề vệ sinh ATTP và chất lượng sản phẩm hiện đang ngày càng được Chính phủ Trung Quốc quy định chặt chẽ và khắt khe, đặc biệt đối với các sản phẩm lương thực, thực phẩm nhập khẩu, trong đó có gạo. Việc truy xuất nguồn gốc tận nơi sản xuất của nước xuất khẩu là một trong những biện pháp Chính phủ Trung Quốc áp dụng không chỉ đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam mà với nhiều nước khác và sẽ được tiếp tục thực hiện trong các năm tới.

Đối với gạo nhập khẩu từ nước ngoài, Trung Quốc thực hiện việc kiểm dịch căn cứ trên các cơ sở pháp lý chính như sau: (i) Luật Kiểm dịch thực phẩm xuất nhập khẩu; (ii) Luật An toàn thực phẩm và các điều lệ thực thi có liên quan; (iii) Thông tư 60/2016 ngày 24/6/2016 do AQSIQ ban hành quy định cụ thể yêu cầu về kiểm dịch đối với gạo nhập khẩu từ Việt Nam.

* Quy trình kiểm dịch chung

- Trước hết gạo nhập khẩu phải là gạo có xuất xứ từ quốc gia được phép nhập khẩu vào Trung Quốc và đã ký Hiệp định về kiểm dịch thực vật đối với gạo nhập khẩu với Trung Quốc.
- Cơ quan chủ quản của quốc gia được phép xuất khẩu gạo vào Trung Quốc cung cấp danh sách doanh nghiệp xuất khẩu gạo của quốc gia đó để đăng ký với AQSIQ²² (đưa vào Danh sách đã đăng ký).
- Cơ quan chủ quản của nước xuất khẩu tiến hành đánh giá các doanh nghiệp đã đăng ký, doanh nghiệp nào đạt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất, nhà xưởng, kho bãi, bao gói, vận chuyển... sẽ thông báo cho AQSIQ.
- AQSIQ căn cứ trên danh sách doanh nghiệp xuất khẩu do nước xuất khẩu cung cấp, cử đoàn chuyên gia đi kiểm tra thực tế đối với doanh nghiệp xuất khẩu.

Trên cơ sở kiểm tra, đánh giá thực tế, AQSIQ sẽ thông báo cho cơ quan chủ quản nước xuất khẩu kết quả kiểm tra và công nhận các doanh nghiệp đạt tiêu chuẩn xuất khẩu cũng như thông báo các vấn đề tồn tại đối với các doanh nghiệp không đủ điều kiện xuất khẩu theo quy định của phía Trung Quốc.

Do đặc điểm thổ nhưỡng, nên yêu cầu kiểm dịch thực vật (sinh vật, côn trùng gây hại) của phía Trung Quốc đối với gạo nhập khẩu từ mỗi nước xuất khẩu cũng khác nhau.

22 AQSIQ đã được sáp nhập về Tổng cục Hải quan Trung Quốc từ cuối năm 2018. Do vậy, hiện các quy trình kiểm nghiệm, kiểm dịch hàng nông sản nhập khẩu sẽ do Hải quan Trung Quốc chịu trách nhiệm.

* Quy định kiểm dịch của Trung Quốc đối với gạo nhập khẩu từ Việt Nam

Theo Thông tư số 60/2016 ngày 24/6/2016 của AQSIQ, gạo Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc phải đáp ứng các điều kiện như sau:

- Yêu cầu đối với hoạt động gia công, bảo quản: Các doanh nghiệp gia công, chế biến, bảo quản, kho bãi của Việt Nam có liên quan đến hoạt động xuất khẩu gạo sang Trung Quốc sẽ phải đăng ký, lưu hồ sơ tại AQSIQ.

- Yêu cầu về kiểm dịch thực vật: (i) Không được mang các loại sâu, bọ như: *Trogoderma granarium*, *Corcyra cephalonica*, *Ditylenchus angustus*, *Striga asiatica*, *Aphelenchoides nechaleos*; (ii) Phải được trồng tại vùng không có dịch bệnh đối với hai loại sâu *Ditylenchus angustus* và *Aphelenchoides nechaleos*; (iii) Không được mang theo đất và giống các loại cỏ thuộc diện kiểm dịch trên hạt gạo.

- Yêu cầu về ATTP: Phải đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn ATTP theo luật pháp và quy định hiện hành của Trung Quốc.

- Yêu cầu về chứng thư kiểm dịch thực vật: Mỗi lô hàng gạo xuất khẩu của Việt Nam phải có kèm theo chứng thư kiểm dịch do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để chứng minh đã đáp ứng yêu cầu kiểm dịch theo quy định của phía Trung Quốc, đồng thời phải ghi rõ xuất xứ của lô hàng.

- Yêu cầu về khử trùng: (i) Trước khi vận chuyển gạo xuất khẩu sang Trung Quốc phải tiến hành xông hơi khử trùng để đảm bảo gạo không còn sâu mọt, đặc biệt là những loại sâu mọt sản sinh trong quá trình bảo quản tại kho; (ii) Đơn vị khử trùng của Việt Nam do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam đề cử và được AQSIQ kiểm tra, xác nhận

năng lực; (iii) Tên doanh nghiệp, thời gian, địa điểm tiến hành xông hơi khử trùng và với các thông tin như loại thuốc khử trùng, nhiệt độ xử lý... phải ghi rõ trong Chứng thư kiểm nghiệm kiểm dịch thực vật.

- Yêu cầu đối với phương tiện vận tải: Trước khi đóng hàng vận chuyển gạo xuất khẩu sang Trung Quốc, phương tiện vận tải phải được tiến hành kiểm dịch, khử trùng triệt để nhằm phòng tránh các loại sâu, mọt có thể lẫn vào gạo trong quá trình vận chuyển.

c) Quy định về phân loại hạt gạo

Ngày 05/7/2016, Cục Lương thực quốc gia Trung Quốc đã ban hành tiêu chuẩn mới về xác định phân loại gạo. Theo Hiệp hội Lương thực Trung Quốc, việc sửa đổi tiêu chuẩn gạo nhập khẩu vào Trung Quốc căn cứ theo các tiêu chuẩn quốc tế, được thực hiện đối với tất cả các quốc gia nhập khẩu vào Trung Quốc và phạm vi áp dụng tại tất cả các địa phương Trung Quốc. Tiêu chuẩn này đã bổ sung quy định mới giúp phân biệt rõ giữa gạo tấm với gạo hạt trung bình và gạo hạt ngắn theo hướng chặt chẽ hơn, qua đó làm rõ các loại gạo cần xin hạn ngạch để được hưởng thuế suất ưu đãi. Cụ thể: (i) Gạo hạt dài: Độ dài hạt $> 6.0\text{mm}$, tỷ lệ giữa độ dài và độ rộng của hạt gạo $\geq 2.0\text{mm}$; (ii) Gạo hạt trung bình, ngắn: Độ dài hạt $\leq 6.0\text{mm}$, tỷ lệ giữa độ dài và độ rộng của hạt gạo là $< 2.0\text{mm}$

3.5.2. Mặt hàng thủy sản

a) Quy định về an toàn thực phẩm đối với thủy sản Việt Nam xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã ký kết Bản Thỏa thuận hợp tác với AQSIQ (nay thuộc Tổng cục Hải quan Trung Quốc) về kiểm soát an toàn thực phẩm đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản xuất nhập khẩu (năm 2014), theo đó:

- Nafiqad và Cơ quan thẩm quyền Trung Quốc đã thống nhất mẫu chứng thư cấp cho lô hàng thủy sản và sản phẩm thủy sản, mẫu chứng thư cấp cho lô hàng thủy sản sống của Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc (kèm theo mẫu dấu và mẫu chữ ký của cán bộ có thẩm quyền).
- Các lô hàng thủy sản xuất khẩu của Việt Nam vào Trung Quốc phải từ các cơ sở chế biến có tên trong danh sách đã được phía Trung Quốc công nhận và kèm theo chứng thư do cơ quan thẩm quyền của Việt Nam cấp (Nafiqad).
- Nafiqad sẽ cấp chứng thư cho lô hàng xuất khẩu trên cơ sở kết quả kiểm soát điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm trong toàn bộ quá trình sản xuất và lấy mẫu kiểm nghiệm lô thành phẩm tại cơ sở chế biến thủy sản.
- Các cơ sở chế biến đăng ký xuất khẩu vào Trung Quốc được Nafiqad thẩm định, chứng nhận, nếu có kết quả thẩm định điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu sẽ được Nafiqad đăng ký với Cục An toàn thực phẩm Xuất nhập khẩu Trung Quốc để bổ sung vào danh sách được phép xuất khẩu thủy sản vào thị trường này.

b) Quy định về bao bì đóng gói

Các sản phẩm thủy hải sản nhập khẩu bao bì đóng gói phải in ấn chắc chắn (không bao gồm sản phẩm ướp đá). Chú thích ghi nhãn phải đầy đủ, bao gồm: Tên thương mại và khoa học, quy cách, ngày sản xuất, số lô, điều kiện bảo quản, phương thức sản xuất (đánh bắt biển/ nuôi trồng), vùng sản xuất, tên và mã số doanh nghiệp chế biến sản xuất và phải ghi rõ đích đến là nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cùng một lô hàng nhãn mác có kích thước phông chữ, màu sắc và vị trí trên bao bì phải giống nhau. Việc ghi nhãn mác hàng hóa phải được hoàn tất trước khi công xưởng đóng gói, không được phép in tạm thời, dán tem, đóng bao bì hay các phương thức khác.

3.5.3. Mặt hàng rau quả tươi

a) Quy định về kiểm nghiệm, kiểm dịch

Hiện nay, Trung Quốc mới chỉ cho phép 9 trái cây của Việt Nam (bao gồm: Xoài, Nhãn, Chuối, Vải, Dưa hấu, Chôm chôm, Mít, Thanh long, Mãng cụt²³ được nhập khẩu chính ngạch vào thị trường Trung Quốc. Để được nhập khẩu vào Trung Quốc phải đáp ứng các yêu cầu kiểm nghiệm, kiểm dịch như sau:

- Không đóng lẫn hoặc chứa các loại trái cây khác không được ghi trong Chứng thư/ giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật;
- Trên bao bì đóng gói phải ghi đầy đủ tên trái cây, xuất xứ, mã số vùng trồng, nhà xưởng đóng gói hoặc mã số doanh nghiệp bằng tiếng Trung hoặc tiếng Anh;
- Không có dư lượng thực vật như sâu bệnh kiểm dịch, đất, nhánh cành, lá mà Trung Quốc cấm nhập cảnh;
- Lượng các chất độc hại được phát hiện không được vượt quá các tiêu chuẩn an toàn và sức khỏe có liên quan của Trung Quốc;
- Việt Nam đã có thỏa thuận, Hiệp định với Trung Quốc và phải tuân thủ các yêu cầu liên quan của thỏa thuận, nghị định thư.

b) Quy định về truy xuất nguồn gốc

Từ ngày 01/01/2019, Tổng cục Hải quan Trung Quốc chính thức áp dụng truy xuất nguồn gốc đối với vùng trồng và cơ sở đóng gói hoa quả tươi nhập khẩu từ Việt Nam.

²³ Nghị định thư về xuất khẩu măng cụt Việt Nam sang Trung Quốc đã được ký kết giữa cơ quan chức năng có thẩm quyền của hai nước vào tháng 4 năm 2019 vừa qua.

Danh sách mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói này do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam (Cục Bảo vệ thực vật, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) đăng ký với Tổng cục Hải quan Trung Quốc. Trên cơ sở danh sách do phía Việt Nam cung cấp, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã sàng lọc và chính thức công bố mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói hoa quả tươi đối với các loại hoa quả mà phía Trung Quốc đã chính thức cho phép nhập khẩu vào Trung Quốc²⁴.

c) Cửa khẩu chỉ định nhập khẩu

Theo quy định của Trung Quốc tại Biện pháp quản lý giám sát kiểm nghiệm kiểm dịch trái cây nhập khẩu có hiệu lực từ ngày 05 tháng 7 năm 2005, do cửa khẩu nhập khẩu cần có đủ không gian lưu trữ độc lập, có đủ phương tiện và thiết bị bảo quản, đáp ứng các yêu cầu về kiểm dịch và phòng chống dịch bệnh và có đủ năng lực xử lý phòng hại, vì vậy Trung Quốc tiến hành chỉ định cửa khẩu kiểm dịch nhập khẩu với mặt hàng trái cây. Các cửa khẩu của Trung Quốc chỉ định nhập khẩu hoa quả từ Việt Nam là:

- Tại Quảng Tây: Quảng Tây hiện có 06 cửa khẩu được cho phép nhập khẩu trái cây gồm: Cửa khẩu Bằng Tường; cửa khẩu sân bay quốc tế Lưỡng Giang Quế Lâm; Cửa khẩu Phòng Thành Cảng; Khu Cảng bảo thuế Khâm Châu; cửa khẩu Đông Hưng và cửa khẩu Long Bang, trong đó Khu thí điểm kiểm nghiệm thương mại biên giới Trung Quốc – ASEAN (Khả Phụng) tại Bằng Tường là cửa khẩu nhập trái cây lớn của Việt Nam với năng lực có thể giải phóng 400 lượt xe container/ngày.

- Tại Vân Nam: Vân Nam hiện được cho phép nhập khẩu trái cây tại 06 cửa

²⁴ Danh sách các mã số vùng trồng và cơ sở đóng gói hoa quả tươi của Việt Nam được phía Trung Quốc cập nhật gần nhất là ngày 02/01/2019 tại địa chỉ website: <http://www.customs.gov.cn/customs/jyzy/dzwjyzy/qymd/zwjcp/2127228/index.html>

khẩu chỉ định gồm: sân bay quốc tế Trường Thủy, cửa khẩu quốc tế Thụy Lệ (Ruili), cửa khẩu quốc tế Đại Lạc (Daluo), cửa khẩu quốc tế Hà Khẩu (Hekou), cửa khẩu quốc tế Mohan và cửa khẩu Quan Lũy (Guanlei); trong đó cửa khẩu lưu thông giao thương với Việt Nam là Hà Khẩu - Lào Cai.

3.5.4. Mặt hàng sắn và các sản phẩm từ sắn

Theo nội dung Biên bản cuộc hội đàm về kiểm nghiệm, kiểm dịch thực vật giữa Tổng cục Giám sát chất lượng kiểm nghiệm, kiểm dịch quốc gia nước CHND Trung Hoa (nay là Tổng cục Hải quan Trung Quốc) và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, xuất khẩu sắn và các sản phẩm từ sắn từ Việt Nam sang Trung Quốc phải đáp ứng các quy định sau:

- Hàng hóa (tinh bột sắn, sắn lát) phải do doanh nghiệp sản xuất của Việt Nam nằm trong danh sách đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phía Việt Nam đăng ký với Cơ quan Hải quan Trung Quốc.
- Quy định về bao bì: trên bao bì cần ghi rõ ít nhất 5 yếu tố gồm: nơi sản xuất, cấp bậc chất lượng, đơn vị sản xuất, ngày sản xuất và ghi rõ ràng hàng hóa dùng trong thực phẩm hay dùng trong công nghiệp (trong đó, nếu dùng làm thực phẩm thì không cần phải ghi cấp bậc chất lượng), nhãn mác hiển thị trên bao bì phải được in lên bao bì vừa đóng gói trước khi xuất xưởng, không cho phép hàng hóa đến cửa khẩu mới dùng biện pháp phun tạm thời hoặc lồng bao bì có in sẵn sản phẩm hay cách thức/hình thức khác.
- Quy định về kiểm dịch: Sắn lát và tinh bột sắn dùng làm thực phẩm xuất khẩu sang Trung Quốc phải được cơ quan thẩm quyền của Việt Nam kiểm dịch theo yêu cầu của Trung Quốc, khi thực hiện thủ tục xuất khẩu phải xuất trình giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật do cơ quan kiểm dịch của Việt Nam chứng nhận.

- Quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm theo quy định của Trung Quốc. Cụ thể: (i) Về cảm quan: Phải có màu sắc hương vị thông thường của sản phẩm, vệ sinh sạch sẽ...; (ii) Dư lượng Sulfur dioxide (SO₂): ≤ 0.03 g/kg; (iii) Dư lượng kim loại nặng: Chì (Pb) ≤ 0.2 mg/kg; cadmi (Cd) $\leq 0,1$ mg/kg; thủy ngân (Hg) $\leq 0,02$ mg/kg; asen (As) ≤ 0.2 mg/kg; (iv) Dư lượng độc tố: Aflatoxin B1 $\leq 5\mu\text{g/kg}$, deoxynivalenol (DON) ≤ 1000 $\mu\text{g/kg}$.

- Ngoài ra, doanh nghiệp nhập khẩu xin cấp phép tại Cục giám sát và kiểm dịch động thực vật các tỉnh (CIQ) - Tổng cục Hải quan của Trung Quốc.

3.5.5. Mặt hàng thực phẩm đóng bao gói sẵn

Để thực hiện yêu cầu cải cách “trao quyền, tinh giản hóa thủ tục hành chính và tối ưu hóa các dịch vụ công” của Chính phủ Trung Quốc, đồng thời nâng cao hiệu quả công tác thông quan hàng hóa tại cửa khẩu, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã ban hành Thông báo số 70/2019 về quy định quản lý, giám sát việc ghi nhãn bao bì thực phẩm đóng gói sẵn xuất nhập khẩu của Trung Quốc, có hiệu lực áp dụng bắt đầu từ ngày 01/10/2019. Cụ thể như sau:

- Từ ngày 01 tháng 10 năm 2019, không yêu cầu đăng ký hồ sơ lưu đối với nhãn mác bao bì của thực phẩm đóng gói sẵn lần đầu nhập khẩu vào Trung Quốc. Việc kiểm tra nhãn thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu là một trong những nội dung kiểm tra, kiểm nghiệm đối với thực phẩm, cơ quan hải quan Trung Quốc sẽ căn cứ theo các quy định pháp luật liên quan về kiểm nghiệm hàng hóa xuất nhập khẩu và vệ sinh an toàn thực phẩm để tiến hành kiểm nghiệm theo quy định của pháp luật.

- Doanh nghiệp nhập khẩu phải chịu trách nhiệm đảm bảo nhãn mác bằng tiếng Trung Quốc trên bao bì đóng sẵn của thực phẩm nhập khẩu vào Trung Quốc phù hợp với quy định pháp luật liên quan của Trung Quốc, phù hợp với quy định hành chính và yêu cầu về tiêu chuẩn an

toàn thực phẩm quốc gia. Nếu thẩm tra không đáp ứng tiêu chuẩn, không được nhập khẩu.

- Thực phẩm đóng gói sẵn khi nhập khẩu sẽ được lấy mẫu kiểm tra xác suất tại hiện trường hoặc kiểm nghiệm trong phòng thí nghiệm, doanh nghiệp nhập khẩu cần cung cấp tài liệu chứng minh hàng hóa đáp ứng điều kiện nhập khẩu, tài liệu gốc và bản dịch ghi nhãn mác, mẫu ghi nhãn tiếng Trung và các tài liệu chứng minh khác cho nhân viên hải quan.

- Khi nhận được thông báo của cơ quan hữu quan, đơn khiếu nại của người tiêu dùng về việc thực phẩm đóng gói sẵn bị nghi ngờ vi phạm quy định, cơ quan hải quan sẽ tiến hành thẩm tra xác minh, khi xác nhận có vi phạm sẽ xử lý theo quy định.

- Các loại thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu vào Trung Quốc trưng bày triển lãm, hàng mẫu, hàng kinh doanh miễn thuế (trừ trường hợp miễn thuế theo luật định), thực phẩm phục vụ cho cơ quan ngoại giao, hàng xách tay du lịch, bưu phẩm, bưu kiện, thương mại điện tử qua biên giới... căn cứ theo các quy định hiện hành.

- Doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm đóng gói sẵn cần đảm bảo nhãn mác bao bì đóng gói sẵn của thực phẩm xuất khẩu đáp ứng các tiêu chuẩn của quốc gia, vùng lãnh thổ nhập khẩu hoặc yêu cầu của hợp đồng thương mại.

- Từ ngày 01/10/2019, bãi bỏ các Thông báo sau: (i) Thông báo số 44/2006 của Tổng cục Kiểm nghiệm và Giám sát Chất lượng Quốc gia Trung Quốc (AQSIQ) về điều chỉnh chế độ kiểm tra thẩm định ghi nhãn hàng mỹ phẩm, thực phẩm xuất nhập khẩu; (ii) Thông báo số 59/2011 của AQSIQ về việc vận hành hệ thống quản lý ghi nhãn thực phẩm đóng gói sẵn nhập khẩu; (iii) Thông báo số 27/2012 của AQSIQ về việc thực hiện quy định giám sát quản lý kiểm nghiệm ghi nhãn thực phẩm đóng

gói sản xuất nhập khẩu. Hồ sơ đã nộp lưu chiểu đăng ký trước đó sẽ bị hủy bỏ cùng thời điểm.

3.6. Một số quy định cụ thể đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

3.6.1. Thương mại quốc tế thông thường

Ngày 04 tháng 11 năm 2002, Hiệp định Khung về hợp tác kinh tế toàn diện giữa Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã được lãnh đạo các nước ASEAN và Trung Quốc ký kết tại Phnom Penh, Campuchia tạo nền tảng pháp lý quan trọng để tăng cường hợp tác kinh tế nhiều mặt giữa ASEAN và Trung Quốc, trong đó quan trọng nhất là việc thiết lập Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA).

Các nước khi tham gia vào Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc sẽ dành cho nhau các ưu đãi đặc biệt trong các lĩnh vực thương mại hàng hoá (cắt giảm và xóa bỏ thuế quan, các hàng rào phi quan thuế - NTBs, hạn ngạch thuế quan - TRQs...), thương mại dịch vụ, hợp tác đầu tư... Mục tiêu của ACFTA là thiết lập một Khu vực mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc trong vòng 10 năm. Riêng các nước thành viên mới của ASEAN gồm Campuchia, Lào, Myanmar và Việt Nam có những đối xử đặc biệt, khác biệt và linh hoạt. Cụ thể: cắt giảm và xóa bỏ thuế quan trong khu vực ASEAN - Trung Quốc sẽ cơ bản được hoàn thành vào năm 2010 đối với ASEAN-6 và Trung Quốc và vào năm 2015, với một số linh hoạt đến 2018, đối với các nước thành viên mới của ASEAN.

ACFTA chính thức có hiệu lực từ tháng 01/2010. Thực hiện cam kết này, thuế suất với 97% các mặt hàng thuộc danh mục thông thường giữa các nước ASEAN 6 (Brunei, Indonesia, Malaysia, Philipines, Singapore và

Thái Lan) và Trung Quốc đã được dỡ bỏ. Các bên còn lại của ACFTA cũng đang thực hiện cam kết giảm thuế theo các thời hạn quy định trong hiệp định thương mại hàng hóa giữa hai bên.

3.6.2. Thương mại biên mậu

Nhằm thúc đẩy phát triển thương mại, kinh tế, xã hội và đời sống cư dân tại khu vực biên giới, giai đoạn 2008 - 2016, Trung Quốc đã tiến hành điều chỉnh chính sách quản lý thương mại biên giới, trong đó đáng chú ý là việc ban hành Thông tư liên tịch số 90/2008 về việc điều chỉnh một số quy định của hoạt động thương mại biên giới với một số nội dung đáng chú ý sau:

- Định mức miễn giảm thuế đối với hoạt động trao đổi hàng hóa cư dân biên giới: Đối với hàng hóa trao đổi của cư dân biên giới, định mức được hưởng chính sách miễn thuế nhập khẩu và thuế phải thu trong quá trình nhập khẩu của mỗi người mỗi ngày được điều chỉnh từ 3.000 NDT lên 8.000 NDT. Nếu hàng hóa có giá trị trên 8.000 NDT thì sẽ tiến hành thu thuế nhập khẩu và thuế phải thu trong quá trình nhập khẩu đối với phần giá trị còn dư sau khi đã khấu trừ đi 8.000 NDT.

- Thuế nhập khẩu tiểu ngạch mậu dịch biên giới: Hủy bỏ ưu đãi giảm 50% thuế nhập khẩu và các loại thuế phải thu trong quá trình nhập khẩu. Như vậy hoạt động nhập khẩu theo hình thức thương mại biên mậu trước đây của Trung Quốc sẽ không còn được hưởng các ưu đãi như trước.

Năm 2010, Trung Quốc cũng đã ban hành Danh mục những mặt hàng nhập khẩu thông qua phương thức trao đổi hàng hóa tại các chợ biên giới không được hưởng miễn thuế với một số nội dung đáng chú ý:

- Kể từ ngày 01 tháng 5 năm 2010, có 28 sản phẩm nằm trong danh mục

này như: thuốc lá, rượu, xăng dầu, mỹ phẩm, xe máy, ngô, thóc gạo, đường, dầu thực vật, hàng điện tử vv... không được miễn thuế nhập khẩu theo hình thức buôn bán tại cặp chợ của cư dân biên giới.

- Chỉ những mặt hàng nhập khẩu nhằm phục vụ nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống hàng ngày của cư dân biên giới (không bao gồm cao su thiên nhiên, gỗ, thuốc trừ sâu, phân bón và giống cây trồng...) mới được hưởng chính sách ưu đãi thuế nhập khẩu, đồng thời trong phần ghi chú của Danh mục này, Trung Quốc cũng đưa ra định mức số lượng, trọng lượng của hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu. Theo định mức này, các mặt hàng nằm trong nhóm thực phẩm như: tiểu mạch, ngô, thóc gạo... mỗi cư dân biên giới được hưởng 50kg/người/ngày miễn thuế nhập khẩu, còn các sản phẩm nhu yếu khác đường, dầu ăn... được hưởng từ 1kg/người/ngày miễn thuế nhập khẩu. Danh mục các mặt hàng này sẽ được các cơ quan quản lý Trung Quốc thay đổi tùy theo tình hình thực tế.

3.6.3. Một số thông tin về quy định của các địa phương có chung biên giới với Việt Nam

a) Tỉnh Quảng Tây

Tỉnh Quảng Tây có đường biên giới giáp với các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang của Việt Nam.

*** Chính sách chung:**

- Từ đầu năm 2016, nhằm triển khai phương pháp hành động nâng cấp ngành nông nghiệp hiện đại Quảng Tây trong khuôn khổ 10+3 (ASEAN và Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc), địa phương này đã triển khai Chính sách hỗ trợ vốn vay và khen thưởng bằng tiền cho các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình có triển khai các dự án về phát triển

lượng thực, sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp có chất lượng cao, đặc sắc, có thương hiệu. Mức hỗ trợ vốn vay 40% tổng dự án (tổng giá trị hỗ trợ không quá 200 vạn nhân dân tệ); mức thưởng tùy theo từng dự án từ 2 vạn đến 15 vạn nhân dân tệ.

- Khuyến khích tổ chức thành lập các nhà máy chế biến gia công tại chỗ tại khu vực chợ mậu dịch biên giới, trực tiếp gia công, chế biến sâu các sản phẩm được giao dịch qua chợ mậu dịch biên giới như các loại hoa quả khô như: nhãn, vải; các sản phẩm: hạt điều, dẻ cười, hạnh nhân... hỗ trợ phát triển ngành, nghề vùng biên giới.

- Qua tìm hiểu cho thấy Quảng Tây định hướng hàng hóa xuất nhập khẩu qua các cặp cửa khẩu chính như sau: (i) Đông Hưng tập trung giao lưu về hàng hóa nông sản, hải sản, cao su, đồ gỗ thu hút khách du lịch, thúc đẩy tiêu thụ hàng tiêu dùng...; (ii) Bằng Tường tập trung xuất nhập khẩu đồ gỗ, hoa quả tươi, hàng nông sản...; (iii) Thủy Khẩu tập trung xuất nhập khẩu, chế biến về hàng hoa quả khô, dược liệu đông y, khoáng sản...

Đến nay, Tổng cục Hải quan Trung Quốc đã phê chuẩn 7 cửa khẩu chỉ định nhập khẩu lương thực và 6 cửa khẩu chỉ định nhập hoa quả, đây sẽ là cơ hội thuận lợi cho các doanh nghiệp xuất khẩu hàng nông sản của Việt Nam.

- 6 cửa khẩu thuộc Quảng Tây được chỉ định nhập khẩu hoa quả, gồm: Cửa khẩu Bằng Tường, cửa khẩu sân bay quốc tế Lưỡng Giang Quế Lâm, Cửa khẩu Phòng Thành Cảng, Khu cảng bảo thuế Khâm Châu, cửa khẩu Đông Hưng, Cửa khẩu Long Bang.

- 07 cửa khẩu chỉ định nhập lương thực, gồm: Cảng Phòng Thành Cảng, Cảng Khâm Châu, Cảng Bắc Hải, Cảng Ngô Châu, Cửa khẩu Thủy Khẩu, Cửa khẩu Hữu nghị Quan, Cửa khẩu Long Bang. Như vậy, cửa khẩu chỉ

định nhập khẩu lương thực của Quảng Tây gồm cả đường biển, đường bộ (cửa khẩu biên giới) và đường sông.

*** Một số quy định cụ thể:**

- Năm 2018, chính quyền thị xã Đông Hưng (Quảng Tây, Trung Quốc) chính thức khởi động mô hình logistics Blockchain²⁵ xuyên khu vực, xuyên quốc gia đối với hàng thủy sản. Để triển khai mô hình Blockchain, các cơ quan chức năng của Trung Quốc đã ban hành nhiều quy định mới về quản lý nguồn gốc, xuất xứ hàng hóa, quản lý; quy cách, nội dung thông tin sản phẩm trên tem nhãn; quy cách đóng gói hàng hóa; kiểm dịch, kiểm dịch chất lượng sản phẩm, như:

+ Các sản phẩm của Việt Nam chưa nhận được chấp nhận kiểm dịch tại Trung Quốc sẽ không được giao dịch biên mậu, cụ thể là các sản phẩm thủy hải sản (sứa, cá biển...), nguyên liệu từ bột xương, dong biển và dược liệu;

+ Tất cả các sản phẩm cá nuôi hoặc đánh bắt từ biển (từ hải sản ướp đá), đều phải được lấy từ các công xưởng có đăng ký doanh nghiệp Việt Nam, khi khai báo hải quan phải xuất trình chứng thư về thủy sản do nhà nước Việt Nam cấp;

+ Các sản phẩm thủy hải sản nhập khẩu bao bì đóng gói phải in ấn chắc chắn (không bao gồm sản phẩm ướp đá). Chú thích ghi nhãn phải đầy đủ, bao gồm: Tên thương mại và khoa học, quy cách, ngày sản xuất, số lô, điều kiện bảo quản, phương thức sản xuất (đánh bắt biển/ nuôi

²⁵ Nền tảng công nghệ Blockchain đang được nhiều quốc gia ứng dụng trong quản lý kinh doanh trên nhiều lĩnh vực như: Thanh toán, tài chính ngân hàng, nông nghiệp, giao thông vận tải, y tế... Tại Việt Nam, nhiều doanh nghiệp đã triển khai công nghệ này, nhất là các doanh nghiệp phân phối nông sản tại các siêu thị khi cung cấp dịch vụ truy xuất nguồn gốc nông sản qua việc gắn nhãn QR code trên sản phẩm để người tiêu dùng kiểm tra ứng dụng điện thoại di động.

trồng), vùng sản xuất, tên và mã số doanh nghiệp chế biến sản xuất và phải ghi rõ đích đến là nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa. Cùng một lô hàng nhãn mác có kích thước phông chữ, màu sắc và vị trí trên bao bì phải giống nhau. Việc ghi nhãn mác hàng hóa phải được hoàn tất trước khi công xưởng đóng gói, không được phép in tạm thời, dán tem, đóng bao bì hay các phương thức khác.

Đồng thời có ra thông báo về một số nội dung liên quan đến quản lý giám sát đối với hàng hóa thương mại nhập khẩu giữa các thị trường của các hộ dân vùng biên khai báo lại, trong đó yêu cầu cụ thể:

+ Tăng cường quản lý về kiểm dịch: Không cho phép khai báo hải quan, không phê duyệt kiểm dịch và không cho phép nhập khẩu đối với các hàng nông sản thực phẩm không có trong danh mục chuẩn mực kiểm dịch. Quản lý nghiêm ngặt về phê duyệt giấy phép kiểm dịch, thẩm định phê duyệt nghiêm ngặt đối với ghi chép về lô sản phẩm lưu thông lần trước và các chứng từ có liên quan, quy mô doanh nghiệp để khống chế số lượng phê duyệt. Thực hiện quản lý đánh giá về an toàn đối với thực phẩm có nguồn gốc mới, quản lý nghiêm ngặt (lưu hồ sơ) đăng ký của các doanh nghiệp sản xuất ở nước ngoài; kiểm tra nghiêm ngặt giấy chứng nhận chính thức của Việt Nam, quản lý nguồn gốc nước ngoài;

+ Tăng cường ứng dụng giải pháp kỹ thuật: Kiểm tra đối chiếu bao bì, nhãn mác, giấy chứng nhận hàng hóa; kiểm tra nghiêm ngặt động thực vật tại hiện trường, giám sát vệ sinh. Quản lý giám sát an toàn, môi trường; giám sát bốc mẫu và kiểm tra nguy cơ. Nâng cao năng lực, hỗ trợ kỹ thuật cho các phòng thí nghiệm; xúc tiến kiểm tra tại cửa khẩu nhập khẩu và sử dụng kết quả chứng nhận của bên thứ ba để kiểm tra thương phẩm hàng hóa xuất nhập khẩu.

- Những quy định mới của Hải quan Đông Hưng và Hải quan Nam Ninh

(Quảng Tây - Trung Quốc) sẽ siết chặt các quy định tiêu chuẩn về kiểm dịch, nguồn gốc, xuất xứ, nhãn mác, đồng thời kiểm soát chặt về tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa, vệ sinh an toàn thực phẩm... Khi đó tất cả hàng hóa xuất khẩu vào thị trường Trung Quốc sẽ bị kiểm soát nghiêm ngặt về kiểm dịch, chất lượng sản phẩm, bao bì nhãn mác, nguồn gốc xuất xứ hàng hóa... Các doanh nghiệp vi phạm sẽ bị đưa vào diện chú ý, gửi văn bản thông báo vi phạm và có thể bị đưa ra khỏi danh sách các doanh nghiệp được xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Trung Quốc.

- Ngoài ra, từ đầu năm 2019 đến nay, phía Trung Quốc có chủ trương hạn chế nhập khẩu tiểu ngạch, chuyển sang chính ngạch đối với hàng nông sản, thủy sản nhằm thông qua hệ thống kiểm dịch, truy xuất nguồn gốc để đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm và sẽ áp dụng xử phạt nếu không đủ tiêu chuẩn: (i) Hàng hóa không đủ tiêu chuẩn sẽ bị trả lại; (ii) Đối với các doanh nghiệp đăng ký khai báo nhãn mác hàng hóa không đủ tiêu chuẩn sẽ tùy theo số lần và mức độ vi phạm xử phạt tạm dừng khai báo từ 3 - 10 ngày hoặc bị đưa vào danh sách đen cấp 1 để giám sát (lần đầu vi phạm tạm dừng 03 ngày, vi phạm lần 2 tạm dừng khai báo 05 ngày, vi phạm lần 3 tạm dừng 10 ngày, vi phạm lần 4 bị đưa vào danh sách đen cấp 1 để giám sát); (iii) Đối với doanh nghiệp vi phạm các lỗi: Không thực hiện dán nhãn mác trên bao bì, chưa được phép nhập khẩu nhưng vẫn nhập khẩu; trên bao bì đã dán ghi chú “Hải quan trả lại” nhưng vẫn đưa hàng vào sẽ trực tiếp bị đưa vào danh sách đen cấp 1 để giám sát và yêu cầu quản lý cụ thể đối với một số mặt hàng sau:

+ Yêu cầu quản lý giám sát hàng thủy sản đông lạnh và khô: Thực hiện quản lý theo tiêu chuẩn để xuất, tra cứu thông tin chuẩn thực phẩm nhập khẩu Tổng cục Hải quan Trung Quốc; Các loại có độ rủi ro cao bắt buộc phải làm thủ tục thẩm định kiểm dịch, bao gồm 23 loại, trong đó có tôm chân trắng, cá chim vây bạc, cá chình Nhật Bản...; Khi khai báo

phải xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản của cơ quan chức năng Việt Nam; Tem, nhãn mác trên bao bì phải in trên bao bì gốc trước khi sản phẩm xuất xưởng, không được đưa hàng hóa đến cửa khẩu rồi mới phun, in tạm thời hoặc đóng thêm bao bì có nhãn mác; Trên bao bì ít nhất phải ghi rõ (10 yếu tố): Tên và tên khoa học sản phẩm, quy cách, thời gian sản xuất, số lô hàng, điều kiện bảo quản, phương thức sản xuất (đánh bắt hay nuôi trồng trên biển), khu vực sản xuất, tên doanh nghiệp gia công sản xuất và điểm đến là nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

+ Yêu cầu quản lý giám sát đối với hàng thủy sản cấp đông không qua chế biến: Thực hiện quản lý theo tiêu chuẩn kiểm dịch (128 loại sản phẩm), tra cứu thông tin tiêu chuẩn thực phẩm nhập khẩu của Tổng cục Hải quan; một số loại chưa được nhập khẩu gồm: cá mú, cá dìa, ốc nhồi Phúc Thọ...; Các loại có độ rủi ro cao bắt buộc phải làm thủ tục thẩm định kiểm dịch, bao gồm 23 loại, trong đó có: cá chim, vây cá mập, cá chình Nhật Bản, tôm he...; Tem, nhãn mác trên bao bì phải in trên bao bì gốc trước khi sản phẩm xuất xưởng, không được đưa hàng hóa đến cửa khẩu rồi mới phun, in tạm thời hoặc đóng thêm bao bì có nhãn mác; Trên bao bì ít nhất phải ghi rõ (4 nội dung): Tên và tên khoa học sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, tên doanh nghiệp nuôi trồng hoặc đóng gói, số phê chuẩn.

+ Yêu cầu quản lý giám sát thực phẩm làm từ thực phẩm: Thực hiện quản lý theo tiêu chuẩn kiểm dịch (50 loại), tra cứu tiêu chuẩn thực phẩm nhập khẩu của Tổng cục Hải quan; Các loại có độ rủi ro cao phải làm thủ tục thẩm định kiểm dịch, như các loại cà tím, ớt tươi,...; Khi khai báo phải xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của cơ quan chức năng Việt Nam; Tem, nhãn mác trên bao bì phải in trên bao bì gốc trước khi sản phẩm xuất xưởng, không được đưa hàng hóa đến cửa khẩu rồi mới phun, in tạm thời hoặc đóng thêm bao bì có nhãn mác;

Trên bao bì ít nhất phải ghi rõ (8 yếu tố): Tên thực phẩm, quy cách, hàm lượng tinh, thời gian sản xuất, thời gian sử dụng, nước sản xuất, nhà sản xuất nước ngoài (nếu có), hoặc tên nhà xuất khẩu, điều kiện bảo quản; Các loại sản phẩm làm từ đậu xanh, đậu ván, đậu đỏ... phải thực hiện cơ chế cửa khẩu chỉ định lương thực; trước khi Đồng Hưng phê chuẩn là cửa khẩu chỉ định lương thực không được nhập khẩu.

+ Yêu cầu quản lý giám sát thực phẩm đóng gói: Thực hiện cơ chế quản lý nhà nước xuất nhập khẩu thực phẩm nhập khẩu và quản lý hồ sơ nhãn mác; sản phẩm của nhà xuất khẩu hoặc đại lý nước ngoài đã xin phép Tổng cục Hải quan lập hồ sơ mới được nhập khẩu; các loại sản phẩm chưa lập hồ sơ thì không được nhập khẩu; Khi khai báo phải xuất trình Giấy chứng nhận vệ sinh thực phẩm của cơ quan chức năng Việt Nam; Nhãn mác trên bao bì phải thống nhất với nhãn mác đăng ký hồ sơ, phù hợp với yêu cầu thực phẩm (tiêu chuẩn quốc gia về an toàn thực phẩm, quy định về nhãn mác thực phẩm bao bì).

+ Yêu cầu quản lý giám sát hoa quả: Sản phẩm bắt buộc phải thuộc các vườn trái cây hoặc xưởng đóng gói được cơ quan chức năng Việt Nam đăng ký và được Tổng cục Hải quan xác nhận (danh sách liên quan có thể tra cứu thông tin trên trang Web Tổng cục Hải quan); đến trước ngày 01/01/2019 các vườn trái cây và xưởng đóng gói tại Tổng cục Hải quan sẽ vẫn còn hiệu lực; Thực hiện quản lý tiêu chuẩn kiểm dịch (8 loại) gồm: Thanh long, Mít, Nhãn, Vải, Xoài, Chuối, Chôm Chôm, Dưa hấu; Bắt buộc phải làm thủ tục thẩm định kiểm dịch; Khi khai báo phải xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của cơ quan chức năng Việt Nam; Tem, nhãn mác trên bao bì phải in trên bao bì gốc trước khi sản phẩm xuất xưởng, không được đưa hàng hóa đến cửa khẩu mới phun, in tạm thời hoặc đóng thêm bao bì có nhãn mác; Trên bao bì ít nhất phải ghi rõ (3 yếu tố): Tên gọi, xuất xứ, tên gọi hoặc mã đại lý xưởng đóng gói.

+ Yêu cầu quản lý giám sát thức ăn làm từ động vật thủy sinh: Sản phẩm bắt buộc phải của các doanh nghiệp sản xuất động vật thủy sinh Việt Nam đã đăng ký tại Trung Quốc; Bắt buộc phải làm thủ tục thẩm định kiểm dịch; Khi khai báo phải xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch thủy sản của cơ quan chức năng Việt Nam; Nhãn mác nhận biết trên bao bì và giấy chứng nhận kiểm dịch phải thống nhất như mẫu trong hồ sơ; Trên bao bì ít nhất phải có ghi rõ (4 yếu tố): Tên và tên khoa học sản phẩm, nguồn gốc xuất xứ sản phẩm, tên doanh nghiệp nuôi trồng hoặc đóng gói, số phê chuẩn.

+ Yêu cầu quản lý giám sát đối với bột sản: Sản phẩm bắt buộc phải của doanh nghiệp sản xuất Việt Nam đăng ký tại Trung Quốc; Khi khai báo phải xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật của cơ quan chức năng Việt Nam; Tem, nhãn mác trên bao bì phải in trên bao bì gốc trước khi sản phẩm phẩm xuất xưởng, không được đưa hàng hóa đến cửa khẩu rồi mới phun, in tạm thời hoặc đóng thêm bao bì có nhãn mác; Trên bao bì ít nhất phải ghi rõ (5 yếu tố): Xuất xứ, mức độ, doanh nghiệp gia công, thời gian gia công và xác định rõ sử dụng cho chế biến thực phẩm hay công nghiệp. Trong đó, ghi chú sử dụng làm thực phẩm không cần ghi chú thêm mức độ.

+ Yêu cầu quản lý giám sát thức ăn gia súc: Sản phẩm bắt buộc phải của doanh nghiệp sản xuất hàng thủy sản Việt Nam đăng ký tại Trung Quốc (Giấy đăng ký thức ăn gia súc nhập khẩu do Bộ Nông nghiệp và nông thôn ban hành); Bắt buộc phải làm thủ tục thẩm định kiểm dịch; Khi khai báo phải xuất trình Giấy chứng nhận kiểm dịch An-bu-min động vật của cơ quan chức năng Việt Nam; Tem, nhãn mác trên bao bì phải in trên bao bì gốc trước khi sản phẩm xuất xưởng, không được đưa hàng hóa đến cửa khẩu rồi mới phun, in tạm thời hoặc đóng thêm bao bì có nhãn mác; Bao bì thức ăn gia súc phải có nhãn mác bằng chữ tiếng

Trung Quốc và phải phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia nhãn mác thức ăn gia súc Trung Quốc.

b) Tỉnh Vân Nam

Tỉnh Vân Nam có đường biên giới giáp với các tỉnh Hà Giang, Lào Cai, Lai Châu, Điện Biên của Việt Nam. Đây là thị trường Tây Nam, Trung Quốc có dung lượng lớn, nhu cầu hàng hóa đa dạng, mức sống người dân cao nên sức mua khả quan. Hạ tầng thương mại như hệ thống đường bộ nối liền với cửa khẩu tiếp giáp với Trung Quốc (Cao tốc Hà Nội - Lào Cai), hệ thống kho bãi tập kết, bảo quản hàng hóa tại khu vực cửa khẩu ngày càng được quan tâm đầu tư và hoàn thiện.

Doanh nghiệp chủ yếu dựa vào xuất khẩu theo hình thức thương mại biên giới và tại thị trường Vân Nam, nông thủy sản Việt Nam phải cạnh tranh khốc liệt với sản phẩm nông sản hoa quả của các nước trong ASEAN, cụ thể như Thái Lan, Lào. Hình thức xuất khẩu có thể áp dụng cả thương mại quốc tế thông thường và thương mại biên mậu. Phương thức xuất khẩu đa dạng có thể đi đường bộ, đường sắt và đường không thông qua các cửa khẩu của tỉnh Vân Nam. Danh mục hàng hóa nông sản, thực phẩm, trái cây có ưu thế của Việt Nam được phép nhập khẩu vào Trung Quốc còn ít (hiện có 9 loại trái cây, trong khi Thái Lan là 20 loại trái cây).

PHỤ LỤC SỐ 1

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC CẤP C/O MẪU E

1	Phòng Quản lý XNK khu vực Hà Nội Địa chỉ: 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội Điện thoại: (024) 2220 5455/56/58/60 * Fax: (024) 2220 5459 Email: xnkhanoi@moit.gov.vn
2	Phòng Quản lý XNK Khu vực Đà Nẵng Địa chỉ: 7B Cách mạng Tháng 8, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng Điện thoại: (0236) 3623 939 * Fax: (0236) 3623 939 Email: xnkdanang@moit.gov.vn
3	Phòng Quản lý XNK Khu vực TP Hồ Chí Minh Địa chỉ: Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai, Q1, TP. Hồ Chí Minh Điện thoại: (028) 3915 1432 Email: xnktphochiminh@moit.gov.vn
4	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Đồng Nai Địa chỉ: số 26, đường 2A, khu công nghiệp Biên Hòa 2, TP. Biên Hòa, Đồng Nai Điện thoại: (0251) 3892 200/ (0251) 3995 073 * Fax: (0251) 3892 200 Email: xnkdongnai@moi.gov.vn
5	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Dương Địa chỉ: 33 Đại Lộ Thống Nhất khu công nghiệp Sóng Thần II, Dĩ An, Bình Dương Điện thoại: (0274) 3737 359 * Fax: (0274) 3737 358 Email: xnkbinhduong@moi.gov.vn

6	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lào Cai Địa chỉ: Tầng 2, trụ sở khối VII, Trần Hưng Đạo, TP. Lào Cai, tỉnh Lào Cai Điện thoại: 0214)3824024 * Fax: 0214)3824040 Email: xnklaocai@moit.gov.vn
7	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Lạng Sơn Địa chỉ: Số 9 A Lý Thái Tổ, P. Đông Kinh, TP Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn Tel: 0205)710.917 * Fax: 0205)3.875.493 Email: xnklangson@moit.gov.vn
8	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Quảng Ninh Địa chỉ: Tầng 10, trụ sở liên cơ quan số 2, phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh Điện thoại: (0203) 3658 344 Email: xnkquangninh@moit.gov.vn
9	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hải Dương Địa chỉ: Số 14 phố Bắc Sơn, Quang Trung, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương Điện thoại: (0220) 3859 792 * Fax: (0220) 3859 792 Email: xnkhaiduong@moit.gov.vn
10	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thái Bình Địa chỉ: Số 144 Phố Lê Lợi, TP. Thái Bình Điện thoại: (0227) 3831 268 * Fax: (0227) 3831 047 Email: xnkthaibinh@moit.gov.vn
11	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Thanh Hóa Địa chỉ: Khu Đô thị mới Đông Hương, Đại lộ Lê Lợi, TP. Thanh Hóa Điện thoại: (0237) 3727 036 * Fax: (0237) 3727 036 Email: xnkthanhhoa@moit.gov.vn

12	Phòng Quản lý xuất nhập khẩu khu vực Ninh Bình Địa chỉ: Đường Đinh Tất Miễn, Phường Đông Thành, TP. Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình Điện thoại: (0229) 3883 300 * Fax: (0229) 3883 300 Email: xnknhnbinh@moit.gov.vn
13	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Nghệ An Địa chỉ: Số 70, Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, Nghệ An Điện thoại: (0238) 3560 237/ (0238) 3561 501 * Fax: (0238) 3843 578 Email: xnknghean@moit.gov.vn
14	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Hà Tĩnh Địa chỉ: 02 Trần Phú, TP. Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh Điện thoại: (0239) 3858 505 * Fax: (0239) 3858 505 Email: xnkhatinh@moit.gov.vn
15	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Bình Trị Thiên Địa chỉ: 02 Tôn Đức Thắng, TP. Huế, tỉnh Thừa Thiên - Huế Điện thoại: (0234) 3617 248 * Fax: (0234) 3817 831 Email: xnkbinhtrithien@moit.gov.vn.
16	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Khánh Hòa Địa chỉ: Khu liên cơ II, số 4 Phan Chu Trinh, Nha Trang, Khánh Hòa Số điện thoại: (0258) 3822 421 * Fax: (0258) 3822 421 Email: xnkkanhhoa@moit.gov.vn
17	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Cần Thơ Địa chỉ: 19-21 Lý Tự Trọng, P. An Phú, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ Điện thoại: (0292) 3733 983 * Fax: (0292) 3733 984 Email: xnkcantho@moit.gov.vn

18	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Vũng Tàu Địa chỉ: Sở Công Thương tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Trung tâm Hành chính - Chính trị tỉnh, số 01 Phạm Văn Đồng, TP. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Điện thoại: (0254) 3542 677 * Fax: (0254) 3856 344 Email: xnkvangtau@moit.gov.vn
19	Phòng Quản lý Xuất nhập khẩu khu vực Tiền Giang Địa chỉ: Số 17, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 4, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang Điện thoại: (0273) 3880 510 * Fax: (0273) 3882 201 Email: xnktiengiang@moit.gov.vn
20	Sở Công Thương thành phố Hải Phòng Địa chỉ: Số 9 Lạch Tray, Ngô Quyền, TP. Hải Phòng Điện thoại: (0225) 3895 795 * Fax: (0225) 3845 794 Email: socongthuonghp@vnn.vn
21	Ban quản lý các khu kinh tế tỉnh Hà Giang Địa chỉ: Số 222 Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, tỉnh Hà Giang Điện thoại: (0219) 3860 109 Email: bqlkcن@hagiang.gov.vn
22	Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất thành phố Hà Nội Địa chỉ: Trụ sở CC02, khu đô thị Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP. Hà Nội Điện thoại: (024) 3356 0788 Email: vanthu_bqlkcncx@hanoi.gov.vn

PHỤ LỤC SỐ 2

DANH SÁCH CÁC TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP XỬ LÝ XÔNG HƠI KHỬ TRÙNG

TT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Công ty Cổ phần Trừ mối Khử trùng TCFC)	31B Hải Triều, P. Bến Nghé, Quận I, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 3821 4171 / (08) 3914 0893 Fax: (08) 3821 2011 / (08) 3821 7952 Website: www.tcfc.com.vn Email: tcfc@hcm.vnn.vn
2	Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Toàn Diện	119/2 Điện Biên Phủ, Quận I, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 3824 3230; Fax: (08) 3822 0359 Email: pestsolution@absolute-pest-control.com
3	Công ty cổ phần Giám định Đại Việt Davicontrol	115 Võ Văn Tần, phường 6, Quận.3, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: (08) 39303234/39303235 * Fax: (08) 39303237 Email: dvc@davicontrol.com.vn Website: davicontrol.com.vn
4	Công ty cổ phần Khử trùng - Trừ Mối Việt Nam	Số 15B - Lô 15, Khu Định Công mới Thanh Xuân, Hà Nội ĐT: (024) 3869 9999 * Fax: (024) 3869 9999
5	CN Công ty Cổ phần Giám định VINA CONTROL	54 Trần Nhân Tông, Hà Nội, Việt Nam 80 Bà Huyện Thanh Quan, Q 3, TP. HCM ĐT: (08) 3935 1106 * Fax: (08) 3931 6961
6	Công ty CP Giám định Cà phê và hàng hoá XNK - CAFE CONTROL	228 ^A Pasteur, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh

7	Công ty Cổ phần Khử trùng Việt Nam (VFC) Vietnam Fumigation Company (VFC)	29 Tôn Đức Thắng, Quận I, TP. Hồ Chí Minh Phone: (08) 3822 5069 ; (08) 3910 4804 Fax: (08) 3829 9517 Email: Vfc-infos@vfc.com.vn:/ nbson@vfc.com.vn
8	Công ty Cổ phần Giám định và Khử trùng FCC	45 Đinh Tiên Hoàng, Quận I, TP. Hồ Chí Minh Phone: (08) 3822 3183 Fax: (08) 3829 0202 Email: fcc@fpt.com.vn; fu@fcc.com.vn;
9	Công ty TNHH Trừ mối - Khử trùng Sài Gòn	16 Chung cư Đoàn Văn Bơ, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 3825 5735, 3826 7391, 2229 1118 Fax: (08) 3825 5735, 3826 7391 Email: saigonfiteess@yahoo.com.vn
10	Công ty Phòng trừ Dịch hại Bắc Hà	67A Phó Đức Chính, Ba Đình, Hà Nội
11	Công ty Cổ phần khử trùng Nam Việt	69/21 đường D2, P. 25, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 3512 7347 * Fax: (08) 3512 7348 Email: info@namvietfumigation.com
12	Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ Âu Châu	311 Nơ Trang Long, Phường 13, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
13	Công ty SGS Việt Nam LTD.	119-121 Đường Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 3935 1920 * Fax: (08) 39351921 Website: www.sgs.com

14	Công ty Trách nhiệm hữu hạn Gia Hoàng	12/1/14 tổ 35, khu phố 9, Tân Phong, Biên Hòa, Đồng Nai
15	Chi nhánh Công ty Giám định TNHH ITS Việt Nam Đổi tên thành: Công ty TNHH INTERTEK Việt Nam	Lầu 1, Tòa nhà E.Town 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 6297 1099 * Fax: (08) 6297 1098 Email: cbaVietnamCS@intertek.com Website: www.intertek.com
16	Công ty TNHH khử trùng - Giám định Đa Quốc Gia	12/1/14, Tổ 35, Khu phố 9, Phường Tân Phong, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
17	Công ty Cổ phần Khánh An	Số 46 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng ĐT: (0225) 3558 476 * Fax: (0225) 3558 471 Email: ctykhanhan@vnn.vn
18	Công ty CP Khử trùng và trừ mối Vũng Tàu	252A, đường Thống Nhất, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu ĐT: (064) 3612 829 * Fax: (064) 3586 355 Email: khu trungvungtau@hcm.fpt.vn
19	Công ty TNHH Khử trùng chống mối Vũng Tàu	14 Lê Hồng Phong, Phường 4, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ĐT: (064) 3500 138 * Fax: (064) 3541 082
20	Công ty Cổ phần Viet Green	116/61 Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
21	Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Đông Địa Trung Hải	P.211/407, tòa nhà Khải Vận, 92 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 3914 4966 * Fax: (08) 3821 8875 Email: omsc@hcm.vnn.vn

22	Công ty TNHH Cotecna Việt Nam	Lầu 4, Tòa nhà Đinh Lễ, số 1 đường Đinh Lễ, P. 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 3824 3993 * Fax: (08) 3824 3883 Email: cotecna.hcmc@cotecna.com.vn
23	Công ty Cổ phần Giám định Khử trùng Vietnamcontrol	281/7 Đất Mới, phường Bình Trị Đông A, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh ĐT: (08) 2224 6946 * Fax: (08) 3943 5759
24	Công ty Cổ phần Trừ mối Khử trùng Hà Nội	Số 22, ngõ 116, phố Nhân Hòa, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội ĐT: (024) 3569 0353 * Fax: (024) 3569 0354
25	Công ty Cổ phần Vina Crop Science	3/6A Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
26	Công ty TNHH MTV Trừ mối khử trùng Hoa Phát	Số 026 đường Hợp Thành, P. Phố Mới, TP. Lào Cai
27	Công ty CP Giám định Đại Minh Việt	Số 10 Tôn Thất Thuyết, phường 18, quận 4, TP. Hồ Chí Minh
28	Công ty TNHH Trừ mối - Khử trùng Quốc tế	Số 214/41 Mai Anh Đào, F8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng
29	Công ty TNHH Khử trùng Quốc tế	450/6 đường 442, KP2, P. Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh

PHỤ LỤC SỐ 3

DANH MỤC CÁC CỬA KHẨU QUỐC TẾ, CỬA KHẨU CHÍNH
BIÊN GIỚI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

STT	Tên phía Việt Nam	Tên phía Trung Quốc	LOẠI HÌNH CỬA KHẨU	
			CK Quốc tế	CK Chính (CK song phương)
I	Tỉnh Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Tây		
1	Móng Cái	Đông Hưng	x	
2	Hoành Mô	Động Trung		x
II	Tỉnh Lạng Sơn	Tỉnh Quảng Tây		
1	Hữu Nghị	Hữu Nghị Quan	x	
2	Ga Đồng Đăng (đường sắt)	Bằng Tường	x	
3	Chi Ma	Ái Điểm		x
4	Bình Nghi	Bình Nhi		x
III	Tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Quảng Tây		
1	Tà Lùng	Thủy Khẩu	x	
2	Trà Lĩnh	Long Bang		x

3	Sóc Giang	Bình Mãng		x
4	Pò Peo	Nhạc Vu		
5	Lý Vạn	Thạch Long		x
IV	Tỉnh Hà Giang	Tỉnh Vân Nam		
1	Thanh Thủy - Vị Xuyên	Thiên Bảo - Ma Ly Pho	x	
2	Xín Mần - Xín Mần	Đô Long - Mã Quan		x
V	Tỉnh Lào Cai	Tỉnh Vân Nam		
1	Lào Cai (02 cầu đường bộ)	Hà Khẩu	x	
2	Lào Cai (đường sắt)	Sơn Yêu	x	
VI	Tỉnh Lai Châu	Tỉnh Vân Nam		
1	Ma Lù Thàng	Kim Thủy Hà		x

PHỤ LỤC SỐ 4

QUY CÁCH NHÃN MÁC IN TRÊN BAO BÌ HÀNG THỦY SẢN

1. Nhãn mác bên ngoài bao bì hàng thủy sản loại ăn liền ướp lạnh

	Chi tiết cần thiết	Ví dụ
1	Product Name 产品学名	Vanamei Shrimp 南美白对虾
2	Scientiflc Name 产品学名	Penaeus Vanamei Penaeus Vanamei
3	Specification 规格	20.00-25.00 Kgs 20.00-25.00 Kgs
4	Production date 生产日期	14/6/2019 14/6/2019
5	Expiry date 保质期	3 Month 3个月
6	Lot Number 批号	G-005/14/06/0019 G-005/14/06/0019
7	Storagc condition 储存条件	Below 0 Degree celsius 0°C冷藏
8	Production 生产方式	Fanrmed 养殖

9	Production area 生产地区	Vietnam's Guangning Coastal area 越南
10	Destination 目的地	People's Republic of China 中华人民共和国
11	Production and Processing Enterprise name 生产加工企业名称	QuangNinh seaproducts import Export Company 广宁水产品进出口股份公司
12	Register No 注册号	DL41 DL41

Ghi chú: (Cột bên phải là thông tin minh họa, doanh nghiệp cần cứ vào hàng hóa của đơn vị để ghi cho đúng)

2. Nhãn mác bên ngoài bao bì hàng thủy sản loại không phải ăn liền ướp lạnh (hàng Đông lạnh, ướp đá theo danh mục)

1	Product Name 产品名称	Vannamei Shrimp 南美白对虾（冷冻等）
2	Scientific Name 产品学名	Penaeus Vannamei 凡纳（滨）对虾
3	Production area 产地	Quang Ninh province, Viet Nam 越南广宁省
4	Production 生产方式	Farmed 养殖

5	Production and Processing Enterprise name 生产加工企业	Quang Ninh Seafoods Co.,LTD 广宁水产品加工出口有限公司
6	Register No 注册号	DL517 DL517

3. Hàng thủy sản tươi sống

1	Product Name 产品名称	活青蟹 Cua tươi sống
2	Scientific Name 学名	锯缘青蟹 SCYLLASERRATA
3	Production area 产地	Vietnam 越南
4	Production 生产方式	Farmed 养殖
5	Production and Processing Enterprise name 生产加工企业及编号	HATRANGCO.LTD 荷庄有限责任公司
6	Register No 注册号	TS 578 TS 578

PHỤ LỤC SỐ 5

DANH SÁCH MỘT SỐ DOANH NGHIỆP NHẬP KHẨU
NÔNG THỦY SẢN CỦA TRUNG QUỐC

Ghi chú: Danh sách này do Thương vụ Việt Nam tại Bắc Kinh và Chi nhánh các Thương vụ Việt Nam tại Nam Ninh, Quảng Châu, Côn Minh cung cấp. Do chưa nhất thể hóa về tiếng Việt trong toàn bộ danh sách, danh sách này có một phần vẫn là tiếng Trung, mong các độc giả thông cảm.

Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập khẩu Bách Ân TP. Bằng Tường, Quảng Tây

Chủ tịch HĐQT	Nguyễn Hải Yến	Điện thoại	13878711566
---------------	----------------	------------	-------------

Người liên hệ	Lý Hồng Diễm	Điện thoại	19162465536
---------------	--------------	------------	-------------

Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Lai Đức Bằng Tường, Quảng Tây

Chủ tịch HĐQT	Lý Gia Vũ	Điện thoại	18978164666
---------------	-----------	------------	-------------

Người liên hệ	Ôn Lương	Điện thoại	18070733339
---------------	----------	------------	-------------

Công ty TNHH Thương mại Kiều Chí TP. Bằng Tường, Quảng Tây

Chủ tịch HĐQT	Mã Chí Cao	Điện thoại	13978781055
---------------	------------	------------	-------------

Người liên hệ	Mã Chí Cao	Điện thoại	13978781055
---------------	------------	------------	-------------

Công ty TNHH Thương mại Tinh Long TP. Bằng Tường, Quảng Tây

Chủ tịch HĐQT	Lăng Tinh Cương	Điện thoại	13878759088
---------------	-----------------	------------	-------------

Người liên hệ	Triệu Hằng	Điện thoại	18579912688
---------------	------------	------------	-------------

Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập khẩu Cự Tinh TP. Bằng Tường, Quảng Tây

Chủ tịch HĐQT	Đường San San	Điện thoại	13737133282
---------------	---------------	------------	-------------

Người liên hệ	Lăng Tinh Bàng	Điện thoại	13878757648
Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập khẩu Úc Khôn TP. Bằng Tường Quảng Tây			
Chủ tịch HĐQT	Hoàng Hỉ Long	Điện thoại	15678808228
Người liên hệ	Nông Thúy Quấn	Điện thoại	13557599300
Công ty TNHH Thương mại Tinh Nghệ TP. Bằng Tường, Quảng Tây			
Chủ tịch HĐQT	Nông Thanh Hồng	Điện thoại	13878758960
Người liên hệ	Nông Thanh Hồng	Điện thoại	13878758960
Công ty TNHH Thương mại Xuất Nhập khẩu Trục Đa Đa TP. Bằng Tường, Quảng Tây			
Chủ tịch HĐQT	Đặng Chân Quyên	Điện thoại	13558180866
Người liên hệ	Đặng Chân Quyên	Điện thoại	13558180866
Công ty TNHH Thương mại Hâm Mậu TP. Bằng Tường, Quảng Tây			
Chủ tịch HĐQT	Hoàng Cường	Điện thoại	13978121350
Người liên hệ	Hà Tiểu Huệ	Điện thoại	13597075862
Công ty TNHH Thương mại Thiên Lỗi TP. Bằng Tường, Quảng Tây			
Chủ tịch HĐQT	Nông Tuyết Nghệ	Điện thoại	13507813463
Người liên hệ	Nông Tuyết Nghệ	Điện thoại	13507813463
Công ty TNHH Thương mại Vạn Lợi TP. Bằng Tường, Quảng Tây			
Chủ tịch HĐQT	Lư Xuân Linh	Điện thoại	13878710652
Người liên hệ	Lư Xuân Hoa	Điện thoại	13878710652

Công ty TNHH Đại lý Vận chuyển hàng hóa Quốc tế Thuận Bách Long Quảng Tây

Chủ tịch HĐQT	Thang Thành Vĩ	Điện thoại	13907815228
Người liên hệ	Triệu Tiểu Anh	Điện thoại	13737133758

Công ty TNHH Thương mại Ưu Trình Cao TP. Bằng Tường, Quảng Tây

Chủ tịch HĐQT	Hứa Trình Trình	Điện thoại	13878758188
Người liên hệ	Vương Tiểu Đông	Điện thoại	13878758188

姓名 Họ tên	单位 ĐƠN VỊ CÔNG TÁC	职务 CHỨC VỤ
郭少锋 Guo shaofeng	广东省粮食行业协会 Hiệp hội ngành hàng lương thực Guangdong	执行会长、团长 Hội trưởng điều hành, Trưởng đoàn
	广州市广佛兄弟米业有限公司 Công ty HH ngành gạo Guangfo xiongdi TP. Guangzhou	董事长 Chủ tịch HĐQT
林俊波 Lin junbo	广东省粮食行业协会 Hiệp hội ngành hàng lương thực Guangdong	执行会长 Hội trưởng điều hành
	深圳市中泰米业有限公司 Công ty HH ngành gạo Zhongtai TP. Shenzhen	董事长 Chủ tịch HĐQT
郑永钊 Zheng yongzhao	广东省粮食行业协会 Hiệp hội ngành hàng lương thực Guangdong	执行会长 Hội trưởng điều hành
	汕头市粮丰集团有限公司 Công ty HH tập đoàn Liangfeng TP. Santou	董事长 Chủ tịch HĐQT

邓琪 Deng qi	广东省粮食行业协会 Hiệp hội ngành hàng lương thực Guangdong	副会长 Phó hội trưởng
	东莞市金良稻丰米业有限公司 Công ty HH ngành gạo Jinliang daofeng TP. Dongguan	董事长 Chủ tịch HĐQT
李培勇 Li peiyong	广东省粮食行业协会 Hiệp hội ngành hàng lương thực Guangdong	秘书长 Thư ký trưởng
肖华莉 Xiao huali		一级主管 Chủ quản
刘雪儿 Liu xueer	广州市粮食行业协会 Hiệp hội ngành hàng lương thực TP. Guangzhou	负责人
黄志成 Huang zhicheng	广州市广佛兄弟米业有限公司 Công ty HH ngành gạo Guangfo xiongli TP. Guangzhou	经理 Giám đốc
黎灿源 Li shanyuan	广东汇福桥贸易有限公司 Công ty HH thương mại Huifuqiao Guangdong	副总经理 Phó TGĐ
林夏炫 Lin xiaxuan	深圳市中泰米业有限公司 Công ty HH ngành gạo Zhongtai TP. Shenzhen	
林夏威 Lin xiawei		
李鼎 Li ding	深圳市中农粮食有限公司 Công ty HH lương thực Zhongnong TP. Shenzhen	办公室主任 Chủ nhiệm VP

梁鸿安 Liang hongan	东莞市虎门粮食有限公司 Công ty HH lương thực Humen TP. Dongguan	副总经理 Phó TGĐ
谢志翔 Xie zhixiang	东莞市翔毓粮油实业有限公司 Công ty HH lương thực dầu ăn Xiangyu TP. Dongguan	总经理 TGĐ
李常青 Li changqing	东莞市常记粮食有限公司 Công ty HH lương thực Changji TP. Dongguan	总经理 TGĐ
邓子晨 Deng zichen	东莞市金良稻丰米业有限公司 Công ty HH ngành gạo Jinliang daofeng TP. Dongguan	董事长助理 Trợ lý chủ tịch HĐQT
陈干宝 Chen ganbao	东莞市稻成米业有限公司 Công ty HH ngành gạo Daocheng TP. Dongguan	经理 GD
杨雪松 Yang xuesong	东莞市粮食行业协会 Hiệp hội ngành hàng lương thực TP. Dongguan	秘书长 Thư ký trưởng
戚登豪 Qi denghao	广东一碗米贸易有限公司 Công ty HH thương mại gạo Yiwan Guangdong	总经理 TGĐ

Họ và tên	Họ tên (phiên âm tiếng Trung)	Tên công ty/Chức vụ
Hàn Tử	HAN,ZI	Trợ lý Tổng GD, Công ty HH mua bán lương thực xanh An Huy
Lý Cúc	LI,JU	Tổng GD, Công ty HH mua bán lương thực xanh An Huy
Từ Chí Tường	XU,ZHIXIANG	Công ty HH Xuất Nhập khẩu Thương mại Quốc Vũ An Huy
Chu Ninh Ninh	ZHU,NINGNING	Công ty HH Xuất Nhập khẩu Thương mại Quốc Vũ An Huy
Cam Khởi Bân	GAN,QIBIN	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Liên Hà An Huy
Hồ Quốc Bình	HU,GUOPING	Phó Tổng GD Kinh doanh, Công ty HH Tập đoàn Khai phát Nông nghiệp Mực Mã Hồ An Huy (Manor Lake Group An Hui)
Ngụy Dương Hà	WEI,YANGHE	Chủ tịch HĐQT Công ty HH Tập đoàn Gạo Hòa Kiện, tỉnh An Huy
Hoàng Mậu Tuyển		Giám đốc, Công ty HH Khai phát Nông sản phẩm Phong Mậu huyện Thọ, tỉnh An Huy

Trương Thế Bình	ZHANG,SHIPING	Giám đốc, Công ty HH Cổ phần Tập đoàn Dầu lương thực Thiên Lợi An Huy
Vương Trật Tây	WANG,ZHIXI	Chủ tịch HĐQT, Công ty HH Gạo Thái Lương Thành phố Đông Quan
Tăng Lệ Phương	ZENG,LIFANG	Phó Chủ tịch HĐQT, Công ty HH Gạo Thái Lương Thành phố Đông Quan
Vương Đình Vượng	WANG,TINGWANG	Tổng GD Xưởng gia công chế biến lương thực Long Đằng, Thành phố Phúc Đĩnh
Lý Đình	LI,DING	Chủ nhiệm VP Công ty HH Lương thực Trung Nông, Thành phố Thâm Quyển
Luu Khánh Văn	LIU,QINGWEN	Tổng Giám đốc, Công ty HH Lương thực Trung Nông, Thành phố Thâm Quyển
Mai Tâm Lạc	MEI,XINLE	Chủ tịch HĐQT, Công ty HH Dầu lương thực Lạc Phong, Tương Dương
Lâm Đình Đình	LIN,TINGTING	Tổng GD, Công ty HH Dầu lương thực và Thực phẩm Tường Vân, huyện Dương Tân
Vũ Thủy Anh	YU,SHUIYING	Chủ tịch HĐQT, Công ty HH Dầu lương thực và Thực phẩm Tường Vân, huyện Dương Tân

Chung Văn Kỳ	ZHONG,WENQI	Chủ tịch HĐQT, Công ty Cổ phần Khoa học kỹ thuật Giai Long, Chương Châu
Diệp Cẩm Nguyên	YE,JINYUAN	Giám đốc, Công ty HH Thương mại Song Cẩm, Tp. Chương Châu
Lý Nghị	LI,YI	Xưởng Tinh gạo Song Long, Khu Dụ An, TP. Lục An
Liễu Dịch Lâm	LIU,YILIN	Tổng GD, Công ty TNHH Mua bán Lương thực TP. Lưu Dương
Châu Việt Nghiêu	ZHOU,YUEYAO	Tổng Giám đốc, Công ty TNHH Gạo Hồ Lưu Dương, Thành phố Lưu Dương
Trang Hiểu Na	ZHUANG,XIAONA	Giám đốc, Công ty HH Xuất Nhập khẩu Dầu Lương thực Trang Hải Khâm, Thành phố Thâm Quyến
Trang Hải Khâm	ZHUANG,HAIQIN	Tổng GD, Công ty HH Xuất Nhập khẩu Dầu Lương thực Trang Hải Khâm, Thành phố Thâm Quyến

序号	省区	企业名称	主营范围	联系方式
1	云南	昭通市昭阳区祺祥农业开发有限责任公司	出口苹果脆冻干片	李世祥, 总经理, 13887028868, 1519907218@qq.com
2	云南	保山市新赛咖啡有限公司	从事农业生产及销售	谢显文, 总经理, 18608753997
3	云南	昌宁县昌恒农业科技有限公司	蔬菜、农作物、水果、中药材的种植、销售; 园艺开发、农业观光项目开发、农业科技服务; 畜牧水产养殖; 储藏保鲜; 乡村旅游开发; 农产品加工及销售	王富莲, 总经理, 13759469394
4	云南	德宏后谷咖啡有限公司	出口咖啡	张云, 董事长, 13806654579,
5	云南	河口百果园食品有限公司	进出口中越水果	郑荣城, 经理, 18078830793,
6	云南	河口富金商贸有限公司	进出口中越水果	彭金秋, 经理, 13988039617
7	云南	河口强仙商贸有限公司	进出口中越水果	黄仙, 经理, 13769426607
8	云南	河口万兴商贸有限公司	进出口中越水果	颜翠林, 经理, 13887335618
9	云南	河口优华商贸有限公司	进出口中越水果	杨宝翠, 经理, 15368367812

10	云南	景洪阿达嘎商贸有限公司	食品工艺品加工零售、服饰、茶叶加工零售	马连，董事长，18088102177, 3064862858@qq.com
11	云南	开远锦瑜农业发展有限公司	种植与推广水果	尚建松，总经理，13987347069,
12	云南	昆明满天红生物科技有限公司	出口发酵果蔬汁饮料（酵素），酵素日化品，酵素食品，酵素饮品等	曾杰，销售总监，13629451871 朱景宇，经理，13987605508
13	云南	昆明品鸿商贸有限公司	经营食品和水果生鲜的贸易	张云华，总经理，13708460880 代海云，主管，13608804359, 237884302@qq.com
14	云南	昆明万宸电子商务有限公司	进口水果类，经营生鲜农产品的供应	张力，总经理，13888862986, admin@izhangli.cn
15	云南	马关县蜀丰食品有限公司	出口无抗鲜鸡蛋、时鲜蔬菜、有机肥；进口糖类	姚冬玲，副总经理，13889508638, 648254572@qq.com
16	云南	山西振东五和健康科技股份有限公司	以山西为种植、生产基地，集研发、生产、销售于一体的完整产业链条	李伟民，经理，17799993505
17	云南	西双版纳艾味食品有限公司	出口傣家传统风味调味料食品	张杰，副总经理，18849932555
18	云南	西双版纳津津食品有限公司	开发谷物类及系列产品	田爱飞，总经理，13578168722, 1446962924@qq.com
19	云南	西双版纳绿福商贸有限公司	经营茶叶及其进出口贸易	贾寅，经理，13578159666,

20	云南	云龙县诺邓镇朝胜火腿加工厂	生猪生态化养殖	杨空，副总经理，13908720346
21	云南	云南白药集团股份有限公司	出口大健康类产品	贺菲菲，经理，15925149977
22	云南	云南丹一堂生物科技有限公司	进口膳食药材，出口中药材及中药饮片。是集医疗、中医养生、私人医生身心健康管理、中药材种植及销售、中药材食疗配方粉研发的企业	刘欣荣，职员，18987156643，798162989@qq.com
23	云南	云南弗斯特农产品有限公司	出口花卉；进口火龙果等	张俊敏，总经理，18087778118，jmcvzhang@hotmail.com
24	云南	云南禾火贸易有限公司	出口木耳，平菇，香菇，进口火龙果，紫薯。主要从事跨境电商以及国内电商	肖宗宁，总经理，18288909418 孟志梅，外贸经理，15925137403，info@hehuocorp.com
25	云南	云南苦之道咖啡有限公司	长期致力于助推中国咖啡产业发展	彭琼芝，副总经理，13700639887
26	云南	云南绿A生物工程有限公司	出口螺旋藻保健品	付静琳，副总监，13608802545，yngreena@gmail.com
27	云南	云南农垦集团	农产品出口	朱启赛，副部长，13759527119，584600475@qq.com

28	云南	云南农垦昭通农业投资发展有限责任公司	出口苹果	李钢，书记，13708872519 方成权，总经理，13887041266
29	云南	云南濮仁茶行	出口普洱茶	白雄，董事长，18669022109
30	云南	云南棋蜜生物科技有限公司	进出口中越水果	王 棋，经理，18669215677
31	云南	云南日林新能源开发有限公司	出口太阳能光伏产品、光伏水泵、果蔬脱水技术应用	陈海媛，项目经理，18082931369, hr@ynrilin.com
32	云南	云南速鲜商贸有限公司	出口蔬菜、水果、菌类、调料，进口水果、海鲜。主要经营禽肉类、粮油、水果、生鲜蔬菜销售	余洋，职员，13808739628,
33	云南	云南通茂进出口有限公司	进口采购鲜小米椒，鲜美人椒	向为庆，法人代表，13987713378，2220011706@qq.com
34	云南	云南通泰贸易进出口有限公司	农产品出口	李华，15108733681,
35	云南	云南通用药业有限公司	出口保健品、保健茶、天然生物制剂	张春梅，商务总监，13769153089
36	云南	云南团赚电子商务有限公司	出口生鲜蔬菜、水果	彭加任，法人代表，18788556421，498640100@qq.com
37	云南	云南五洲跨境电子商务有限公司	母婴用品、美妆个护、食品保健、家居数码和服饰鞋包等类目的海外正品购物平台	赵秩韡，运营总监，18314598288，zhaozhiwei@sellbuy.cn

38	云南	云南艺晋元进出口贸易有限公司	进口鲜活海产品、鱼粉等采购需求。是一家具备鲜活海产品进口、观赏鱼进口、肉类进口、水果进出口、花卉种苗进出口资质的老外贸公司	员梅，董事长，13888875621 江美湘，经理，18788129833
39	云南	昭通超越农业有限公司	出口早中晚熟苹果	李炳伟，总经理，15839839075，ztad@chinahaisheng.com
40	云南	昭通市汉朔农产品有限公司	出口红富士苹果	严俊，总经理，13658702566，754443258@qq.com
41	云南	镇雄县黑颈鹤生物科技开发有限公司	出口竹笋	刘丽杰，营销总监，13908868913，1420699283@qq.com
42	吉林	吉林省吉鹿源进出口贸易有限责任公司	出口鹿茸人参	曹广军，经理，13943794455，503081736@qq.com
43	吉林	长春天力健康食品有限公司	出口人参深加工品	田耀博，副总经理，15584100112
44	浙江	云南浙滇农业发展有限公司	出口玫瑰葡萄等	郭峰，董事长
45	湖南	万隆奥杰鸿福商贸有限公司	火腿，月饼馅料	毛建军
46	重庆	重庆泰尔乐食品有限公司	/	陈刚，董事长，13896458222
47	四川	会东县绿原农林科技开发有限公司	出口辣木酥饼，山鸭蛋皮蛋	王云富，总经理，13881489191，3199822368@qq.com

48	四川	凉山宏林农产品流通配送有限责任公司	出口季节性新鲜季水果蔬菜如：苹果、石榴、葡萄、猕猴桃等；进口越南的特色农副产品	赖柏冰，董事长，18181247888
49	四川	泸州沁牌养生酒业有限公司	/	宋泽贞，总经理，13198263111
50	四川	泸州市酒业协会	/	杜伟，副秘书长，18980256637
51	四川	泸州唐人酒业有限公司	/	程志权，董事长，15892908888
52	四川	四川老廖家风味食品有限公司	/	廖天发，法人，13320617639
53	四川	武胜县醉仙麻辣牛肉食品有限责任公司	/	汪洪福，副总经理，13608273418
54	贵州	百里杜鹃中义食用菌开发有限公司	冬荪、冬荪栽种种子	张宗义，15121523379
55	贵州	毕节保河腾辉养殖专业合作社	金秋梨	吴维彬，13885768908
56	贵州	碧江区白秧坪大米生产专业合作社	白水大米	雷兵，17311961266
57	贵州	贵州阿绿农业科技开发有限公司	农产品	刘奕，13608302000
58	贵州	贵州宝峰冰心苹果开发有限公司	冰心苹果	许如奎，13887415485
59	贵州	贵州本色农产品供应链有限责任公司	生鲜类	谢伟，18610518888

60	贵州	贵州高原蓝梦菇业科技有限公司	食用菌	陈孟谈, 18985362567
61	贵州	贵州力合农业科技有限公司	蔬菜类种子	唐秀红, 13007822816
62	贵州	贵州民投润丰农业开发有限公司	韭黄	严姣姣, 15329030979
63	贵州	贵州善财聚人种养殖有限公司	南瓜	胡涛, 18785001018
64	贵州	贵州省兴义市鸿鑫农业发展有限责任公司	农产品	陈孝娟, 13312491588
65	贵州	贵州省钟山扶贫旅游文化投资有限公司	乌洋芋	杨林, 18286821352
66	贵州	贵州同心弘盛农业发展有限公司	白萝卜, 花菜, 白菜 莲花白, 西红柿	卯昌举, 13885771398
67	贵州	贵州掌上达农业科技有限公司	土豆 大葱 辣椒	赵庆升, 18883758536
68	贵州	河口农商互联科技有限公司	生鲜类	黄燕琼, 13388738821
69	贵州	铜仁市佳禾商贸有限公司	香柚	刘佳宇, 18085669646
70	贵州	威宁绿达农业发展有限公司	威宁洋芋、苦荞茶、 糖心苹果	施启情, 18386368779
71	贵州	镇宁自治县贝农种植农民专业合作社	百香果, 火龙果	卢声磊, 18708537879
72	甘肃	甘肃菌之韵菌业有限责任公司	出口菌子, 进口越 南果蔬	夏涛, 董事长, 13893943388

73	甘肃	甘肃美迹康进出口有限公司	出口中药材	潘进，经理，13919351418
74	甘肃	甘肃祁连葡萄酒业有限责任公司	出口葡萄酒	潘鸿，营销总监，18993081888
75	甘肃	甘肃云松贸易有限公司	出口黄洋葱	魏烈昊，总经理，13884222889
76	甘肃	景泰县虎博圆果品产销专业合作社	出口枸杞，进口腰果	张生敏，总经理，13363994316
77	甘肃	静宁县金果实业有限公司	出口苹果等，进口越南水果	张丁卯，经理，15294166196
78	甘肃	酒泉东汇农业科技有限责任公司	进出口农产品（对越）	于鸿哉，董事长，13893757165
79	甘肃	武威嘉禾佳生态农业科技有限公司	出口有机酱菜系列	王有会，总经理，13909381960
80	甘肃	永昌县霞藩高原富硒农产品农民专业合作社	出口大麦茶，进口水果干	刘志刚，总经理，15393583866
序号	省区	企业名称	主营范围	负责人
1	云南	昆明英地尔软件技术股份有限公司	出口行业软件，办公自动化软件，工厂自动化，软件外包服务、医院管理软件、跨境电子商务	李健，董事长，13708402698
2	云南	麻栗坡溶森边贸公司	/	王以恒，总经理，18108766888
3	云南	麻栗坡鑫誉边贸公司	/	软椿媒，总经理，15912309666

4	云南	五洲跨境电子商务有限公司	电子商务交易平台和跨境电商供应链系统	袁玉海, 副总裁, 13398801775
5	云南	西双版纳金纳会展服务有限公司	会议及会展服务, 社会经济咨询服务等, 承办国内和周边国家各类展会。	龚友金, 总经理, 13013336918
6	云南	西双版纳顺源边贸有限公司	日用百货、橡胶制品、农副产品、干鲜果品、咖啡、化工原料及产品（不含危险品）	吴敬原, 总经理, 0691-2120877
7	云南	云南艾劳沃商贸有限公司	/	王洪, 副总经理, 19987313036
8	云南	云南安达顺国际物流供应链有限公司	/	周鹏翔, 总经理, 13708419623
9	云南	云南丰疆国际物流供应链股份有限公司	出口炊具类、玩具类、坚果类。主要致力于跨境电商、国际物流以及国际供应链三大业务版块	姜红祥, 经理, 15587177467
10	云南	云南福瑞达进出口有限公司	出口泡沫灭火剂	颜静涛, 项目经理, 13354929246
11	云南	云南富承昌盛贸易有限公司	进口货物和技术进, 货物经纪与代理, 养殖和种植业	雷美林, 总经理, 13108859678
12	云南	云南君源进出口商贸公司	/	刘勇君, 总经理, 15987667747
13	云南	云南康耐普贸易有限公司	为客户提供代理高质量的名牌产品并提供优质生活	曹彦春, 财务部部长, 15369065795

14	云南	云南伍叁叁文化传播 有限公司	培养跨境电商人才、 解决企业用人需求	王雪彬，职 员，18514252493
15	云南	云南锡业集团物流 有限公司	物资代理采购、运 输，仓储、配送及 供应	/
16	云南	云南颐高投资有 限公司	投资管理、免税店经 营、药用植物深加 工、医药健康产业、 跨境电商等	/
17	云南	云南中马文化传 播有限公司总经理	从事展览会及各类大 型活动的策划、组 织、实施、运营及专 门承接政府及各类大 型展会活动招商招展	董晓英，总经 理，13708422719
18	云南	中铁快运股份有 限公司昆明分公司	从事全国铁路高铁快 运、行包快运业务统 一对外经营以及跨境 电商物流业务	陶永振，经 理，13888645663
19	内蒙	鄂尔多斯市中轩生 化股份有限公司	专门从事水溶性生物 胶研发、生产、销 售、物流为一体的国 家高新技术企业	徐颖，销售总 监，865336099615
20	湖南	昆明除广没品牌管 理有限公司	广告牌全案、平面 设计	陈洁，总经 理，13388801180
21	四川	四川中基进出口有 限责任公司	/	熊凡，总经 理，18908214330
22	四川	乐山市壹点利商贸 有限公司	/	韩前书，总经 理，18908133359
23	四川	四川办德诚电子商 务有限公司	/	王贵玉，经 理，15351304420

24	四川	雅安环创供应链管理有限公司	/	梁伟，总经理，18808359166
25	四川	四川雅全科技有限公司	/	侯云川，董事长，13983668733
26	四川	德阳市振兴国有资本投资运营有限公司	/	董剑锋，董事长，13330871166
序号	省区	企业名称	主营范围	负责人
1	云南	江城万里外贸有限责任公司	进口老挝板材，家具	周帆，总经理，18988186266
2	云南	江西华强医疗器械有限公司	生产和销售医疗器械	/
3	云南	昆明傲远管业有限公司	出口市政给排水管道、一体化污水处理设备、SMC模压玻璃钢化粪池	宋顺英，副总经理，13700661087 沈彦余，销售经理，15087004255
4	云南	昆明碧淳贸易有限公司	出口各种化工原料、塑料树脂、染料和助剂、颜料及中间体，橡胶制品、化学试剂、化工机械、农药、农膜原料等产品	薄亦君，总经理，18987171148
5	云南	昆明博明发	出口聚乙烯蜡，氧化聚乙烯蜡，微晶蜡，橡胶防护蜡食品级微晶蜡，费托蜡，炸药专用复合蜡	曾云靠，经理，13700685800
6	云南	昆明苏净工贸有限公司	涉及铁路、地铁、城市轨道交通行业相关的机车车辆、地铁车辆、轨道交通车辆整车及配件的销售	宋巍，营销副总，13658876865

7	云南	昆明天矫力防震加固工程有限公司	从事钢结构施工、建筑减震和隔震加固、房屋纠偏、顶升、平移、结构补强、危旧建筑工程隐患消除的专业性公司。	/
8	云南	昆明云盘山磷化工有限公司	从事精细级磷酸盐的生产与销售	左军，董事长，13888929680
9	云南	陇川县百信胶带有限公司	出口三角带，传输带	王浩坤，总经理，15393926666
10	云南	山东晶鑫无纺布制品有限公司	销售和生产无纺布及无纺制品等	李春梅，法人
11	云南	深圳市蓝韵实业有限公司	进口医疗设备：数字超声系统，放射，乳腺机，麻醉机，呼吸机，体外诊断设备	黄少楷，销售经理，13360050400
12	云南	泰瑞医疗科技有限公司	产品涉及到PSA制氧机、氧气瓶罐装系统、呼叫系统、空气洁净及水洁净产品等。	周华，外贸经理，18075193259
13	云南	云南澄江鑫源经贸有限责任公司	出口石墨电极、焦炭等	杨家声，总经理，15087718038
14	云南	云南丛安贸易有限公司	出口医疗器械	吴引吉，总经理，18388087693
15	云南	云南构得力生物科技有限公司	从事化工、环境设备的研发、设计、生产，农业及环境治理	韩春福，董事长，13608854719
16	云南	云南红河以晴集团有限公司	手机、平板电脑、电视机	蔡国堂，总经理，18089681775

17	云南	云南集古隆铜文化发展有限公司	从事铜工艺品文化艺术研发、评估、生产、销售与展示	肖冰, 法人代表, 18987291077
18	云南	云南朗德热能环保科技有限公司	从事化工、环境设备的研发、设计、生产, 农业及环境治理	韩春生, 总经理, 13354619148
19	云南	云南麽麽安生物科技有限公司	研发和生产“三价银离子”和“富勒烯”	李云鹤, 销售总监, 18669079828
20	云南	云南明顿医院管理有限公司	医院管理; 企业管理与咨询; 经济信息咨询、健康信息咨询	张春艳, 总经理, 13769153089
21	云南	云南新月经贸有限公司	黑色非金属碳素制品, 石墨电极的销售, 是钢厂、磷磷厂、锌冶炼厂、电炉冶炼中的导电升温的原材料	/
22	云南	云南鑫成鹏高分子科技有限公司	出口电缆线等	严建兰, 行政人员, 13678161565
23	云南	中车大连机车研究所副所长及大连中车泽隆机械有限公司	研发执照轨道交通装备	朱红波, 董事长, 13888212084
24	云南	珠海市精钰科技设备有限公司	医用分子筛中心制氧设备、医用中心供氧系统、医用中心吸引系统	杨云, 董事长
25	吉林	吉林省云贸科技发展有限公司	出口调理仪器	薛玉娥, 董事长, 18943172200
26	湖北	湖北金山轻工家电公司	应急灯、灭蚊灯、灭蚊拍	贵女士, 负责人, 13007122410

27	湖南	湖南省晚安家居实业有限公司	床垫、沙发、软床、实木套房、定制家具	王亚鹏, 市场总监, 18388408858
28	湖南	昆明德之成建设工程有限公司	交流变频调速器、软启动器	许银雨, 销售总监, 18987151973
29	湖南	千达纸箱包装厂	纸箱以及各类彩箱礼盒	杨洪福, 总经理, 17388596888
30	湖南	云和尊尚门业有限公司	烤瓷实木套装门	郑立亮, 销售总监, 18987758168
31	湖南	云南云本环境科技有限公司	建筑防水的专业承包	张勇, 董事长, 13888325758
32	重庆	重庆飞镞电器有限公司	货物进出口, 家电配件等	谢永节, 常务总经理, 13667604117
33	重庆	重庆四联光电科技有限公司	出口LED灯具	张娟, 副总经理, 18696606161
34	四川	巴中市天鹤服饰有限公司	出口针织品	杜江兰, 销售总监, 13881658998
35	四川	四川经纶纺织有限公司	/	岳鑫, 销售经理, 13628192727
36	四川	四川绵阳虹锐电工有限责任公司	出口LED驱动, LED灯; 进口塑料金属组件	段军, 厂长, 13778035796
37	四川	四川绵阳江虹线缆制造有限公司	出口光缆线	何心成, 销售部经理, 18990132588
38	四川	四川省万马机械制造有限公司	/	陈硕, 总经理, 13440120999
39	四川	四川竹根锅炉股份有限公司	/	刘强, 总经理, 18981369607

SỔ TAY

**MỘT SỐ THÔNG TIN CẦN BIẾT
KHI XUẤT KHẨU NÔNG THỦY SẢN
SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC**

NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Trụ sở: Số 655 Phạm Văn Đồng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 024 3 934 1562 **Fax:** 024 3 938 7164

Website: <http://nhaxuatbancongtuong.com>

Email: nxbct@moit.gov.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng Biên tập

Nguyễn Minh Huệ

Biên soạn nội dung

Cục Xuất nhập khẩu - Bộ Công Thương

Biên tập

Nguyễn Thị Thanh Thảo

Lương Thị Ngọc Bích

Đồng Thị Thu Thủy

Trình bày

Vương Nguyễn

In 1.000 cuốn, khổ 15x20 cm tại Công ty TNHH In và Thương mại Trần Gia.

Địa chỉ: Số 14, ngõ 464, đường Âu Cơ, P. Nhật Tân, Q. Tây Hồ, Hà Nội

Số xác nhận đăng kí xuất bản: 3346-2019/CXBIPH/06-131/CT

Số Quyết định xuất bản: 205/QĐ - NXBCT, cấp ngày ngày 09/9/2019

Mã số ISBN: 978-604-931-912-9.

In xong và nộp lưu chiểu Quý 3/2019.